



**BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ**

Địa chỉ: Tô 27, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội
Điện thoại: 0243.882.1651/ (84)-4.38820141 Email:

Fax: (84)-4.38820306

Website: <http://www.httc.edu.vn/>

BÁO CÁO

**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ KỸ THUẬT SỬA CHỮA VÀ LẮP RÁP MÁY TÍNH TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP
NĂM 2022 (2020- 2022)**

Hà Nội, tháng 9 năm 2022

Mục lục

CÁC TỪ VIẾT TẮT	4
PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GDNN, KHOA/ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	5
1 Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp	5
2 Thông tin khái quát về Khoa Công nghệ thông tin:.....	5
3. Thông tin về Chương trình đào tạo	6
PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	12
1 Tổng quan chung.....	12
1.1 Căn cứ tự đánh giá	12
1.2 Mục đích tự đánh giá.....	12
1.3 Yêu cầu tự đánh giá.....	13
1.4 Phương pháp tự đánh giá	13
1.5 Các bước tiến hành tự đánh giá.....	14
2 Tự đánh giá.....	14
2.1 Tổng hợp kết quả tự đánh giá	14
2.2 Tự đánh giá chi tiết theo từng tiêu chí	20
2.2.1. Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính	Error! Bookmark not defined.
2.2.2 Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	20
2.2.3. Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	30
2.2.4.Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình.....	40
2.2.5.Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.....	73
2.2.6. Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học	91
2.2.7. Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng	73
PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	111
PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.....	111
PHỤ LỤC.....	112

1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng/Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (hoặc Quyết định kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng/Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo)	112
2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo	117
3. Bảng mã minh chứng	147

CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Viết tắt	Ý nghĩa
1.	TCGDNN	Tổng cục giáo dục nghề nghiệp
2.	LĐ-TB&XH	Lao động – Thương binh và Xã hội
3.	TĐGCLCSGDNN	Tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp
4.	CĐN	Cao đẳng nghề
5.	TCN	Trung cấp nghề
6.	MC	Minh chứng
7.	BS	Minh chứng bổ sung
8.	NH	Nội hàm
9.	HSSV	Học sinh, sinh viên
10.	KTV	Kỹ thuật viên
11.	NV	Nhân viên
12.	BB	Biên bản
13.	KTCN	Kỹ thuật Công nghệ
14.	KHCB	Khoa học cơ bản
15.	CNTT	Công nghệ thông tin
16.	KTSC&LR	Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp
17.	DNS	Domain Name System(hệ thống tên miền)
18.	DHCP	Dynamic Host Configuration Protocol (Giao thức Cấu hình Host Động).

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GDNN, KHOA/ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1 Thông tin chung về cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Tên trường: Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ

Tên Tiếng Anh: Technique Technology College

Cơ quan chủ quản: Bộ Lao động Thương binh và Xã hội

Địa chỉ trường:

Trụ sở chính: Tổ 27, thị trấn Đông Anh – Hà Nội

Số điện thoại: 043. 9687241

Số fax: 043. 8820306

Email: phongdbclktcn@gmail.com

Website: www.httc.edu.vn

Năm thành lập trường:

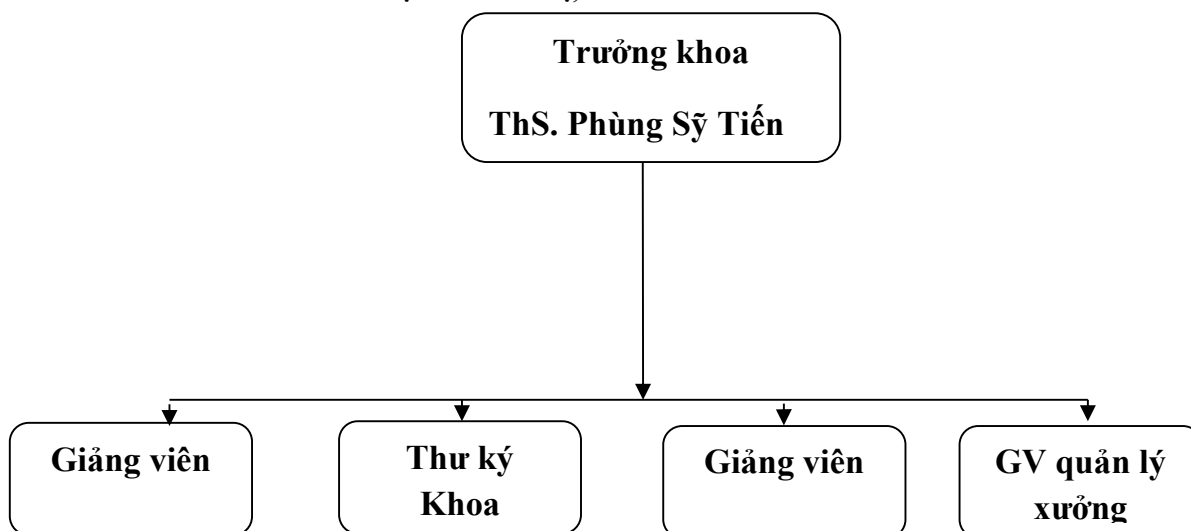
- Năm thành lập đầu tiên: 2000

- Năm nâng cấp thành trường trường cao đẳng nghề: 2006

Loại hình trường: Công lập ; Tư thực

2 Thông tin khái quát về Khoa Công nghệ thông tin:

- Cơ cấu tổ chức và nhân sự của đơn vị;



- Cơ sở vật chất

Tổng số có 05 Phòng máy, 01 Kho, 01 Văn phòng khoa. Được trang bị 200 máy tính. Có 02 phòng máy đạt tiêu chuẩn Quốc tế trang bị 50 máy tính đồng bộ cấu hình hiện đại, các phòng máy đều được kết nối Internet, mạng LAN nội bộ. Thiết bị mạng được trang bị đầy đủ cấu hình cao hiện đại của hãng Cisco, các thiết bị cáp quang phục vụ tốt việc thực hành thực tập của học sinh sinh viên. Các dụng cụ cầm tay được trang bị đầy đủ, trong năm 2017-2018 được đầu tư 15 tỷ VNĐ để mua sắm các trang thiết bị nghề Quản trị Mạng Máy tính phục vụ lớp thí điểm theo chương trình Quốc tế (Úc).

+ Thành tích của Giáo viên:

Năm nào trong khoa cũng có giáo viên thi và đạt giáo viên dạy giỏi cấp trường, Các giáo viên tích cực tham gia học tập nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ (03 Cao học)

+ Thành tích của Học sinh sinh viên :

Học sinh, sinh viên của Khoa đã đạt được một số giải thưởng trong các hội thi tay nghề:

TT	Năm học	Giải thưởng	Hội thi
1	2015-2016	01 giải ba 01 giải khuyến khích	Hội thi tay nghề thành phố
2	2017- 2018	01 giải ba	Hội thi tay nghề thành phố
3	2018-2019	03 giải ba 01 giải khuyến khích	Hội thi tay nghề thành phố

3. Thông tin về Chương trình đào tạo

3.1. Mục tiêu chung:

- Chính trị, pháp luật:

+ Có hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lê nin; tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;

+ Biết được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật

- Đạo đức, tác phong công nghiệp:

+ Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp;

+ Có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao trình độ nghề nghiệp, để đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Thường xuyên rèn luyện thân thể để có sức khỏe học tập và công tác lâu dài;

+ Nắm được đường lối quốc phòng của Đảng và luyện tập quân sự sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, điện tử máy tính, mạng máy tính;

+ Xác định được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các thành phần trong hệ thống máy tính;

+ Đọc và hiểu các thông số kỹ thuật của các thành phần phần cứng máy tính;

+ Trình bày được nguyên lý và phương thức lưu trữ dữ liệu trong máy tính;

+ Trình bày được nguyên lý làm việc của hệ điều hành;

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về lập trình trên máy tính;

+ Mô tả được việc lắp ráp, cài đặt, sửa chữa và bảo trì hệ thống máy tính, màn hình máy tính, máy in;

+ Mô tả được việc tháo lắp, cài đặt, và bảo dưỡng máy tính xách tay;

+ Phân tích, thiết kế hệ thống mạng cho doanh nghiệp;

+ Phân tích, đánh giá được hiện trạng hệ thống máy tính, lập kế hoạch nâng cấp hệ thống máy tính và mạng máy tính;

+ Có được đầy đủ các kiến thức làm nền tảng cho việc lắp ráp, sửa chữa và lắp đặt cũng như bảo trì, sửa chữa mạng máy tính;

+ Có khả năng phân tích, đánh giá và đưa ra những giải pháp xử lý sự cố máy tính, mạng máy tính;

+ Có khả năng hoạch định, lựa chọn, thiết kế hệ thống mạng theo nhu cầu thực tế;

+ Mô tả được việc lắp ráp, cài đặt, sửa chữa và bảo trì hệ thống máy tính, kể cả các thiết bị ngoại vi;

+ Mô tả được việc tháo lắp, cài đặt, sửa chữa, và bảo trì máy tính;

- + Phân tích, đánh giá được hiện trạng hệ thống máy tính, lập kế hoạch nâng cấp hệ thống máy tính và mạng máy tính;
- + Tự học để nâng cao trình độ chuyên môn.
- + Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định;
- + Lắp đặt được hệ thống máy tính và các thành phần, thiết bị ngoại vi;
- + Lắp ráp, cài đặt, cấu hình được hệ điều hành và các ứng dụng phần mềm;
- + Chẩn đoán được, sửa chữa được phần cứng máy tính, màn hình máy tính và máy in;
- + Chẩn đoán được và xử lý được các sự cố phần mềm máy tính;
- + Bảo trì, sửa chữa và nâng cấp được phần mềm và phần cứng máy tính;
- + Thiết kế, lắp đặt và bảo dưỡng được mạng hệ thống mạng;
- + Thực hiện được việc tổ chức, quản lý một tổ kỹ thuật, một cửa hàng lắp ráp, bảo trì, bảo dưỡng máy tính;
- + Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- + Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.
- + Lắp đặt hệ thống máy tính và các thành phần, thiết bị ngoại vi;
- + Lắp ráp, cài đặt, cấu hình hệ điều hành và các ứng dụng phần mềm;
- + Chẩn đoán, sửa chữa phần cứng máy tính và các thiết bị ngoại vi;
- + Chẩn đoán và xử lý các sự cố phần mềm máy tính;
- + Bảo trì, sửa chữa và nâng cấp được phần mềm và phần cứng máy tính;
- + Xây dựng, quản trị và bảo dưỡng mạng LAN;
- + Khả năng tổ chức, quản lý và điều hành sản xuất của một phân xưởng, một tổ kỹ thuật, một cửa hàng lắp ráp, bảo trì, bảo dưỡng, quản lý mạng cục bộ;
- + Kèm cặp và hướng dẫn được các nhân viên ở trình độ nghề thấp hơn.
- + Thực hiện công việc có đạo đức, ý thức về nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, thái độ phục vụ; động cơ nghề nghiệp đúng đắn, tôn trọng bản quyền, sở hữu trí tuệ trong ứng dụng phần mềm. Cần cù, chịu khó và sáng tạo, thực hiện tốt kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp;
- + Thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau (doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài);
- + Thực hiện trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh

đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

- + Đánh giá được chất lượng sản phẩm sau khi hoàn thành kết quả thực hiện của cá nhân và trong nhóm.

3.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp trung cấp học sinh sẽ:

– Làm việc tại các doanh nghiệp có trang bị hệ thống máy tính, các thiết bị văn phòng; các toà nhà có trang bị hệ thống máy tính; các công ty chuyên kinh doanh máy tính và các thiết bị công nghệ thông tin, hãng sản xuất, bảo trì máy tính, thiết bị, linh kiện máy tính;

– Làm việc tại các trường học ở vị trí phòng thực hành, xưởng thực tập, dạy học cho các đối tượng có bậc nghề thấp hơn;

– Có thể học tiếp tục ở bậc cao đẳng, đại học;

– Cài đặt, cấu hình phần mềm;

– Lắp ráp, bảo trì máy tính;

– Sửa chữa máy tính;

– Sửa chữa màn hình máy tính, máy in;

– Phân tích và thiết kế hệ thống mạng;

– Lắp đặt hệ thống mạng.

3.4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 23

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 64 Tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 255 giờ

Trong đó:

+ Khối lượng lý thuyết: 94 giờ;

+ Thực hành, thực tập, thí nghiệm, kiểm tra: 161 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1420 giờ

Trong đó:

+ Khối lượng lý thuyết: 425 giờ;

+ Thực hành, thực tập, thí nghiệm, kiểm tra: 995 giờ

3.5 Nội dung chương trình:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)				
		Tín chỉ	Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MHSCMT 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MHSCMT 02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MHSCMT 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MHSCMT 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	45	21	21	3
MHSCMT 05	Tin học	2	45	15	29	1
MHSCMT 06	Tiếng anh	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề	52	1.420	425	958	37
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	11	255	110	136	9
MHSCMT 07	Anh văn chuyên ngành	1	30	20	9	1
MHSCMT 08	An toàn vệ sinh công nghiệp	1	30	20	9	1
MĐSCMT 09	Tin học văn phòng	4	75	25	47	3
MHSCMT 10	Internet	2	60	20	38	2
MHSCMT 11	Kiến trúc máy tính	3	60	25	33	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	41	1.165	315	822	28
MHSCMT 12	Mạng máy tính	3	60	30	28	2

MHSCMT 13	Cơ sở dữ liệu	3	45	30	13	2
MĐSCMT 14	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	2	45	20	23	2
MHSCMT 15	Hệ điều hành	2	45	30	13	2
MĐSCMT 16	Lắp ráp và cài đặt máy tính	2	60	20	38	2
MĐSCMT 17	Xử lý sự cố phần mềm	4	90	30	57	3
MĐSCMT 18	Sửa chữa máy tính	4	120	40	76	4
MĐSCMT 19	Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi	2	60	20	38	2
MĐSCMT 20	Thiết kế xây dựng mạng LAN	4	90	30	57	3
MĐSCMT 21	Sửa chữa, bảo trì hệ thống mạng	4	90	30	57	3
MĐSCMT 22	Đồ họa ứng dụng	2	60	20	38	2
MĐSCMT 23	Thực tập tốt nghiệp	9	400	15	384	1
Tổng cộng		64	1.675	519	1.106	50

- Đội ngũ giáo viên

Tổng số: 07 ,trong đó:

- Nam: 04 - Nữ: 03

- Cơ hữu: 07 - Thỉnh giảng: 0

<i>Giáo viên cơ hữu</i>			
Trình độ đào tạo	Nam	Nữ	Tổng số
Tiến sĩ			
Thạc sĩ	03		
Đại học		04	
Tổng số	03	04	7

- Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo

STT	Tên phòng học/thực hành	Chức năng
------------	--------------------------------	------------------

1	Phòng máy P203	Phục vụ giảng dạy, sản xuất Trang bị chuẩn Quốc tế
2	Phòng máy P202	Phục vụ giảng dạy, sản xuất Trang bị chuẩn Quốc tế
3	Phòng máy P201	Phục vụ giảng dạy, sản xuất
4	Phòng máy P304	Phục vụ giảng dạy, sản xuất
5	Phòng máy P303	Phục vụ giảng dạy, sản xuất

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1 Tổng quan chung

1.1 Căn cứ tự đánh giá

Căn cứ thông tư 15/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 V/v qui định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ điều 13-19 trong thông tư 28/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 V/v qui định hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ công văn số 1938/TCGDNN-KĐCL ngày 20 tháng 08 năm 2018 V/v thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trên địa bàn quản lý năm 2018.

Căn cứ quyết định số 1836/QĐ-BLĐTĐBXH ngày 27 tháng 11 năm 2017 V/v phê duyệt ngành nghề trọng điểm, trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025.

Căn cứ công văn số 1690/TCGDNN-KĐCL ngày 23 tháng 07 năm 2018 V/v hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo đối với trường trung cấp, cao đẳng năm 2018.

1.2 Mục đích tự đánh giá

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các đơn vị, cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh sinh viên trong khoa về tầm quan trọng tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN, chương trình đào tạo theo bộ các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm qui định.

Đánh giá được chất lượng cơ sở GDNN, chương trình đào tạo Nghề Quản trị Mạng Máy tính là nghề trọng điểm Quốc tế theo bộ các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

Xác định được đúng các điểm mạnh, các tồn tại cần phải tiếp tục khắc phục trong thời gian tới nhằm hướng đến hoàn thiện các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN của Trường năm 2022.

1.3 Yêu cầu tự đánh giá

Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo tại tất cả phân hiệu, chi nhánh.

Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp (CLCSGDNN), chất lượng chương trình đào tạo (CLCTĐT) hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.

Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ cơ sở giáo dục nghề nghiệp, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan:

Đảm bảo đúng qui trình, thời gian qui định.

1.4 Phương pháp tự đánh giá

Nghiên cứu Hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo do Tổng cục GDNN ban hành, hướng dẫn đánh giá các chỉ số kèm theo.

Thu thập thông tin, rà soát, phân tích chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy Tính đưa ra chứng cứ để chứng minh.

Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học và người sử dụng lao động.

Xây dựng báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của từng đơn vị theo bảng phân công phụ trách tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số kiểm định.

Xây dựng báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy Tính của Hội đồng kiểm định.

Sử dụng các công cụ, biểu mẫu, qui trình đánh giá.

Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo về các cấp quản lý có liên quan.

1.5 Các bước tiến hành tự đánh giá

- Thực hiện công tác chuẩn bị tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo. (Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo; Tập huấn về công tác thẩm định chất lượng chương trình đào tạo; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tự đánh giá)

- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của phòng đào tạo và các Khoa chuyên môn.

- Thực hiện tự đánh giá chất lượng cơ sở dạy nghề của Hội đồng kiểm định chất lượng.

- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trong Trường và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo về Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp.

2 Tự đánh giá

2.1 Tổng hợp kết quả tự đánh giá

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
	ĐỀ XUẤT CẤP ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn
	Tổng điểm	100	96
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	06	06
	<i>1.1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.</i>	02	02
	<i>1.2. Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.</i>	02	02
	<i>1.3. Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.</i>	02	02
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	14	12

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
	2.1. Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	02	02
	2.2. Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	02	02
	2.3. Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	02	02
	2.4. Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	02	02
	2.5. Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	02	02
	2.6. Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	02	02
	2.7. Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	02	0
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16
	3.1. Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	02	02
	3.2. Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	02	02
	3.3. Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm	02	02

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
	<i>bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.</i>		
	3.4. Tiêu chuẩn 4: <i>Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.</i>	02	02
	3.5. Tiêu chuẩn 5: <i>Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.</i>	02	02
	3.6. Tiêu chuẩn 6: <i>100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.</i>	02	02
	3.7. Tiêu chuẩn 7: <i>100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.</i>	02	02
	3.8. Tiêu chuẩn 8: <i>Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.</i>	02	02
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	24	22
	4.1. Tiêu chuẩn 1: <i>Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.</i>	02	02
	4.2. Tiêu chuẩn 2: <i>Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.</i>	02	02
	4.3. Tiêu chuẩn 3: <i>Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.</i>	02	02
	4.4. Tiêu chuẩn 4: <i>Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.</i>	02	02
	4.5. Tiêu chuẩn 5: <i>Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.</i>	02	02
	4.6. Tiêu chuẩn 6: <i>Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ</i>	02	02

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
	<i>đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.</i>		
	4.7. Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	02	02
	4.8. Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	02	0
	4.9. Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	02	02
	10. Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	02	02
	4.11. Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	02	02
	4.12. Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	02	02
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	16
	5.1. Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	02	02
	5.2. Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	02	02
	5.3. Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	02	02
	5.4. Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	02	02

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
	5.5. Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	02	02
	5.6. Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	02	02
	5.7. Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	02	02
	5.8. Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	02	02
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	08	08
	6.1. Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	02	02
	6.2. Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	02	02
	6.3. Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	02	02
	6.4. Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao	02	02

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chương trình đào tạo
	<i>cho người học.</i>		
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
	7.1. Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	02	02
	7.2. Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	02	02
	7.3. Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	02	02
	7.4. Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	02	02
	7.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	02	02
	7.6. Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	02	02
	7.7. Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	02	02
	7.8. Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	02	02

2.2 Tự đánh giá chi tiết theo từng tiêu chí

2.2.1. TIÊU CHÍ 1: MỤC TIÊU, QUẢN LÝ VÀ TÀI CHÍNH

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1:

Mở đầu: Mục tiêu của trường được xác định rõ ràng được Bộ Lao động Thương binh Xã hội phê duyệt từ khi thành lập trường. Để kịp thời điều chỉnh mục tiêu nhiệm vụ cho phù hợp, trường đã xây dựng đề án phát triển trường đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020 và đã được Bộ Lao động phê duyệt, hàng năm căn cứ vào lộ trình phát triển trường trong đề án và mục tiêu của trường, nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm học phù hợp với mục tiêu đáp ứng yêu cầu phát triển.

Căn cứ vào mục tiêu nhiệm vụ của trường khi xây dựng, điều chỉnh chương trình KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp nhà trường đã điều chỉnh mục tiêu phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ của trường. Hàng năm nhà trường đã xác định rõ chỉ tiêu đào tạo đối với từng ngành nghề trường đang đào tạo, xây dựng kế hoạch thực hiện.

** Những điểm mạnh:*

Mục tiêu chương trình giáo dục nghề nghiệp, nghề KTSC&LR Máy tính được nhà trường xác định rõ ràng, đầy đủ phù hợp với Chương trình khung, phù hợp với mục tiêu của trường và nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực của địa phương; được các doanh nghiệp đánh giá cao về sản phẩm đào tạo của Nhà trường;

Khoa Công nghệ Thông tin quản lý nghề KTSC&LR Máy tính các năm qua đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, được khen thưởng của trường và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Nhà trường có đủ nguồn thu hợp pháp để đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp.

** Những tồn tại:* Không có

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Hàng năm, trường cần rà soát chương trình giáo dục nghề nghiệp điều chỉnh mục tiêu chương trình cho phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ.

Bổ sung văn bản thể hiện kết quả nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học hàng năm

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
----------------------	------------------

Tiêu chí 1	06
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02

Tiêu chuẩn 1: *Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của Trường và nhu cầu thị trường lao động, nhằm đào tạo ra nguồn nhân lực kỹ thuật cao tiếp cận trình độ quốc tế; Chương trình được công bố công khai cho người học trong thông báo tuyển sinh, trên trang Web ... và hàng năm được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ đang đào tạo hệ Trung cấp KTSC&LR Máy tính từ năm 2006, chương trình Trung cấp KTSC&LR Máy tính được nhà trường thường xuyên cập nhật, chỉnh sửa cho phù hợp với công nghệ sản xuất và nhu cầu của thị trường lao động. Hiện nay chương trình Trung cấp KTSC&LR Máy tính được nhà trường rà soát chỉnh sửa hàng năm, trên cơ sở căn cứ vào chương trình khung Bộ LĐTBXH ban hành theo thông tư số 21/2011/TT-BLĐTBXH, chuyển đổi từ chương trình Dạy nghề sang chương trình Giáo dục nghề nghiệp năm 2017 và cập nhật những sự thay đổi khoa học công nghệ.

Văn bản thể hiện mục tiêu chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp của Trường được thể hiện trong chương trình đào tạo của nghề, cụ thể: trang bị cho người học có kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành về các nghiệp vụ cơ bản như: Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; Lắp đặt được hệ thống máy tính và các thành phần, thiết bị ngoại vi; Lắp ráp, cài đặt, cấu hình được hệ điều hành và các ứng dụng phần mềm; Chẩn đoán được, sửa chữa được phần cứng máy tính, màn hình máy tính và máy in; Chẩn đoán được và xử lý được các sự cố phần mềm máy tính; Bảo trì, sửa chữa và nâng cấp được phần mềm và phần cứng máy tính; Thiết kế, lắp đặt và bảo dưỡng được mạng hệ thống mạng với các mô đun/môn thực tập như thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp để người học có thể bổ sung kiến thức nghề nghiệp và lựa chọn con đường phát triển nghề nghiệp của mình theo một trong

những lĩnh vực yêu thích. Bên cạnh kiến thức, kỹ năng chung và chuyên sâu, chương trình đào tạo còn trang bị cho người học đạo đức; lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, phong cách chuyên nghiệp và sức khoẻ tốt (*1.1.01- Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp*).

Cơ sở để nhà trường xây dựng mục tiêu của chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp xuất phát từ:

+ Mục tiêu chung của nhà trường được thể hiện trong Quy chế tổ chức hoạt động Trường là đào tạo người lao động có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp theo 3 cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khoẻ phù hợp với nghề nghiệp nhằm tạo điều kiện cho người lao động có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm, tham gia lao động trong và ngoài nước hoặc tiếp tục học tập nâng cao trình độ, đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, các tỉnh lân cận (*1.1.02 - Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Nghề Kỹ thuật Công nghệ kèm theo Quyết định 27B/QĐ - CĐNKTCN ngày 30 tháng 1 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ*).

+ Quy hoạch phát triển Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với mục tiêu phát triển Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ thành trường nghề chất lượng cao, đạt trình độ khu vực ASEAN và thế giới; cung cấp nguồn lao động kỹ thuật có chất lượng cao, góp phần đáp ứng yêu cầu cho phát triển thị trường lao động trong và ngoài nước. Tăng cường cơ sở vật chất, xây dựng đội ngũ cán bộ và giáo viên có năng lực quản lý và chuyên môn đáp ứng được qui mô phát triển của trường. Mục tiêu đến năm 2019 thành Trường nghề chất lượng cao, đến năm 2020 quy mô đào tạo đạt 2.500- 3.000 học sinh; xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn về số lượng và chất lượng. Đào tạo bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ và nghiệp vụ sư phạm; đổi mới phương pháp tiếp cận trong đào tạo nghề, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn cho đội ngũ giáo viên. Đầu tư phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học, chương trình đào tạo, giáo viên và cán bộ quản lý; khai thác các nguồn tư liệu giáo dục và nguồn tư liệu trên mạng internet; lựa chọn, sử dụng các chương trình, giáo trình tiên tiến của nước ngoài. (*1.1.03-Quyết định số 1488/QĐ-BLDTBXH ngày 15/10/2015 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Trường CĐN Kỹ thuật Công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*).

+ Dự báo nhu cầu nguồn lao động của Hà Nội và các tỉnh lân cận giai đoạn đến năm 2025: Ngày 09/6/2014, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 879/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 và Quyết định số 880/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển các ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

Theo đó: Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 nhằm huy động hiệu quả mọi nguồn lực từ các thành phần kinh tế trong nước và từ bên ngoài để phát triển, tái cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng hiện đại;

Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực công nghiệp có kỹ năng, có kỉ luật, có năng lực sáng tạo; Ưu tiên phát triển và chuyển giao công nghệ đối với các ngành, các lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh và công nghệ hiện đại, tiên tiến ở một số lĩnh vực điện tử, viễn thông, Máy tính, năng lượng mới và tái tạo, cơ khí chế tạo. Quy hoạch đề ra mục tiêu, định hướng đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030. Quy hoạch tập trung vào 10 ngành công nghiệp chủ yếu như: ngành cơ khí - luyện kim; ngành điện tử; ngành điện; ngành hóa chất; công nghệ thông tin; ngành dệt may-da giày; ngành chế biến nông lâm thủy sản, thực phẩm, đồ uống; ngành sản xuất vật liệu xây dựng; ngành khai thác và chế biến khoáng sản; ngành than; ngành dầu khí. *(1.1.04 - Quyết định số 879/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 và Quyết định số 880/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển các ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030)*

+ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường CĐN Kỹ thuật Công nghệ lần thứ III nhiệm kỳ 2020-2025 đã xác định phương hướng mục tiêu chung là lãnh đạo xây dựng Trường CĐN Kỹ thuật Công nghệ trở thành trường cao đẳng chất lượng cao. Nhất là các điều kiện về chương trình đào tạo, về cơ sở vật chất, trang thiết bị dần tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế; Trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở GDNN và đạt chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo 5 nghề quốc tế và 1 nghề khu vực. Tiến tới các nghề Trường đang đào tạo đạt chuẩn kiểm định 100%. *(1.1.05- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ cơ sở Trường Cao đẳng Nghề Kỹ thuật Công nghệ nhiệm kỳ 2020 -2025)*

Mục tiêu của CTĐT nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp nói riêng và các ngành đào tạo của nhà trường được công bố trong chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trên website của Nhà trường *(1.1.06- <http://www.httc.edu.vn>)* và được thông qua công tác

tuyên truyền tuyển sinh hàng năm. *(1.1.07 - Các tài liệu tuyên truyền tuyển sinh năm 2020, 2021).*

Hàng năm, Nhà trường có xây dựng kế hoạch khảo sát doanh nghiệp và cựu SV về mức độ đáp ứng của CTĐT với thị trường lao động:

+ Năm 2020: Kế hoạch số 42^A/KH-CĐNKTCN ngày 8/5/2020;

+ Năm 2021: Kế hoạch số 156^A/KH-CĐNKTCN ngày 8/7/2021;

Trong kế hoạch khảo sát hàng năm có nội dung khảo sát doanh nghiệp về mức độ đáp ứng trong công tác đào tạo của trường đối với thị trường lao động; khảo sát cựu HSSV về mức độ đáp ứng của chương trình đào tạo đối với thực tiễn nghề nghiệp. Kết quả khảo sát hàng năm cho thấy chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động (*4.2.01 - Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp; 4.7.02- Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2020, 2021*).

Từ các cơ sở trên cho thấy nhà trường đã xây dựng Mục tiêu của chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thể hiện được vai trò của Trường trong việc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương, ngành và được công bố công khai trên website của trường <http://httc.edu.vn>; hồ sơ Hội nghị công nhân viên chức các năm trong nội dung của báo cáo tổng kết (*1.1.06- <http://www.httc.edu.vn>; 1.1.08- Nghị quyết Hội nghị công nhân viên chức năm 2020 - 2021*).

Để mục tiêu chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính ngày càng sát với thực tế nghề nghiệp và nhu cầu xã hội, nhà trường có thực hiện hiện rà soát, đánh giá để cập nhật, điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo hàng năm, cụ thể:

+ Năm 2017: Kế hoạch số 15/KH-CĐNKTCN-ĐT ngày 07/3/2017 xây dựng chương trình, biên soạn giáo trình theo hướng dẫn của Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017, Quyết định số 351/QĐ-CĐNKTCN ngày 28/11/2017 về việc ban hành chương trình giáo dục nghề nghiệp nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp;

+ Năm 2019: Điều chỉnh chương trình các môn chung theo các thông tư qui định của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội (*4.1.03- Quyết định số 52/QĐ-CĐNKTCN ngày 23/12/2019 ban hành sử dụng 06 môn học chung năm 2019*)

+ Năm 2020: Kế hoạch số 56/KH-CĐNKTCN-ĐT ngày 15/6/2020 chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo, giáo trình đào tạo năm 2020. Giảm 1 môn Hệ điều hành mã nguồn mở: Tăng 6 môn Cơ sở dữ liệu; Hệ quản trị cơ sở dữ liệu; Hệ điều hành; Thiết kế xây dựng mạng

LAN; Sửa chữa, bảo trì hệ thống mạng; Đồ họa ứng dụng: điều chỉnh 4 môn Lắp ráp và cài đặt máy tính ; Xử lý sự cố phần mềm; Sửa chữa máy tính ; Thực tập tốt nghiệp; Tăng tổng giờ từ 1110 giờ (45 tín chỉ) lên 1.675 giờ (64 tín chỉ); điều chỉnh số giờ của một số mô đun/môn học, theo Quyết định số 220B/QĐ-CĐNKTCN ngày 7/10/2020;

(1.1.09- Bộ chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính điều chỉnh năm 2020 kèm theo hồ sơ rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo 2018 - 2020; 1.1.01- Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 1: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ có cơ cấu tổ chức gồm 8 phòng, 8 khoa. Mỗi đơn vị thuộc trường có chức năng nhiệm vụ rõ ràng, không chồng chéo; cụ thể nghề KTSC&LR Máy tính được giao cho khoa Công nghệ Thông tin đảm nhiệm. Chức năng nhiệm vụ khoa Công nghệ Thông tin và các đơn vị trong Trường được quy định cụ thể, có phân công, phân cấp rõ ràng tại Quy chế tổ chức và hoạt động Trường. Các phòng khoa khác có chức năng phối hợp trong thực hiện chương trình đào tạo như: Phòng Đào tạo; Phòng Công tác Học sinh - Sinh viên; Phòng Nghiên cứu khoa học - Hợp tác quốc tế; Phòng Đảm bảo chất lượng; Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị; Phòng Kế hoạch - Tài vụ; Phòng Thực tập sản xuất và Dịch vụ; Phòng Quan hệ doanh nghiệp; Khoa Khoa học cơ bản; *(1.2.01 -Quyết định số 27B/QĐ-CĐN KTCN ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ; 1.2.02 - Quyết định số 33^A/QĐ-CĐNKTCN ngày 01/02/2018 về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng, Khoa, Trung tâm thuộc Trường CĐN KTCN).*

Hiện tại Khoa Công nghệ Thông tin đang quản lý và tổ chức đào tạo 03 nghề trình độ cao đẳng, trung cấp:

STT	Tên chương trình đào tạo	Hệ Cao đẳng	Hệ Trung cấp
1	Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp Máy tính	X	X
2	Quản trị mạng máy tính	X	X
3	Công nghệ Thông tin	X	

Cơ cấu của khoa gồm: 01 Trưởng khoa, , 06 giáo viên (7 giáo viên dạy chuyên môn nghề tính cả Trưởng khoa và 1 giáo viên kiêm thư ký khoa); tất cả đều tham gia trực tiếp vào giảng dạy nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp

Căn cứ mục 4 Điều 15 Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường ban hành kèm theo các Quyết định:

+ Năm 2018: theo Quyết định số 27B/QĐ-CĐNKTCN ngày 30/01/2018; và

Quyết định số 33A/QĐ-CĐNKTCN ngày 01/02/2018 Quy định chức năng nhiệm vụ các phòng, khoa, trung tâm phân công, cụ thể Khoa Công nghệ Thông tin được giao nhiệm vụ cụ thể:

+ Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình đào tạo và giáo dục đối với các nghề đào tạo: KTSC&LR Máy tính, Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị; quản lý giáo viên và học sinh sinh viên thuộc khoa;

+ Thực hiện kế hoạch giảng dạy và học tập và các hoạt động giáo dục, ngoại khóa theo chương trình kế hoạch giảng dạy hàng năm của nhà trường

+ Quản lý đội ngũ cán bộ, giáo viên và học sinh sinh viên thuộc khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng

+ Thực hiện việc biên soạn chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề các nghề đào tạo thuộc khoa khi được phân công; tổ chức nghiên cứu đổi mới nội dung, cải tiến phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

+ Thực hiện các hoạt động thực nghiệp, nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào quá trình dạy nghề, gắn đào tạo với sử dụng thành quả nghiên cứu khoa học;

+ Quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị theo quy định của Hiệu trưởng nhà trường; đề xuất xây dựng các kế hoạch bổ sung, bảo trì trang thiết bị dạy nghề thuộc khoa quản lý;

- + Xây dựng các phương án thực tập, thực tập kết hợp với sản xuất trình Hiệu trưởng quyết định thực hiện
- + Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên của khoa
- + Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ theo quy định của Hiệu trưởng
- + Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công

Phòng Đào tạo: Xây dựng hệ thống văn bản phục vụ công tác đào tạo của Trường; Xây dựng các kế hoạch về công tác đào tạo; Tổ chức thực hiện kiểm tra và giám sát toàn bộ công tác giảng dạy và học tập các hệ đào tạo của Trường; Tham mưu giúp Hiệu trưởng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình đào tạo.

Phòng Đảm bảo chất lượng có nhiệm vụ: Tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc tổ chức các kỳ thi tuyển sinh, thi cuối khoá theo quy chế, quy định; Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát các kỳ thi từ khâu nhân bản đề thi, tổ chức coi thi, chấm thi, phân tích xử lý kết quả thi và lưu trữ kết quả thi.

Phòng Công tác học sinh sinh viên: tham mưu, giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý giáo dục học sinh, sinh viên.

Trong những năm qua tập thể và các giáo viên của khoa Công nghệ Thông tin đã không ngừng nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được Hiệu trưởng và Bộ LĐTĐ khen thưởng và tặng bằng khen, cụ thể:

+ Năm 2017: “Tập thể khoa Công nghệ Thông tin đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2017” theo Quyết định 313/QĐ-LĐTĐ ngày 22/3/2018 của Bộ Trưởng Bộ LĐTĐ tặng Bằng khen khoa Công nghệ Thông tin, Trường CĐN Kỹ thuật Công nghệ “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2017”

+ Năm học 2019-2020: Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” cho Khoa Công nghệ Thông tin, Trường CĐN Kỹ thuật Công nghệ

+ Năm học 2020-2021: Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” cho Khoa Công nghệ Thông tin, Trường CĐN Kỹ thuật Công nghệ

Ngoài ra, các Phòng Đào tạo, phòng Đảm bảo chất lượng, phòng Công tác HSSV đều hoàn thành tốt nhiệm vụ và được Trường khen thưởng “Tập thể Lao động tiên tiến” các năm 2020, 2021.

(1.2.03 - Báo cáo tổng kết công tác các năm 2020, 2021 của khoa; 1.2.04 - Báo cáo tổng kết công tác các năm 2020, 2021 của nhà trường; 1.2.05- Quyết định xếp loại thi đua của đơn vị năm 2020, 2021; 1.2.06 - Quyết định khen thưởng tập thể và cá nhân năm 2020, 2021; 1.2.07 - Hồ sơ khen thưởng năm học 2019 - 2020, năm học 2020 - 2021).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 1: 02điểm

Tiêu chuẩn 3: *Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường là đơn vị sự nghiệp có thu, trường có các nguồn kinh phí hằng năm: Kinh phí do Bộ LĐTBXH cấp; Kinh phí từ thu học phí; Kinh phí thu từ các hoạt động dịch vụ sản xuất, thực tập của HSSV; Kinh phí Bộ LĐTBXH cấp bù cho HS trung học cơ sở học nghề theo Nghị định 86 và Nghị định 81 *(1.3.02 - Quyết định số 389/QĐ-CDNKTCN ngày 29/12/2016 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ về qui định mức thu học phí từ năm học 2016-2017 đến 2020-2021; 1.3.01 - Báo cáo các nguồn thu tài chính từ học phí, lệ phí, liên kết, dịch vụ từ năm 2020; 2021).*

Căn cứ Thông tư số 08/2018/TT-BLĐTBXH ngày 14/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho các nghề trong đó có nghề Kỹ Thuật lắp ráp cài đặt máy tính để ban hành định mức tiêu hao vật tư thực hành của nghề Kỹ Thuật lắp ráp cài đặt máy tính tại Quyết định số 234a/QĐ-CDNKTCN, ngày 11/10/2018 *(1.3.03 - Quyết định mức chi tối thiểu đối với các nghề đào tạo của trường; 1.3.04 Báo cáo nghiên cứu để đưa ra định mức chi).*

Tại minh chứng 1.3.02 cho thấy năm 2016 trường có nghiên cứu đưa ra Quyết định về lộ trình thu học phí từng nghề cho các năm học 2018-2019; 2020-2021; 2021-2022. Hồ sơ nghiên cứu, tính định mức được xác định vào các văn bản hướng dẫn thu, chi của nhà nước, tình hình thực tế của trường làm cơ sở xác định chi phí đào tạo bình quân cho 1 học sinh gồm các nội dung: chi phí Giáo viên, chi phí vật tư, tiêu hao điện năng và các chi phí khác sau khi trừ đi chi phí bình quân 1 học sinh từ nguồn ngân sách cấp và dịch vụ khác. Kết quả định mức chi tối thiểu cho một người học được tính cụ thể cho từng ngành nghề và cấp đào tạo. Cụ thể

đối với nghề Kỹ thuật sửa chữa lắp ráp máy tính: Trình độ Trung cấp: 13.814.000 đồng/người học. Căn cứ tính định mức, trường ban hành Quyết định mức thu học phí lộ trình 5 năm học từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 (*1.3.02 – Quyết định số 389/QĐ-CDNKTCN ngày 29/12/2016 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ về qui định mức thu học phí từ năm học 2016-2017 đến 2020-2021*).

Hằng năm trường có báo cáo quyết toán tài chính và kết quả kiểm tra của Ban thanh tra nhân dân cho thấy có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo đảm bảo chất lượng (*1.3.01- Báo cáo quyết toán tài chính năm 2020, 2021; 1.3.05 - Báo cáo kết quả thanh tra nhân dân năm 2020 -2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 1:2 điểm

2.2.2 TIÊU CHÍ 2: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

- Mở đầu:

Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đào tạo, coi chất lượng là sự sống còn của nhà trường, là cơ sở để khẳng định thương hiệu của nhà trường với người học và Xã hội. Quyết tâm thực hiện chủ trương mỗi bài học là một công việc, mỗi môn học là một sản phẩm. Xây dựng Hệ thống phòng học tích hợp với đầy đủ vật tư, nguyên vật liệu đầy đủ cho sinh viên vừa học lý thuyết, vừa học thực hành, rèn luyện kỹ năng theo đúng triết lý trong đào tạo nghề là “đi từ cái tay đến cái đầu”. Tổ chức đào tạo theo mô đun, giảng dạy lý thuyết gắn liền với rèn luyện kỹ năng, tay nghề, thực tập kết hợp với sản xuất và kinh doanh dịch vụ, chú trọng đào tạo năng lực tiếng Anh, khả năng làm việc nhóm, tác phong công nghiệp...

+ Những điểm mạnh:

Hàng năm, Khoa Công nghệ Thông tin - Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ triển khai kế hoạch và tổ chức đào tạo theo đúng quy định

Phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học

Trường đã thực hiện đa dạng hoá các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của người học; thiết lập được mối quan hệ chặt chẽ với doanh nghiệp trong quá trình đào tạo.

Trường đã tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo đúng quy định hiện hành

Công tác thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo theo quy định của Trường.

+ Những tồn tại:

Chưa sử dụng phần mềm chuyên dụng quản lý quá trình đào tạo tại trường;

+ Kế hoạch khắc phục:

Trong những năm tới áp dụng phần mềm chuyên dụng vào quản lý quá trình học tập của HSSV trong toàng trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 2

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	12
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	0

Tiêu chuẩn 1: *Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính của Nhà trường có trong Giấy chứng nhận đăng ký động giáo dục nghề nghiệp số 15a/2017/GCNĐKHĐ - TCDN ngày cấp 20/7/2017 (trung cấp 20, cao đẳng 30) và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 15d/2020/GCNĐKHĐBS – TCDN ngày 09/12/2020, quy mô tuyển sinh/năm của nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Cao đẳng 30 và Trung cấp 55.

Hàng năm, Trường đã tổ chức tuyển sinh theo quy định tại thông tư 07/2019/TT – BLĐTBXH; Thông tư 05/2021/TT-BLĐTBXH. Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ đã ban hành Quy chế tuyển sinh, trong đó quy định rõ đối tượng tuyển sinh, hình thức xét tuyển, các quy định cụ thể trong công tác tuyển sinh, thủ tục và hồ sơ đăng ký học nghề, đảm bảo tuân thủ đúng quy chế của Bộ LĐTBXH, phù hợp với khu vực tuyển sinh và đối tượng tuyển sinh cũng như các đặc điểm riêng của Trường để áp dụng cho toàn trường, trong đó có nghề KTSC&LR Máy tính (*2.1.01 - Quyết định phê duyệt kèm Quy chế tuyển sinh các năm 2020, 2021*).

Trường đã thành lập hội đồng Tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng Tuyển sinh gồm ban thư ký, ban tư vấn tuyển truyền tuyển sinh. Hội đồng Tuyển sinh họp phân công nhiệm vụ cho các ban giúp việc và thực hiện Tuyển sinh trong năm học. *(2.1.02- Quyết định thành lập Hội đồng Tuyển sinh các năm 2020, 2021; kế hoạch tuyển sinh; thông báo tuyển sinh; các biên bản; báo cáo công tác tuyển sinh hàng năm)*

Căn cứ hồ sơ trúng tuyển và hồ sơ nhập học, nhà trường lập danh sách nhập học và ban hành quyết định phân lớp *(2.1.03 - Quyết định phân lớp kèm danh sách học sinh sinh viên các lớp nghề KTSC&LR Máy tính)*

Tổng hợp chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm nhà trường phân bổ cho nghề KTSC&LR Máy tính theo giấy phép đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp và kết quả tuyển sinh, cụ thể như sau:

Năm học	2020-2021		2021-2022	
	Cao đẳng	Trung cấp	Cao đẳng	Trung cấp
	30	55	30	35
Kết quả	0	58	0	35
Tỷ lệ%	0	105%	0	100%

Đối chiếu các số liệu trên với hướng dẫn tại công văn 454/ CV- TCGDNN về chỉ tiêu tuyển sinh, thì trường đảm bảo kết quả tuyển sinh đạt 80% trong 2 năm liên tục theo quy định nội hàm của tiêu chuẩn này.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính của Nhà trường có trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 15a/2017/GCNĐKHHĐ - TCDN ngày cấp 20/7/2017 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 15d/2020/GCNĐKHHĐBS – TCDN ngày 09/12/2020.

Hàng năm, căn cứ vào kết quả tuyển sinh, phân lớp, Phòng Đào tạo đã xây dựng kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, kế hoạch nhà giáo, trình Hiệu trưởng phê duyệt *(2.2.01 - Kế hoạch đào tạo,*

tiến độ đào tạo các năm học 2020- 2021,2021 - 2022;2.2.02 - Kế hoạch giáo viên, thời khóa biểu, lịch giảng dạy các năm học 2020- 2021,2021 - 2022).

Việc triển khai tổ chức đào tạo, Khoa Công nghệ Thông tin đã thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/03/2017 quy định việc tổ chức thực hiện CTĐT trình độ TC, CĐ theo niên chế; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và Thông tư số 23/2018/TT-BLĐTĐ ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về danh mục hồ sơ, sổ sách trong đào tạo.

Theo đó, hàng năm, căn cứ vào chương trình đào tạo đã được phê duyệt của Trường; căn cứ vào kế hoạch đào tạo các khóa học và tiến độ đào tạo các năm học do phòng Đào tạo phối hợp với Khoa Công nghệ Thông tin xây dựng bố trí giảng viên cho từng mô đun, môn học, từng khoá học, tiến độ đào tạo cho từng lớp học theo từng năm học, từng học kỳ.

Mỗi giáo viên tham gia giảng dạy đều có đầy đủ hồ sơ như: giáo án giảng dạy, sổ tay giáo viên, kế hoạch giảng dạy theo đúng quy định của trường.

Giảng viên đã thực hiện các phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, có đủ hồ sơ giáo án lên lớp, đúng theo thời khóa biểu. Hồ sơ được ký duyệt đầy đủ, đảm bảo các bước lên lớp theo quy định.

Trên cơ sở kế hoạch, tiến độ đào tạo của nghề KTSC&LR Máy tính, Khoa Công nghệ Thông tin lập kế hoạch chi tiết, phân công các giáo viên trong khoa, phối hợp với Phòng Đào tạo, Phòng Công tác học sinh sinh viên đề xuất Hiệu trưởng bổ nhiệm giáo viên chủ nhiệm các lớp *(2.2.03. - Quyết định về việc bổ nhiệm giáo viên chủ nhiệm các lớp)*

Khoa Công nghệ Thông tin đã tổ chức thực hiện đúng thời khoá biểu của Phòng Đào tạo, theo từng học kỳ, từng môn học/mô đun, giờ học lý thuyết, thực hành; thời gian, thời lượng giảng dạy; địa điểm giảng dạy phù hợp với MH/MĐ.

Các môn học lý thuyết được bố trí học tại các phòng học lý thuyết có trang bị đầy đủ các điều kiện ánh sáng, quạt mát, màn hình/máy chiếu, có lắp CAMERA theo dõi việc thực hiện giảng dạy. Đối với MĐ tổ chức đào tạo tại các phòng thực hành chuyên môn nghề, có đầy đủ các điều kiện trang thiết bị, vật tư vật liệu thực hành theo yêu cầu quy định trong từng mô đun, từng bài tích hợp, thực hành.

Mỗi nhà giáo đều được phân công giảng dạy MH/MĐ trước thời gian giảng dạy đều đã tiến hành chuẩn bị đầy đủ hồ sơ giảng dạy *(2.2.04 - Hồ sơ giảng dạy của Nhà giáo khoa Công nghệ Thông tin).*

Hàng năm, phòng đào tạo kết hợp với khoa Công nghệ Thông tin thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo; thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các nội quy, quy định của nhà giáo và HSSV (*2.2.05 – Các biên bản, báo cáo công tác thanh kiểm tra hoạt động đào tạo*).

Theo kế hoạch của trường, Khoa Công nghệ Thông tin cũng đã tổ chức lấy ý kiến của nhà giáo và HSSV ngành KTSC&LR Máy tính về việc thực hiện các hoạt động dạy và học thông qua các cuộc họp của Khoa và phiếu khảo sát đối với HSSV (*2.2.06 - Các biên bản họp khoa Công nghệ Thông tin*).

Kết luận nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ đã xây dựng kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3:Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định

Hàng năm, Khoa Công nghệ Thông tin đã thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, đảm bảo kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn.

Theo quy định tại thông tư 03/2017/TTBLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ lao động thương binh xã hội, chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính được thiết kế đảm bảo tỷ lệ lý thuyết và thực hành theo quy định.

Các nội dung chuyên môn trong chương trình đào tạo đều được thiết kế theo các mô đun tích hợp giữa nội dung kiến thức lý thuyết và kỹ năng nghề nghiệp, do đó tạo điều kiện để thực hiện phương pháp dạy học tích hợp (*1.1.01- Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp*).

Nội dung kiến thức nghề KTSC&LR Máy tính có nhiều kỹ năng đòi hỏi HSSV phải có thao tác tư duy tốt, đặc biệt đối tượng học trình độ trung cấp chủ yếu là học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, có hạn chế về tiếp thu kiến thức và thực tập kỹ năng.

Vì vậy để phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm của HSSV, trong quá trình giảng dạy nhà giáo của khoa đã áp dụng nhiều phương pháp

giảng dạy tích cực hướng tới HSSV: Phương pháp nêu vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm, giao bài tập lớn để trang bị kiến thức chuyên môn đồng thời kết hợp rèn luyện năng lực thực hành thông qua thao tác làm mẫu. HSSV thực hành chủ trên các thiết bị thật.

Phát huy tối đa hiệu quả sử dụng của trang thiết bị dạy học như: Máy chiếu, mô hình học cụ, phần mềm dạy học. Sắp xếp, bố trí phòng học theo hướng dạy tích hợp, tích hợp giảng dạy lý thuyết kết hợp với thực hành tại phòng học.

Các bài tập thực hành đều chia nhóm để HSSV luyện tập, các cá nhân trong nhóm độc lập với nhiệm vụ được giao, đồng thời có sự liên kết nhóm để hoàn thiện bài tập *(2.2.04 - Hồ sơ giảng dạy của Nhà giáo khoa Công nghệ Thông tin)*.

Quá trình thực tập tại doanh nghiệp, nhà trường phối hợp với Doanh nghiệp triệt để áp dụng phương pháp thực tập nhóm, để HSSV rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tổ chức các công việc theo nhóm sản xuất, giúp HSSV rèn luyện đầy đủ các kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và kỹ năng quản lý, qua đó phát huy tính độc lập, sáng tạo, nâng cao kỹ năng chuyên môn của HSSV *(2.3.01 - Báo cáo thực tập tại doanh nghiệp của HSSV)*.

Nhà trường, Khoa, cũng thường xuyên tổ chức thực hiện việc dự giờ chuyên môn, hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường theo quy định. Có biên bản nhận xét đánh giá giờ dự thể hiện rõ giáo viên thực hiện nhiều phương pháp dạy học phát huy được tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập của HSSV, tổ chức làm việc theo nhóm của HSSV *(2.3.02 - Các biên bản dự giờ nhà giáo - Khoa Công nghệ Thông tin)*.

Khoa Công nghệ Thông tin - Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ đã thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học. Khoa sử dụng các phần mềm Microsoft Word và Excel để quản lý đào tạo và danh sách bảng điểm các môn học/mô đun *(2.3.03 - Biểu mẫu Bài thi kết thúc MH/MĐ, Danh sách - kết quả thi kết thúc MĐ/MH)*. Nhà trường đã sử dụng phần mềm Eduman để quản lý đào tạo.

Các giáo viên trong Khoa chú trọng việc ứng dụng công nghệ và ứng dụng các phần mềm hỗ trợ soạn giáo án, bài giảng, giáo trình, bài giảng điện tử; dựng video clip thực hành.

Nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp có tổng số 17 MH/MĐ cơ sở và chuyên môn nghề, trong đó có 11 MH/MĐ có sử dụng phần mềm dạy học đạt 65% các môn học/mô đun chuyên môn có sử dụng phần mềm mô phỏng *(2.3.04 - Danh sách tổng hợp danh mục các thiết bị và phần mềm mô phỏng phục giảng dạy)*.

Kết luận nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ đã thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định

Trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp KTSC&LR Máy tính học sinh có 10 tuần với 400h thực tập tốt nghiệp.

Căn cứ vào kế hoạch, tiến độ đào tạo; căn cứ vào các biên bản, hợp đồng đã có với doanh nghiệp, phòng Quan hệ doanh nghiệp, phòng Đào tạo và khoa Công nghệ Thông tin phối hợp xây dựng kế hoạch thực hành, thực tập cho học sinh.

Khoa CNTT - Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ đã phối hợp rất tốt với các doanh nghiệp trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại doanh nghiệp. Như đã mô tả tại tiêu chuẩn 2.1, nghề Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính Trường đang tổ chức đào tạo khóa 14 với 02 lớp:

Lớp TCSCMT 14 tại trường có 18 học sinh; Lớp TCSCMT 14 tại Trung tâm GDTX Hiệp Hòa – Bắc Giang có 35 học sinh. Theo kế hoạch đào tạo 02 lớp có thời gian thực tập tốt nghiệp từ ngày 20/6/2022 đến ngày 26/8/2022. Tuy nhiên do số học sinh này chưa đủ 18 tuổi nên các doanh nghiệp đã không nhận các em đến thực tập. Hiệu trưởng nhà trường đã có quyết định tổ chức mô đun thực tập tốt nghiệp tại trường và phân công giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện bài tập lớn.

100% sinh viên học nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ trước khi tốt nghiệp đều được đánh giá đạt kết quả thực tập *(2.4.01- Quyết định tổ chức mô đun thực tập tốt nghiệp tại trường và phân công giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện bài tập lớn; 2.3.01 - Báo cáo thực tập của HSSV).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 5: *Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định

Chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính của Nhà trường có trong Giấy chứng nhận đăng ký động giáo dục nghề nghiệp số 15a/2017/GCNĐKHĐ - TCDN ngày cấp 20/7/2017 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 15d/2020/GCNĐKHĐBS – TCDN ngày 09/12/2020.

Thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT - BLĐT BXH ngày 13/3/2017 quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, Trường cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ đã ban hành QĐ số 262/ QĐ - CĐNKTCN ngày 20/9/2017, Quy định về tổ chức, quản lý kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc MH/MĐ *(2.5.01 – Quy chế đào tạo kèm theo Quyết định ban hành)*.

Để đảm bảo cho công tác tổ chức kiểm tra, thi, xét và công nhận tốt nghiệp được thực hiện chắc chắn, đúng quy trình quy định, Trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch thi kết thúc MH/MĐ, Kế hoạch tổ chức thi tốt nghiệp *(2.5.02 - Kế hoạch thi kết thúc MĐ/MH; 2.5.03 - Kế hoạch tổ chức thi tốt nghiệp các năm 2020, 2021)*.

Công tác tổ chức thi, kiểm tra, công nhận tốt nghiệp được nhà trường thực hiện đúng quy trình, quy định. Khoa phân công các giáo viên bộ môn giảng dạy biên soạn, in ấn đề thi, khoa và phòng chức năng phê duyệt đề thi kết thúc MH/MĐ. Tổ chức coi thi gồm 02 giáo viên, chấm thi kết thúc MH/MĐ do 02 giáo viên chấm và đọc phách, ghép phách theo đúng Quy định về tổ chức, quản lý kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc MH/MĐ. Việc đánh giá kết quả học tập của HSSV đảm bảo đúng nguyên tắc theo thang điểm 10, trên cơ sở đó đánh giá kết quả học tập sinh viên đạt hay không đạt. Kết quả điểm thi kết thúc MH/MĐ được thông báo cho HSSV biết *(2.5.04 - Biểu mẫu Bài thi kết thúc MH/MĐ, Danh sách - kết quả thi kết thúc MH/MĐ)*.

Theo kế hoạch đào tạo, đến 15/11/2022, các lớp trung cấp nghề KTLR và SCMT mới thi tốt nghiệp, do vậy Trường không mô tả nội hàm này.

Đối với đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV được Khoa thực hiện đúng quy trình, quy định, đảm bảo đúng nguyên tắc theo thang điểm 100 trên cơ sở bốn nội dung: Ý thức, thái độ và kết quả học tập; Ý thức chấp hành pháp luật và nội quy, quy chế của nhà trường; Ý thức tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, công tác đoàn thể của Khoa *(2.5.05 - Kết quả rèn luyện của học sinh sinh viên 2020, 2021, 2022)*.

Việc quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ được Trường căn cứ vào Thông tư 10/2017/TT - BLĐTĐ&XH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in; quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ văn bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng. Phòng Đào tạo là đơn vị đầu mối quản lý, cấp phát văn bằng, chứng chỉ. Tất cả các thủ tục cấp, phát bằng được thực hiện chặt chẽ, có sổ quản lý việc cấp, phát văn bằng, chứng chỉ và được HSSV ký trực tiếp vào sổ quản lý văn bằng, chứng chỉ.

(2.5.06 - Sổ cấp phát bằng tốt nghiệp cho HSSV các năm 2020, 2021).

Hồ sơ học sinh sinh viên từ hồ sơ tuyển sinh, hồ sơ dữ liệu học tập cá nhân được Nhà trường lưu trữ đầy đủ theo quy định, đảm bảo bảo khoa học, chính xác, tiện tra cứu. Đơn vị có nhiệm vụ lưu trữ hồ sơ HSSV theo phân của trường là phòng Công Tác học sinh sinh viên. Công tác cấp phát văn bằng, chứng chỉ được Phòng Đào tạo thực hiện theo quy định,

Nhà trường tổ chức kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, ghi và lưu theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 6. Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định

Căn cứ vào kế hoạch, tiến độ đào tạo, để đảm bảo các hoạt động dạy và học được tổ chức đúng kế hoạch, đầu năm học phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ và đột xuất các hoạt động đào tạo của Khoa Công nghệ Thông tin

Do đó hàng tuần, phòng Đào tạo và Khoa Công nghệ Thông tin kiểm tra thường xuyên và đột xuất các hoạt động dạy và học của các Thầy/Cô và học sinh, sinh viên trong Khoa. Từng học kỳ sẽ có kế hoạch kiểm tra toàn diện các hoạt động bao gồm hoạt động dạy và học của nhà giáo và SV đảm bảo đúng kế hoạch đã được phê duyệt *(2.6.01 - Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm)*.

Sau mỗi lần kiểm tra, phòng Đào tạo và Khoa đều có báo cáo kết quả kiểm tra, trong đó nêu lên những điểm đạt và những điểm chưa đạt trong quá trình dạy và học. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học cũng như chất lượng đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính (*2.6.02 - Biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm; 2.6.03 - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm (trong đó có nghề KTSC&LR Máy tính)*).

Nhà trường tổ chức việc kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo kế hoạch, quy định chung của Trường; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp (*2.6.04- Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2020, 2021;*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 2: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7. Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định

Chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính của Nhà trường có trong Giấy chứng nhận đăng ký động giáo dục nghề nghiệp số 15a/2017/GCNĐKHĐ - TCDN ngày cấp 20/7/2017 và Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 15d/2020/GCNĐKHĐBS – TCDN ngày 09/12/2020, quy mô tuyển sinh/năm của nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp và Cao đẳng là 85 (Trung cấp 55, Cao đẳng 30).

Từ tháng 9/2017, Trường đã xây dựng và ban hành Quy chế đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng theo Quyết định số 112/QĐ - CĐNKTCN, ngày 29/9/2017 (*2.7.01- Quyết định ban hành kèm Quy chế đào tạo liên thông*).

Căn cứ các quy định tại Thông tư số 27/2017/TT-BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, Trường đã ban hành Chương trình đào tạo liên thông nghề KTSC&LR Máy tính trình độ cao đẳng theo quyết định số 220C/QĐ-CĐNKTCN, ngày 07/10/2019 (*2.7.02- Chương trình đào tạo liên thông nghề KTSC&LR Máy tính trình độ: cao đẳng*).

Khoa CNTT đã phối hợp với các Phòng, Ban chức năng chủ động tuyển sinh theo quy định tại thông tư 05/2017/TT – LĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Nhưng do nguồn tuyển sinh hạn chế do đó trong 2 năm 2020, 2021 không tuyển được học sinh nào, như vậy, công tác tổ chức đào tạo liên thông nghề KTSC&LR Máy tính trình độ cao đẳng của Trường cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ đã không được thực hiện.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 2: 0 điểm

2.2.3. TIÊU CHÍ 3: NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3:

Mở đầu :

Trường Cao đẳng nghề kỹ thuật công nghệ được thành lập và phát triển trên cơ sở trường Kỹ thuật công nghệ. Trong những năm qua, Trường chú trọng đến phát triển, bồi dưỡng chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề cho giáo viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề.

Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý được nhà trường quan tâm đặc biệt để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên kế cận vững về chuyên môn nghiệp vụ, có kỹ năng

nghề và trình độ quản lý đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

** Những điểm mạnh:*

Nhà trường có đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đủ về cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ chuyên môn. Thường xuyên, đánh giá, phân loại giáo viên, cán bộ quản lý tạo động lực thi đua, phấn đấu trong công tác. Có chính sách khuyến khích động viên đối với giáo viên cán bộ quản lý đi học tập nhằm nâng cao chuyên môn.

Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý của nhà trường có phẩm chất tư tưởng chính trị tốt, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững, có kỹ năng nghề, nhiệt tình và có trách nhiệm trong công việc.

Đội ngũ nhà giáo dạy nghề Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính của Khoa Công nghệ Thông tin đảm bảo chuẩn chuyên môn nghiệp vụ nhà giáo theo qui định, 100% nhà giáo (kể cả trưởng Khoa) đều có kỹ năng nghề quốc gia bậc 3.

** Những tồn tại:* Không có

** Kế hoạch khắc phục:*

Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và nâng cao hơn nữa trình độ của giáo viên, cán bộ quản lý nhằm phù hợp với xu thế quốc tế hóa và hội nhập quốc tế, đặc biệt chú trọng đến bồi dưỡng, đánh giá kỹ năng nghề cho giáo viên.

Điểm đánh giá tiêu chí 3

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	14
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02

Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm học 2020 - 2021: Trường có 7 nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình nghề Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính Trình độ trung cấp, trong đó: 7 nhà giáo chuyên trách biên chế thuộc khoa Công nghệ Thông tin và 4 nhà giáo thuộc Khoa khoa cơ bản.

Thông kê trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhà giáo năm học 2020 - 2021:

Phân loại nhà giáo	Số lượng	Trình độ chuyên môn (đúng chuyên ngành giảng dạy)				Kỹ năng nghề bậc 3 hoặc tương đương	NVSP	Ngoại ngữ	Tin học
		Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Khác				
Nhà giáo chuyên trách thuộc khoa	07	0	03	04	0	07	07	07	07
Nhà giáo các khoa khác tham gia giảng dạy tại khoa	4	0	4	0	0	0	4	4	4
Tổng cộng	11	0	7	4	0	11	11	11	11

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ nhà giáo năm 2021 - 2022:

Phân loại nhà giáo	Số lượng	Trình độ chuyên môn (đúng chuyên ngành giảng dạy)				Kỹ năng nghề bậc 3 hoặc tương đương	NVSP	Ngoại ngữ	Tin học
		Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Khác				

Nhà giáo chuyên trách thuộc khoa	07	0	03	04	0	07	07	07	07
Nhà giáo các khoa khác tham gia giảng dạy tại khoa	4	0	4	0	0	0	4	4	4
Tổng cộng	11	0	7	4	0	11	11	11	11

(3.1.01 - Hồ sơ lý lịch kèm theo danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy nghề Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính Trình độ trung cấp).

Như vậy, 100% giáo viên giảng dạy nghề Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính Trình độ trung cấp của Trường đạt chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 07/ 2017/TT -BLĐTBXH, ngày 10/3/2017 về việc Quy định về chế độ làm việc của Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Nhà trường ban hành chế độ làm việc của nhà giáo, gồm: nhiệm vụ giảng dạy, công tác giáo viên chủ nhiệm và các nhiệm vụ khác *(3.2.01- Quy chế nhà giáo GDNN trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ).*

Căn cứ chế độ làm việc của nhà giáo, khoa phân công nhiệm vụ cho từng nhà giáo phù hợp với năng lực cá nhân và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của đơn vị.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ giảng dạy: 100% nhà giáo tham gia dạy nghề Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính Trình độ trung cấp đều được phân công giảng dạy và đã giảng dạy đạt giờ tiêu chuẩn theo quy định của trường là **510 giờ chuẩn/năm** *(2.2.02 - Kế hoạch giáo viên,*

thời khóa biểu, lịch giảng dạy các năm 2020, 2021, 2022; 3.2.02 - Bảng tổng hợp giờ giảng các năm học 2019-2020; 2020 - 2021).

Hàng năm Khoa đã tổ chức thực hiện công tác giáo viên chủ nhiệm, quản lý tài sản cơ sở vật chất, học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tuyển sinh, huấn luyện học sinh giỏi nghề các cấp, tham gia hội giảng giáo viên các cấp, hội thi thiết bị dạy nghề tự làm, xây dựng chương trình, giáo trình, chuyển giao công nghệ, thực tập, bồi dưỡng tại doanh nghiệp đầy đủ theo kế hoạch của Trường đề ra

Kết thúc năm học nhà trường có văn bản hướng dẫn khoa chuyên môn tổ chức họp đánh giá xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo theo hướng dẫn tại Thông tư 08/2017/TT-BLĐTĐBXH nhiệm vụ nhà giáo. Kết quả xếp loại nhà giáo của khoa như sau:

Năm 2020: 03 giáo viên Hoàn thành tốt nhiệm vụ, 04 giáo viên hoàn thành nhiệm vụ.

Năm 2021: 07 giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ;

(2.2.03. - Quyết định về việc bổ nhiệm giáo viên chủ nhiệm các lớp; 3.2.03 - Kế hoạch hội giảng các năm học; Báo cáo kết quả hội giảng cấp khoa, cấp trường; Quyết định công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường; 3.2.04 - Các văn bản giao nhiệm vụ bồi dưỡng học sinh cho nhà giáo; 3.2.05 – kết quả xếp loại lao động, xếp loại thi đua năm 2020, 2021).

Trong 02 năm qua 100% nhà giáo tham gia dạy nghề Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính Trình độ trung cấp đã hoàn thành nhiệm vụ trở lên theo quy định của Trường, Năm 2020-2021 có 07, năm 2021-2022 có 07 nhà giáo được công nhận danh hiệu lao động tiên tiến.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 3: 02điểm

Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp;

Trên cơ sở Kế hoạch, tiến độ đào tạo của Trường từng học kỳ, khoa Công nghệ Thông tin thực hiện phân công giáo viên giảng dạy các mô-đun, môn học nghề Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính Trình độ trung cấp đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình

đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp duyệt *(2.2.01 - Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo các năm 2020, 2021, 2022; 2.2.02 - Kế hoạch giáo viên, thời khóa biểu, lịch giảng dạy các năm 2020-2021, 2021-2022).*

Năm học 2020 - 2021: 11 nhà giáo được phân công giảng dạy các MH/MĐ trong kế hoạch đào tạo của 02 lớp với tổng số giờ 1590h (bao gồm giờ GVCN và quản lý phòng học chuyên môn); số giờ định mức trong năm học của 11 nhà giáo cơ hữu là 510 giờ.;

Năm học 2021 - 2022: 11 nhà giáo được phân công giảng dạy các MH/MĐ trong kế hoạch đào tạo của 03 lớp với tổng số giờ 2935h (bao gồm giờ GVCN và quản lý phòng học chuyên môn); số giờ định mức trong năm học của 11 nhà giáo cơ hữu là 510 giờ.

Căn cứ vào số giờ theo kế hoạch và số thực tế nhà giáo được phân công giảng dạy hàng năm, Khoa Công nghệ Thông tin đã tổng hợp giờ giảng cuối năm học của đội ngũ giáo viên và cho thấy 100% nhà giáo dạy đủ và vượt định mức giờ giảng *(3.3.01 - Danh sách nhà giáo giảng dạy môn học, mô đun năm học; 2020 – 2021; 2021-2022; 3.2.02 -Bảng tổng hợp giờ giảng các năm học; 2020 – 2021, 2021 - 2022).*

Đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp

Biên chế số lớp theo quyết định mở lớp của Hiệu trưởng nhà trường đối với nghề Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính các năm học như sau:

Năm học 2020 – 2021: Tổng số 02 lớp, tổng số hs: 54hs

Năm học 2021 – 2022: Tổng số 03 lớp, tổng số hs: 84hs

Căn cứ Mục 4, Điều 2 Thông tư 07/2017/ TT-BLĐTBXH quy định giờ chuẩn, thời gian giảng dạy, định mức giờ giảng, quy mô lớp học thì Trường đảm bảo số HSSV/ lớp của nghề Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính theo quy định *(3.3.02- Quyết định biên chế các lớp các năm học năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022).*

Tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo.

Tỷ lệ HSSV quy đổi, giáo viên quy đổi trong các năm qua như sau:

TT	Nội dung	Năm học	
		2020-2021	2021-2022
1	Số lượng Sinh viên quy đổi	34.0	69.0
2	Số lượng GV quy đổi	4.3	4.3
3	Tỷ lệ SV/ GV	7.9	16.0

(3.3.03 - Danh sách giáo viên tham gia giảng dạy nghề Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính năm 2020 – 2021, 2021-2022; 3.3.04 -Bảng tính quy đổi nhà giáo/HSSV)

Đối chiếu Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 8/10/2018 của Chính phủ, tỷ lệ quy đổi HSSV/nhà giáo nghề Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính đảm bảo quy định.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 3:02điểm

Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhằm đổi mới phương pháp dạy học và không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, nhanh chóng tạo được uy tín đối với xã hội và thương hiệu của nhà trường, một trong những giải pháp cơ bản mang tính nội sinh là đẩy mạnh các hoạt động NCKH, tích cực tham gia các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm, huấn luyện học sinh giỏi của đội ngũ nhà giáo theo hướng thiết thực và hiệu quả. Hàng năm căn cứ vào kế hoạch của trường, khoa triển khai đến các giáo viên tự đề xuất nội dung đề tài nghiên cứu khoa học, kế hoạch cá nhân tham gia hội giảng, làm thiết bị tự làm.

Các số liệu cụ thể như sau:

Năm học 2020: 07 nhà giáo tham gia hội giảng cấp khoa, 02 nhà giáo tham gia Hội giảng cấp trường và 01 nhà giáo tham gia hội giảng cấp thành phố.

Năm học 2021: 07 nhà giáo tham gia hội giảng cấp khoa, 03 nhà giáo tham gia Hội giảng cấp trường;

(3.2.08 – Kế hoạch hội giảng các năm học; Báo cáo kết quả hội giảng cấp khoa, cấp trường; 3.2.09 - Quyết định công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp Thành phố.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 3: 02 điểm.

Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ viên chức, người lao động của khoa đủ số lượng, có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao, được định kỳ bồi dưỡng nâng cao trình độ là yếu tố quan trọng góp phần vào sự thành công của Nhà trường.

Tính đến hết năm học 2021, tổng số đội ngũ viên chức, người lao động của khoa gồm: 07 Cán bộ giáo viên bao gồm 01 trưởng khoa, 06 nhà giáo *(3.5.01- Danh sách trích ngang đội ngũ VC, NLD của khoa).*

Nhà trường khuyến khích, tạo điều kiện đội ngũ VC, NLD trong khoa được định kỳ bồi dưỡng, nâng cao trình độ theo quy định dưới nhiều hình thức khác nhau, tập huấn công tác tổ chức cán bộ, kỹ năng tư vấn hướng nghiệp cho CBGV; Quản lý cơ sở đào tạo, ứng dụng CNTT, ngoại ngữ, quản lý sử dụng tài sản thiết bị, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghề, chuyên gia công nghệ thiết bị...

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ nhà giáo của khoa trong các năm như sau:

+ Năm học 2020 khoa đã bố trí giáo viên tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng: Về kỹ năng sư phạm, hướng dẫn sử dụng các phần mềm dạy online.

(3.5.02 -Kế hoạch học tập bồi dưỡng năm 2020, 2021 của khoa ; 3.5.03 -Các Quyết định cử nhà giáo đi học tập bồi dưỡng năm 2020, 2021; 3.5.04 - Tài liệu/ văn bằng chứng chỉ, báo cáo kết quả đào tạo bồi dưỡng).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 3:02 điểm

Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đối với nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, việc bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động để cập nhật kiến thức, công nghệ, phương pháp tổ chức quản lý sản xuất, là nhiệm vụ bắt buộc theo Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 Hướng dẫn chế độ làm việc của giáo viên, giảng viên giáo dục nghề nghiệp.

Căn cứ kế hoạch giảng dạy, Khoa chuyên môn và nhà giáo chủ động xây dựng kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp của nhà giáo. Nhà trường có công văn, quyết định cử nhà giáo đi thực tập tại các doanh nghiệp, phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường. Nội dung thực tập tại doanh nghiệp cập nhật kiến thức, quy trình công nghệ mới; thiết bị máy móc mới tại doanh nghiệp; tìm hiểu cách thức tổ chức sản xuất, hoạt động của doanh nghiệp nơi giáo viên thực

tập. Đây là cơ hội tốt giúp cho đội ngũ giáo viên có cơ hội học hỏi, tiếp cận với kỹ thuật công nghệ mới, trao đổi kiến thức, thâm nhập vào thực tế sản xuất của ngành nghề ngoài xã hội để bổ sung kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu giảng dạy.

Kết quả nhà giáo cơ hữu giảng dạy các môn chuyên nghề được đi bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp như sau:

Năm học 2019 – 2020: 07/07 nhà giáo tham gia thực tập tại doanh nghiệp.

Nội dung thực tập:

- Cập nhật công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực Công nghệ thông tin.
- Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề tại các doanh nghiệp

Năm học 2020 – 2021: 07/07 nhà giáo tham gia thực tập tại trường.

Nội dung thực tập:

- Cập nhật công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực Công nghệ thông tin.
- Lắp đặt phòng máy tính.
- Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề tại các xưởng của khoa CNTT tại trường CĐN KT CÔNG NGHỆ

(3.6.01-Kế hoạch học tập nâng cao tại doanh nghiệp hàng năm; 3.6.02 -Đề cương học tập nâng cao tại các doanh nghiệp; 3.6.03 -Báo cáo kết quả học tập tại Doanh nghiệp; 3.6.04 – Danh sách giáo viên tham gia học tập nâng cao tại các doanh nghiệp).

Vậy so với số lượng nhà giáo biên chế tại Khoa hàng năm, thì Trường đảm bảo 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Cán bộ quản lý khoa Công nghệ Thông tin - Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ gồm 01 Trưởng khoa không có Phó trưởng khoa, không có nhân viên.

Về chuyên môn: Cán bộ quản lý khoa có trình độ Thạc sỹ: Có chứng chỉ vụ nghiệp vụ sư phạm dạy nghề, có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc III, ngoại ngữ và tin học đều đạt chuẩn theo quy định.

Cụ thể:

+ Trưởng khoa: Phùng Sỹ Tiến.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

Ngoại ngữ: TOEFL.ITP 503;

Tin học: Kỹ sư,

Chứng chỉ sư phạm dạy nghề:

Kỹ năng thực hành nghề: Kỹ năng nghề quốc gia bậc III.

(3.5.01- Danh sách trích ngang đội ngũ VC, NLD của khoa; 1.2.03 -Báo cáo tổng kết công tác các năm 2020, 2021 của khoa;3.7.01 - Kế hoạch công tác hàng năm của khoa)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 3: 02điểm

Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào quy định đánh giá, phân loại CC, VC, NLD của Trường *(3.8.01 - Quyết định số 351/QĐ-CDNKTCN ngày 04/12/2015 Quy định đánh giá, phân loại đối với CC, VC, NLD của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ)*, hàng năm khoa tổ chức bình xét và đánh giá, xếp loại cán bộ, nhân viên theo quy định, tự nhận xét, đánh giá ưu nhược điểm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ trình lên Hội đồng xét thi đua khen thưởng Nhà trường.

Kết quả xếp loại của tập thể đơn vị và các cá nhân cán bộ quản lý các năm 2020, 2021:

Năm 2020: Tập thể lao động Tiên tiến, Trưởng khoa Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Năm 2021: Tập thể lao động Tiên tiến, Trưởng khoa Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

(3.7.02 - Kế hoạch phân loại CC, VC, người lao động và tổng kết công tác thi đua khen thưởng năm 2020, 2021; 3.7.03 - Biên bản phân loại CC, VC, và người lao động của khoa năm 2020, 2021; 3.7.04 - Biên bản bình xét thi đua của khoa năm 2020, 2021; 3.7.05 - Quyết định phân loại CC, CV, NLD của trường năm học 2020, 2021).

Như vậy, trong 02 năm liền, tập thể Khoa được công nhận là tập thể lao động Tiên tiến, Trưởng khoa Hoàn thành Tốt nhiệm vụ.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 3: 02 điểm

2.2.4.TIÊU CHÍ 4: CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4:

Mở đầu:

Chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính Trình độ Trung cấp được xây dựng căn cứ quy định tại thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH; Thông tư 44/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nghề KTSC&LR Máy tính. Chương trình, giáo trình được Nhà trường chỉnh sửa, bổ sung nhằm mục tiêu đào tạo kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, có trình độ Trung cấp nhằm trang bị cho người học nghề kiến thức chuyên môn và năng lực thực hành các công việc của nghề KTSC&LR Máy tính trong lĩnh vực Công nghệ thông tin, có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm; có khả năng sáng tạo, ứng dụng vào công việc thực tế; có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, có sức khỏe tạo điều kiện cho người học nghề sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Trong quá trình xây dựng nhà trường đặc biệt quan tâm việc chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp, trường đã mời các chuyên gia đến từ các công ty tham gia góp ý, tổ chức tham khảo ý kiến của giáo viên, học sinh sinh viên, người học đã tốt nghiệp để có cơ sở chỉnh sửa chương trình cho phù hợp.

*** Những điểm mạnh:**

Chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính Trình độ Trung cấp của trường được xây dựng, điều chỉnh theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, quy trình xây dựng, biên soạn khoa học, có sự tham gia, đóng góp của chuyên gia và doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động, được thiết kế phù hợp với nhu cầu đào tạo cũng như thực tế sản xuất của địa phương, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp;

Chương trình đào tạo được xây dựng với cấu trúc chương trình hợp lý, phù hợp với nhiều đối tượng người học, được cập nhật, điều chỉnh và bổ sung theo định kỳ từng năm học;

Giáo trình được tổ chức biên soạn, lựa chọn, đánh giá cập nhật theo quy định, có đủ tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo cho từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

*** Những tồn tại:**

Trường chưa có văn bản của Trường đại học chấp nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được miễn trừ khi học liên thông trình độ cao đẳng lên trình độ đại học theo quy định.

* *Kế hoạch*: Trường cần tiếp tục triển khai đào tạo liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân theo Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học, cụ thể: Trường cần có văn bản thỏa thuận/văn bản chấp thuận của cơ sở giáo dục đại học với trường; Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đã được cơ sở giáo dục đại học ban hành.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	22
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02
Tiêu chuẩn 8	0
Tiêu chuẩn 9	02
Tiêu chuẩn 10	02
Tiêu chuẩn 11	02
Tiêu chuẩn 12	02

Tiêu chuẩn 1: *Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường căn cứ vào các văn bản sau để xây dựng, lựa chọn, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo: Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/04/2017 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp; Thông tư 44/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp nghề KTSC&LR Máy tính; Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH, 11/2018/TT-BLĐTBXH, 12/2018/TT-BLĐTBXH, 13/2018/TT-BLĐTBXH, 24/2018/TT-BLĐTBXH, 03/2019/TT-BLĐTBXH quy định về các môn học chung.

Căn cứ vào Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017, Trường ban hành quyết định thành lập Ban biên soạn, thẩm định chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp. Quyết định số 67/QĐ-CĐNKTCN ngày 24/04/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ; Số 99A/QĐ-CĐNKTCN ngày 16/6/2020 về thành lập Ban biên soạn Chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp, Ban biên soạn gồm có 10 thành viên theo danh sách đính kèm, trong đó có 02 thành viên đến từ Doanh nghiệp. Chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính của Trường được tổ chức xây dựng, biên soạn, thẩm định đúng qui định. Từ việc triển khai kế hoạch, thành lập Ban chủ nhiệm tổ chức biên soạn chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra, Hội đồng thẩm định, nghiệm thu, cho đến khi ban hành chương trình đào tạo được trường tổ chức chặt chẽ, đảm bảo theo qui định của Bộ LĐTBXH.

Hội đồng thẩm định gồm có 11 thành viên theo danh sách đính kèm, trong đó: Có 02 thành viên đến từ doanh nghiệp, 01 thành viên là cán bộ quản lý GDNN, 04 thành viên đến từ Cơ sở GDNN khác, còn lại 04 thành viên là Cán bộ quản lý, giảng viên của Trường.

(4.1.01 - Quyết định số 65A/QĐ-CĐNKTCN ngày 24/04/2017. Quy định về xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo của trường CĐNKTCN; 4.1.02- Quy trình xây dựng, lựa chọn chương trình đào tạo; 4.1.03 - Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm, tiểu ban biên soạn chương trình, giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp; 4.1.04 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định

chương trình, giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp; 4.1.05-Hồ sơ xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp nghề KTSC&LR Máy tính năm 2017; 4.1.06 - Bộ chương trình nghề KTSC&LR Máy tính năm 2017 đã xây dựng kèm theo quyết định phê duyệt; 4.1.07- Các biên bản trong quá trình biên soạn/điều chỉnh, thẩm định CTĐT nghề KTSC&LR Máy tính;)

Việc đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính được Trường triển khai thực hiện kịp thời. Cụ thể: Năm 2017 trường xây dựng mới chương trình đào tạo theo thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH; Năm 2018 - 2019 khi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình các môn học chung Thông tư 10/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư 11/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư 12/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư 13/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư 24/2018/TT-BLĐTBXH, Thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH, Trường đã tiến hành rà soát, cập nhật theo quy định. Cụ thể:

Năm 2019:

- Môn Chính trị thời gian thực hiện môn học là 90 giờ, trong đó: Lý thuyết: 60 giờ, thực hành: 24 giờ, kiểm tra: 06 giờ. Điều chỉnh thành thời gian thực hiện môn học là 75 giờ, trong đó lý thuyết: 41 giờ, thực hành: 29 giờ, kiểm tra: 05 giờ.

- Môn Pháp luật thời gian thực hiện môn học là 30 giờ, trong đó: Lý thuyết: 23 giờ; thảo luận: 05 giờ; kiểm tra: 02 giờ. Điều chỉnh thành thời gian thực hiện môn học là 30 giờ trong đó: Lý thuyết: 18 giờ, thực hành: 10 giờ, kiểm tra: 02 giờ.

- Môn Giáo dục thể chất thời gian thực hiện môn học là 60 giờ, trong đó: Lý thuyết: 04 giờ, Thực hành: 52 giờ, Kiểm tra: 04 giờ. Điều chỉnh thành tổng số giờ là 60 trong đó: Lý thuyết: 05 giờ, thực hành: 51 giờ, kiểm tra: 04 giờ

- Môn Quốc phòng & An ninh thời gian thực hiện môn học là 75 giờ, trong đó: Lý thuyết: 58 giờ, Thực hành: 12 giờ, Kiểm tra: 05 giờ. Điều chỉnh thành tổng số giờ là 75 trong đó: Lý thuyết: 36 giờ, thực hành: 35 giờ, kiểm tra: 04 giờ.

- Môn Tin học thời gian thực hiện môn học là 75 giờ, trong đó: Lý thuyết: 20 giờ; Thực hành: 50 giờ, Kiểm tra: 05 giờ. Điều chỉnh thành tổng số giờ là 75 giờ trong đó Lý thuyết: 15 giờ, thực hành: 58 giờ, kiểm tra: 02 giờ.

- Môn Tiếng Anh thời gian thực hiện môn học là 120 giờ, trong đó: Lý thuyết: 60 giờ, thực hành: 52 giờ, kiểm tra: 08 giờ. Điều chỉnh thành tổng số giờ thực hiện là 90 giờ trong đó Lý thuyết: 42 giờ, thực hành: 72 giờ, kiểm tra: 06 giờ.

Năm 2020:

- Tăng giờ từ 1110 giờ (45 tín chỉ) lên 1675 giờ (64 tín chỉ)

-Bỏ môn học/mô đun chuyên môn: Hệ điều hành mã nguồn mở.

-Thêm môn học/mô đun chuyên môn: Cơ sở dữ liệu; Hệ quản trị cơ sở dữ liệu; Hệ điều hành; Thiết kế xây dựng mạng LAN; Sửa chữa, bảo trì hệ thống mạng; Đồ họa ứng dụng.

- Tăng giờ môn: Thực tập nghề từ 240 giờ lên 400 giờ; Tin học văn phòng từ 45 giờ lên 75 giờ; Internettừ 45 giờ lên 60 giờ; Xử lý sự cố phần mềm từ 60 giờ lên 90 giờ; Sửa chữa máy tính từ 90 giờ lên 120 giờ;

- Giảm giờ môn Lắp ráp và cài đặt máy tính từ 90 giờ xuống 60 giờ.

(4.1.08 - Hồ sơ điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp nghề KTSC&LR Máy tính năm 2020; 1.1.09- Bộ chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính điều chỉnh năm 2020 kèm theo hồ sơ rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo 2018 - 2020; 4.1.09 - Quyết định số 52/QĐ-CĐNKTCN ngày 23/12/2019 ban hành sử dụng 06 môn học chung năm 2019; 2.6.04- Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2020, 2021; 2.2.06 - Hồ sơ khảo sát HSSV; 4.1.10 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát; 4.2.01 - Hồ sơ khảo sát Doanh nghiệp; 4.7.02- Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp 2019 - 2021).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017, Trường ban hành quyết định thành lập Ban biên soạn, thẩm định chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp. Quyết định số 282/QĐ-CĐNKTCN ngày 29/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ; 99A/QĐ-CĐNKTCN ngày 16/6/2020 về thành lập Ban Chủ nhiệm xây dựng Chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp, Ban biên soạn gồm có 10 thành viên theo danh sách đính kèm, trong đó có 02 thành viên đến từ Doanh nghiệp.

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ CÔNG TÁC, CÔNG TY	CHỨC DANH
----	-----------	---------------------------	-----------

1	Phạm Đức Mạnh	Công ty TNHH sản xuất TM&DV kỹ thuật máy tính MTV	Ủy viên
2	Ngô Minh Ngọc	Công ty CP TM&DV Kỹ nguyên mới	Ủy viên

Các Quyết định số 282/QĐ-CĐNKTCN ngày 29 tháng 9 năm 2017; Quyết định số 14A/QĐ-CĐNKTCN ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ về thành lập Hội đồng thẩm định Chương trình điều chỉnh các nghề năm học 2017 – 2018 đến 2020 - 2021 trong đó có nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp, Hội đồng thẩm định đều có 11 thành viên theo danh sách đính kèm, trong đó: Có 02 thành viên đến từ doanh nghiệp.

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ CÔNG TÁC, CÔNG TY	CHỨC DANH
1	Đỗ Ngọc Sơn	Công ty TNHH máy tính thanh niên	Ủy viên
2	Đào Thanh Hải	Công ty CP giáo dục quốc tế Việt Phát-Chi nhánh Đông Anh	Ủy viên

(4.1.03 - Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm, tiểu ban biên soạn chương trình, giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp; 4.1.04 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 4:02 điểm

Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 44/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng thì Chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp

của Trường thể hiện đầy đủ về khối lượng kiến thức như: kiến thức các môn học chung, kiến thức các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở, kiến thức các môn học, mô đun chuyên ngành cần đạt được của người học khi tốt nghiệp. Chương trình đào tạo có đầy đủ các yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu, năng lực người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp theo quy định tại Thông tư số 44/2018/TT-BLĐTĐBXH ngày 28/12/2018,. Cụ thể: Khối lượng kiến thức tối thiểu 1675 giờ (64 tín chỉ), thời gian học tập 02 năm, tỷ lệ thực hành chiếm hơn 69%; Yêu cầu về năng lực như: kiến thức về chính trị, pháp luật, giáo dục quốc phòng - An ninh, kiến thức và kỹ năng chuyên môn: Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; Lắp đặt được hệ thống máy tính và các thành phần, thiết bị ngoại vi; Lắp ráp, cài đặt, cấu hình được hệ điều hành và các ứng dụng phần mềm; Chẩn đoán được, sửa chữa được phần cứng máy tính, màn hình máy tính và máy in; Chẩn đoán được và xử lý được các sự cố phần mềm máy tính; Bảo trì, sửa chữa và nâng cấp được phần mềm và phần cứng máy tính; Thiết kế, lắp đặt và bảo dưỡng được mạng hệ thống mạng; Thực hiện được việc tổ chức, quản lý một tổ kỹ thuật, một cửa hàng lắp ráp, bảo trì, bảo dưỡng máy tính; Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề; Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề; *(1.1.01- Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp).*

Ngoài ra, các ý kiến đóng góp còn được thực hiện qua các buổi họp chuyên môn với sự tham gia của cán bộ quản lý, giáo viên nhằm rà soát cải tiến chương trình, giáo trình đào tạo; Trường thực hiện khảo sát ý kiến của cán bộ, giáo viên, người học và doanh nghiệp về chương trình đào tạo *(2.6.04- Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2020, 2021; 2.2.06 - Hồ sơ khảo sát HSSV; 4.1.10 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát; 4.2.01 - Hồ sơ khảo sát Doanh nghiệp; 4.7.02- Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp 2019 - 2021; 4.3.01 - Các biên bản họp khoa Công nghệ Thông tin).*

Các ý kiến đều cho rằng chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp, thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; Thông tư số 44/2018/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2018 quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Trong chương trình đào tạo được ban hành có kế hoạch phân bổ các môn học, mô đun theo từng học kỳ, có tiến trình đào tạo để thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy: thời gian học lý thuyết, thực hành, kiểm tra; có trình tự thực hiện môn học trước, sau hay song hành. Chương trình các môn học, mô đun được quy định rõ về thời gian thực hiện môn học: giờ lý thuyết, giờ thực hành/bài tập, kiểm tra; phân bổ thời gian chi tiết đến từng chương, bài. Cụ thể: Thời gian đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp 2 năm (năm nhất 660 giờ chiếm 39,4%/ tổng số giờ của chương trình, năm hai 1015 giờ chiếm 60.5% tổng số giờ của chương trình) được chia làm 5 học kỳ, sắp xếp các môn học chung, các môn học cơ sở nghề trong học kỳ I, II; kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành học ở học kỳ III, IV; kiến thức chuyên ngành và thực tập tốt nghiệp được học ở học kỳ IV,; kiến thức chuyên ngành (nâng cao) được học ở học kỳ IV, V (*4.4.01- Kế hoạch đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp các năm 2019-2021; 1.1.01- Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp*).

Qua xem xét kết quả khảo sát, góp ý kiến các đối tượng liên quan nghề KTSC&LR Máy tính về sự phù hợp của chương trình đào tạo, chương trình môn học về phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các môn học cho thấy: Chương trình đào tạo được đánh giá phù hợp với mục tiêu đào tạo, đảm bảo tính hợp lý, tiến trình thực hiện giữa các môn học, đảm bảo được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp của Trường, ngành, đáp ứng nhu cầu nhân lực của nhà tuyển dụng, đơn vị sử dụng lao động (*2.6.04- Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2020, 2021; 2.2.06 - Hồ sơ khảo sát HSSV; 4.1.10 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát*).

Kết quả tổ chức lấy ý kiến cho thấy:

+ 100% doanh nghiệp phản hồi đồng ý chương trình đào tạo có sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

+ Có 100% HSSV được khảo sát cho rằng chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

+ 100% GV, CBQL đánh giá Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô đun, môn học phù hợp mục tiêu giáo dục nghề nghiệp

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 4:02 điểm

Tiêu chuẩn 5: *Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp có: 100% các môn học đều có các yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo (*1.1.01- Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp*). Cụ thể Chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp năm 2020 như sau:

Yêu cầu về cơ sở vật chất trong chương trình đào tạo:

Căn cứ mẫu quy định tại phụ lục 02, phụ lục 03 kèm theo thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH, tại mục IV. Điều kiện thực hiện môn học/mô đun có quy định rõ các nội dung: Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng; trang thiết bị máy móc; học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu; các điều kiện khác. Căn cứ vào các nội dung quy định, đối với từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính đều thể hiện được những yêu cầu về cơ sở vật chất cụ thể:

Trong nội dung chi tiết của chương trình đào tạo đã nêu rõ những yêu cầu về điều kiện để thực hiện chương trình đối với từng mô đun/môn học đảm bảo cho việc triển khai thực hiện chương trình đào tạo có chất lượng. Cụ thể, đối với mỗi mô đun/môn học, trong Mục IV – Điều kiện thực hiện mô đun/môn học có:

- Yêu cầu về phòng học chuyên môn hoá/nhà xưởng
- Yêu cầu về trang thiết bị, máy móc
- Yêu cầu về học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Yêu cầu về giáo viên.
- Các yêu cầu khác tùy theo điều kiện đặc thù của mô đun/môn học

Các yêu cầu về điều kiện thực hiện trong chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính của Trường cũng phù hợp với yêu cầu về định mức thiết bị nghề và định mức vật tư nghề trình độ trung cấp ban hành theo Thông tư số 16/2020/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về định mức kinh tế, kỹ thuật cho nghề Kỹ thuật Lắp ráp và sửa chữa máy tính.

Chương trình chi tiết của từng MH/MĐ có quy định cụ thể điều kiện cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu đào tạo từng MH/MĐ. Ví dụ:

Tên môn học: Kiến trúc máy tính

Mã số của môn học: MHSCMT 11

Thời gian môn học: 60 giờ: (Lý thuyết 25 giờ; Thực hành, thí nghiệm thảo luận bài tập 33 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

Tại mục IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Lớp học/phòng thực hành
 - Sử dụng phòng học chuyên môn hóa
2. Trang thiết bị máy móc
 - + Máy chiếu, máy tính
 - + Máy chiếu qua đầu
 - + Máy chiếu đa phương tiện.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu
 - Học liệu, dụng cụ:
 - + Bút lông, bản Mica
 - + Tài liệu hướng dẫn môn học Kiến trúc máy tính
 - + Giáo trình Môn học Kiến trúc máy tính
 - Nguyên vật liệu:
 - + Slide, băng từ, đĩa CDROM, DVD...
 - + Các hình vẽ

Tại mục VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy môn học:

- Trình bày lý thuyết và phát vấn câu hỏi.

- Yêu cầu sinh viên thực hành và làm các bài tập nhóm (các chuyên đề).

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- Giờ thi/kiểm tra kết thúc mô đun được lấy từ quỹ thời gian kiểm tra của mô học, môn học có 03 giờ kiểm tra trong đó:

+ 02 giờ được dùng để kiểm tra định kỳ trong quá trình giảng dạy môn học

+ 01 giờ được dùng để thi/kiểm tra kết thúc môn học

+ Trong trường hợp thời gian thi/kiểm tra kết thúc có thời gian lớn hơn 01 giờ, thì giáo viên lấy thêm từ quỹ thời gian thực hành của môn học.

Tên mô đun: Sửa chữa máy tính

Mã mô đun: MĐSCMT 18

Thời gian thực hiện mô đun: 120 giờ; (Lý thuyết: 40 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 76 giờ; Kiểm tra: 04giờ)

Tại mục IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng: Nhà xưởng

2. Trang thiết bị máy móc: Máy chiếu đa phương tiện, máy vi tính, mỏ hàn, máy khò, đồng hồ VOM...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Tuốt nơ vít, kim điện, đĩa DVD trắng, USB 8Gb trở lên, chì hàn, IC các loại, các loại CHIPSET, các loại CPU.

4. Các điều kiện khác: Quần áo xưởng

Tại mục VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ trung cấp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Trình bày lý thuyết

+ Giới thiệu các lỗi thường gặp và cách khắc phục

- + Giới thiệu qui trình chẩn đoán sự cố
- + Giáo viên thao tác mẫu, yêu cầu sinh viên thao tác lại
- + Cho sinh viên thực hành sửa chữa các máy vi tính thực tế

- Đối với người học:

- + Có ý thức tự giác, tính kỷ luật cao, có tinh thần trách nhiệm trong học tập
- + Có khả năng làm việc theo nhóm
- + Chấp hành các nội quy, quy chế của nhà trường, xưởng thực hành

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

- Giờ thi/kiểm tra kết thúc mô đun được lấy từ quỹ thời gian kiểm tra của mô đun, mô đun có 03 giờ kiểm tra trong đó:

- + 02 giờ được dùng để kiểm tra định kỳ trong quá trình giảng dạy mô đun
- + 01 giờ được dùng để thi/kiểm tra kết thúc mô đun

+ Trong trường hợp thời gian thi/kiểm tra kết thúc có thời gian lớn hơn 01 giờ, thì giáo viên lấy thêm từ quỹ thời gian thực hành của mô đun.

+ Giáo viên đưa ra các mô hình mạng yêu cầu học sinh, sinh viên thiết kế và xây dựng với sự trợ giúp của giáo viên

- Đối với người học:

- + Chú ý tập trung vào các bài học
- + Có tinh thần trách nhiệm cao trong học tập
- + Tính chính xác, tỉ mỉ, cẩn thận.
- + Rèn luyện tinh thần tuân thủ kỷ luật trong công việc

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy

- Giờ thi/kiểm tra kết thúc mô đun được lấy từ quỹ thời gian của mô đun, mô đun có 04 giờ kiểm tra trong đó:

- + 03 giờ được dùng để kiểm tra định kỳ trong quá trình giảng dạy mô đun
- + 01 giờ được dùng để thi/kiểm tra kết thúc mô đun

+ Trong trường hợp thời gian thi/kiểm tra kết thúc có thời gian lớn hơn 01 giờ, thì giáo viên lấy thêm từ quỹ thời gian thực hành của mô đun.

Thực tế Giáo viên đã sử dụng trang thiết bị, dụng cụ, học liệu và áp dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp với yêu cầu về điều kiện, hướng dẫn thực hiện môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp đã ban hành (4.5.01 - Hồ sơ giáo án của giáo viên khoa Công nghệ Thông tin từ năm học 2019 - 2020; 2020 – 2021; 2021-2022).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 4:02 điểm

Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp năm 2017 có 17 môn học, mô đun (Không tính môn: Thực tập tốt nghiệp), năm 2020 có 22 môn học, mô đun (Không tính môn: Thực tập tốt nghiệp). Mỗi chương trình môn học, mô đun đều xác định yêu cầu năng lực đạt được về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, làm việc độc lập, theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phát sinh trong điều kiện công việc thay đổi; có quy định cụ thể phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô đun, môn học của chương trình đào tạo (1.1.01- Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp). Cụ thể (Trường dẫn chi tiết 01 môn học, 01 mô đun trong chương trình đào tạo):

Tên môn học: Kiến trúc máy tính

Mã số của môn học: MHSCMT 11

Thời gian môn học: 60 giờ: (Lý thuyết 25 giờ; Thực hành, thí nghiệm thảo luận bài tập 33 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

Tại mục V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Về kiến thức:

+ Biết lịch sử phát triển của máy tính.

- + Nắm được các thành phần cơ bản của kiến trúc máy tính.
- + Mô tả được cấu trúc, chức năng và nguyên lý hoạt động của các thành phần của máy tính.

- + Các phương pháp an toàn dữ liệu cho các thiết bị lưu trữ ngoài

- Về kỹ năng:

- + Lập trình được trên các tập lệnh cơ bản của ngôn ngữ Assembly

- Về thái độ:

- + Cẩn thận, tự giác, chính xác...

- + Rèn luyện tính kiên trì, cẩn thận, tỉ mỉ, nghiêm túc trong công việc.

2. Phương pháp

- Kiến thức: Được đánh giá qua bài kiểm tra viết, trắc nghiệm

- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng thực hành trong bài thực hành

- Thái độ: Đánh giá qua số giờ học tập mô đun và tính tự giác, tích cực

Tên mô đun: Sửa chữa máy tính

Mã mô đun: MĐSCMT 18

Thời gian thực hiện mô đun: 120 giờ; (Lý thuyết: 40 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 76 giờ; Kiểm tra: 04giờ)

Tại mục V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

- + Trình bày được những hệ kiến trúc và bo mạch giao tiếp của hệ thống PC

- + Xác định được hiệu năng của bộ vi xử lý

- + Nhận biết được các nguyên nhân gây ra và cách giải quyết được các sự cố thường gặp trong những loại PC khác nhau

- Kỹ năng:

- + Thiết lập được các thông số cho máy vi tính

- + Lắp ráp, sửa chữa bo mạch chính

- + Sử dụng thành thạo các phần mềm chuẩn đoán lỗi

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Có ý thức tự giác, tính kỷ luật cao, có tinh thần trách nhiệm trong học tập

- + Có khả năng làm việc theo nhóm

2. Phương pháp:

- Đánh giá bằng hình thức kiểm tra viết, trắc nghiệm
- Đánh giá kỹ năng thực hành

100% các môn học, mô đun: Điểm môn học, mô-đun bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra (kiểm thường xuyên, kiểm tra định kỳ) có trọng số 0,4 (40%) và điểm thi kết thúc môn học, mô đun có trọng số 0,6 (60%) (*1.1.01- Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp; 2.5.01 -Quy định về tổ chức, quản lý kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc MH/MĐ Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ. Ban hành kèm theo Quyết định số 262/QĐ - CĐNKTCN ngày 04/12/2017; 2.6.04- Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2020, 2021; 2.2.06 - Hồ sơ khảo sát HSSV; 4.1.10 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 4: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7: *Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp được xây dựng trên cơ sở thu thập thông tin thị trường lao động thành phố Hà Nội, thông tin tuyển dụng của đơn vị sử dụng lao động, thông qua các hoạt động gắn kết với doanh nghiệp về giáo viên thực tập tại doanh nghiệp, các hội thảo tiếp xúc giữa nhà trường với các nhà tuyển dụng (*4.7.01-Nghị quyết số 20/NQ-HĐND thành phố Hà Nội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội năm 2020; Quyết định số 4098/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 về việc phê duyệt chương trình chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 01/3/2021 kế hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Hà Nội năm 2021; 4.2.01 - Hồ sơ khảo sát Doanh nghiệp; 4.7.02- Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp 2019 - 2021; 4.7.03-Các thông báo tuyển dụng nghề KTSC&LR Máy tính treo ở bảng thông tin của Trường CĐNKTCN*). Từ đó, nắm bắt nhu cầu của thị trường lao động, của doanh nghiệp, để xây dựng chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp cho phù hợp.

Trong nội dung chương trình đào tạo, ngoài sự hiểu biết, nhận thức các quy định về chính trị, pháp luật, học sinh còn được trang bị các kiến thức, kỹ năng phù hợp với yêu cầu phát triển và phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ như:

Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản;

Lắp đặt được hệ thống máy tính và các thành phần, thiết bị ngoại vi;

Lắp ráp, cài đặt, cấu hình được hệ điều hành và các ứng dụng phần mềm;

Chẩn đoán được, sửa chữa được phần cứng máy tính, màn hình máy tính và máy in;

Chẩn đoán được và xử lý được các sự cố phần mềm máy tính;

Bảo trì, sửa chữa và nâng cấp được phần mềm và phần cứng máy tính;

Thiết kế, lắp đặt và bảo dưỡng được mạng hệ thống mạng;

Thực hiện được việc tổ chức, quản lý một tổ kỹ thuật, một cửa hàng lắp ráp, bảo trì, bảo dưỡng máy tính;

Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

Các kiến thức, kỹ năng này nằm trong nội dung các môn học: Sửa chữa máy tính; Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi; Mạng máy tính; Thiết kế xây dựng mạng LAN; Internet; Sửa chữa, bảo trì hệ thống mạng...

Ngoài ra, hàng năm trường đều tổ chức cho nhà giáo giảng dạy nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp tham gia đi thực tế, thực tập tại doanh nghiệp để nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cũng như tiếp cận các thay đổi, phát triển trong lĩnh vực Công nghệ thông tin để điều chỉnh chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp (*3.6.01-Kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp hàng năm; 3.6.02 -Quyết định cử nhà giáo tham gia học tập tại Doanh nghiệp; 3.6.03 -Báo cáo kết quả thực tập tại Doanh nghiệp;3.5.03 -Các Quyết định cử nhà giáo đi học tập bồi dưỡng năm 2020, 2021; 3.5.04 - Tài liệu/ văn bằng chứng chỉ, báo cáo kết quả đào tạo bồi dưỡng*).

Hàng năm, Trường lập kế hoạch, thực hiện khảo sát các đối tượng liên quan: Cán bộ quản lý, giáo viên, doanh nghiệp, HSSV đang học và HSSV đã tốt nghiệp về chương trình đào tạo, chất lượng đào tạo, khả năng đáp ứng yêu cầu thị trường lao động của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp, phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp

với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ. Mức độ đánh giá gồm có 4 mức độ: tốt, khá, đạt yêu cầu, chưa đạt yêu cầu. *(2.6.04- Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2020, 2021; 2.2.06 - Hồ sơ khảo sát HSSV; 4.1.10 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát; 4.2.01 - Hồ sơ khảo sát Doanh nghiệp; 7.7.01 - Kế hoạch khảo sát lần vết sinh viên tốt nghiệp năm 2020, 2021; 7.2.02 - Biểu phân công GVCN thực hiện khảo sát, kết quả khảo sát từng lớp năm 2020, 2021; 7.7.03 - Bảng tổng hợp kết quả khảo sát việc làm của sinh viên năm 2020, 2021; 7.2.04- Báo cáo khảo sát sinh viên có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo năm 2020, 2021; 7.2.05 - Danh sách và thông tin sinh viên tốt nghiệp có việc làm năm 2020, 2021)*

Kết quả khảo sát như sau:

+ 2019 - 2020: (25/30) HSSV được khảo sát cho rằng mục tiêu đào tạo của nghề rõ ràng, phù hợp với mục tiêu trường và nhu cầu thị trường lao động; chương trình đào tạo đảm bảo cập nhật tiến bộ của công nghệ (100%, 30/30 SV). Đến năm 2020-2021 số HSSV được khảo sát cho rằng mục tiêu đào tạo của nghề rõ ràng, phù hợp với mục tiêu trường và nhu cầu thị trường lao động tăng lên là 100% (78/78) HSSV; chương trình đào tạo đảm bảo cập nhật tiến bộ của công nghệ 100%, (78/78) HSSV.

+ 100% (10/10) doanh nghiệp phản hồi đồng ý chương trình đào tạo thể hiện được tính thực tiễn và phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành. Có 8/10 doanh nghiệp đánh giá tốt, đạt 80%; có 2/10 doanh nghiệp đánh giá khá, đạt 20%.

+ 100% (8/8) GV, CBQL đánh giá Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

Ngoài ra, sự phù hợp của chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp còn được sự góp ý của chuyên gia, doanh nghiệp khi xây dựng, thẩm định chương trình đào tạo, Hội thảo lấy ý kiến về dự thảo chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp, ông Phạm Đức Mạnh có ý kiến: “ Tôi thấy mục tiêu đào tạo của CTĐT rất cụ thể, rõ ràng, nếu người học đạt được những kiến thức, kỹ năng đề ra trong mục tiêu đào tạo thì khi ra trường hoàn toàn có thể đảm nhiệm được những vị trí việc làm liên quan đến lĩnh vực Công nghệ Thông tin đặc biệt là chuyên môn KTSC&LR Máy tính”. *(4.1.05-Hồ sơ xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp nghề KTSC&LR Máy tính năm 2017; 4.1.07- Các biên bản trong quá trình biên soạn/điều chỉnh, thẩm định CTĐT nghề KTSC&LR Máy tính; 4.1.08 - Hồ sơ điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo trình độ*

cao đẳng, trung cấp nghề KTSC&LR Máy tính năm 2020; 1.1.09- Bộ chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính điều chỉnh năm 2020 kèm theo hồ sơ rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo 2018 – 2020; 4.7.04 - Biên bản Hội thảo lấy ý kiến góp ý về chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp).

Từ các kết quả minh chứng nêu trên, Thì chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 4:02 điểm

Tiêu chuẩn 8:*Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học. Năm 2017, Trường đã xây dựng và ban hành quy chế đào tạo liên thông theo Quyết định số 112/QĐ-CĐNKTCN ngày 29/9/2017, Quy chế gồm 3 chương, 8 Điều. Trường xây dựng và ban hành chương trình đào tạo đảm bảo có thể liên thông giữa các nghề đào tạo tương ứng với nhau theo quy định tại Thông tư 27/2017/TT - BLĐTBXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng bộ BLĐTBXH quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ trong giáo dục nghề nghiệp, trong đó có quy định về đào tạo liên thông đối với chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính theo Quyết định số 220C/QĐ-CĐNKTCN ngày 7/10/2020 cho nghề KTSC&LR Máy tính. *(2.7.01- Quyết định ban hành kèm Quy chế đào tạo liên thông; 2.7.02 Chương trình đào tạo cao đẳng liên thông nghề KTSC&LR Máy tính)*. Trường xây dựng kế hoạch số 69/KH-CĐNKTCN ngày 25/10/2018 về việc tổ chức đào tạo liên thông, ra thông báo tuyển sinh, Nhưng do điều kiện khách quan nên chưa tuyển sinh và tổ chức được lớp liên thông lên Cao đẳng.

Ngoài ra, Trường chưa triển khai liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân theo Quyết định số 18/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về liên thông giữa trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng với trình độ đại học, cụ thể: Trường chưa có văn bản thỏa thuận/văn bản chấp thuận của cơ sở giáo dục đại học với trường; Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức,

kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học chương trình đào tạo liên thông đã được cơ sở giáo dục đại học ban hành.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 4: 0 điểm

Tiêu chuẩn 9: *Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tại thư viện của nhà Trường: Tất cả các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp đều có đủ giáo trình phục vụ cho hoạt động dạy học, tra cứu tài liệu của thầy và trò. 100% giáo trình được Hội đồng thẩm định giáo trình thông qua, trình Hiệu trưởng ban hành quyết định đưa vào sử dụng.

- Năm 2017, Trường thẩm định và nghiệm thu chương trình, giáo trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp theo phương thức niên chế của Trường CDN Kỹ thuật Công nghệ. Trong đó thẩm định 17 giáo trình và 1 đề cương (cho mô đun thực tập Tốt nghiệp) thuộc 18 mô đun, môn học bắt buộc (trong đó có 6 môn học chung). Nhà trường hiện có đầy đủ giáo trình trình độ trung cấp. Giáo trình các môn học chung của Trường được xây dựng và ban hành thống nhất theo quy định. Riêng đối với môn GDQP và AN nhà trường sử dụng tài liệu giáo trình của đơn vịQP. Đối với các mô-đun thực tập Nhà trường xây dựng đề cương thực tập cho từng mô-đun không xem xét và tính là giáo trình

- Năm 2019, Trường ban hành 06 giáo trình các môn học chung do Trường điều chỉnh chương trình 06 môn học chung đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp.

- Năm 2020, Trường cắt giảm 01 mô đun Hệ điều hành mã nguồn mở và tăng 06 Môn học/ mô đun Cơ sở dữ liệu; Hệ quản trị cơ sở dữ liệu; Hệ điều hành; Thiết kế xây dựng mạng LAN; Sửa chữa, bảo trì hệ thống mạng; Đồ họa ứng dụng, 06 mô đun môn học này được nhà trường triển khai viết giáo trình theo quy định do đó Tổng 22 giáo trình (5 giáo trình ban hành lại: 6 giáo trình ban hành mới 6 giáo trình môn học chung, An toàn lao động và Tổ chức sản xuất) và 1 đề cương tương ứng với 23 mô đun, môn học trong chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp năm 2020.

(1.1.01- Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp; 4.9.01- Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của CTĐT;

4.9.02 - Hồ sơ xây dựng, thẩm định giáo trình; 4.9.03- Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình đào tạo của nghề KTSC&LR Máy tính; 4.9.04- Bản in giáo trình của các mô đun, môn học lần đầu và điều chỉnh)

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 9, tiêu chí 4: 02điểm

Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ theo thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ LĐTB&XH, Trường ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giáo trình với nhiệm vụ thẩm định giáo trình các mô đun, môn học cho nghề KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp. Việc biên soạn và lựa chọn giáo trình, bám sát nội dung của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo được tập thể khoa Công nghệ Thông tin và Ban biên soạn của khoa xem xét, góp ý và đề nghị Hội đồng thẩm định giáo trình xem xét, thẩm định, đề xuất Hiệu trưởng phê duyệt và đưa vào sử dụng. Như phân tích tại tiêu chuẩn 4.9: tất cả các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp đều có đủ giáo trình phục vụ cho hoạt động dạy học. *(1.1.01- Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp; 4.1.04 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình đào tạo trình độ trung cấp; 4.9.01- Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của CTĐT; 4.9.04- Bản in giáo trình của các mô đun, môn học lần đầu và điều chỉnh; 4.9.03- Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình đào tạo của nghề KTSC&LR Máy tính).*

Khi có thay đổi về chương trình đào tạo, Hội đồng khoa và ban biên soạn của khoa Công nghệ Thông tin xem xét, góp ý điều chỉnh, bổ sung giáo trình hoặc biên soạn mới phù hợp với sự thay đổi về chương trình đào tạo và trình độ công nghệ sản xuất của doanh nghiệp. Năm 2019, có 06 giáo trình các môn học chung sau khi Trường điều chỉnh chương trình 06 môn học chung đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp. Năm 2020, Trường ban hành 17 giáo trình các mô đun, môn học: Cơ sở dữ liệu; Hệ quản trị cơ sở dữ liệu; Hệ điều hành; Thiết kế xây dựng mạng LAN; Sửa chữa, bảo trì hệ thống mạng; Đồ họa ứng dụng Bên cạnh đó, khoa Công nghệ Thông tin còn thực hiện đánh giá, cập nhật và điều

chỉnh giáo trình đào tạo qua đóng góp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật của đơn vị sử dụng lao động, người tốt nghiệp. *(4.11.02 - Các bản ý kiến đóng góp về chương trình, giáo trình).*

100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định tại thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH (nội dung này Trường đã mô tả cụ thể tại tiêu chuẩn 4.1). Sau khi nhà trường ban hành CTĐT lần 2 theo Quyết định số 69A/QĐ-CĐNKTCN ngày 10/8/2019 (cho 6 môn học chung), lần 3 theo Quyết định số 321/QĐ-CĐNKTCN ngày 10/12/2019 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ sau khi ban hành CTĐT trình độ trung cấp nghề KTSC&LR Máy tính thì đã ban hành giáo trình tương ứng với mô đun, môn học được cập nhật điều chỉnh.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 10, tiêu chí 4:02 điểm

Tiêu chuẩn 11: *Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các bộ giáo trình của nghề Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính trình độ trung cấp được xây dựng theo mẫu tại phụ lục 05 (giáo trình môn học/mô đun) kèm theo thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH. Trong từng chương/bài đều chỉ rõ mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm mà người học cần đạt được. Trên cơ sở mục tiêu đề ra, nội dung giáo trình ở từng chương, bài trong mô đun, môn học được cụ thể hóa về nội dung kiến thức, kỹ năng và phù hợp với mục tiêu đề ra.

Nội dung kiến thức được trình bày ngắn gọn, dễ hiểu phù hợp với đối tượng đào tạo. Các nội dung liên quan đến trình bày cấu tạo, nguyên lý, thực hiện các công việc thực hành lắp ráp, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống máy tính, phần lớn đều có hình vẽ rõ ràng và chỉ dẫn cụ thể giúp người đọc dễ hình dung. Các nội dung kiến thức lý thuyết của các mô đun chủ yếu chỉ đề cập đến những kiến thức liên quan cần thiết để thực hiện công việc. Các nội dung kỹ năng được trình bày dưới dạng trình tự thực hiện các công việc theo các bước cụ thể. Mỗi bước đều có chỉ dẫn cách thức thực hiện công việc, các yêu cầu cần đạt được, có các hình vẽ minh họa.; Chỉ ra các sai hỏng thường gặp trong quá trình thực hiện công việc, nguyên nhân và cách phòng tránh. Cuối mỗi bài đều có các

bài tập thực hành, bài tập thực hành nâng cao để người học áp dụng. Các bài tập mẫu được trình bày chi tiết để người học dễ vận dụng nội dung lý thuyết vào thực hành. Có các yêu cầu về đánh giá kết quả thực hiện công việc theo bài tập để người học căn cứ vào đó thực hiện.

Với kết cấu nội dung giáo trình như vậy, các giáo trình của nghề Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính đã được xây dựng theo hướng nội dung kiến thức, kỹ năng phù hợp với đối tượng đào tạo; giáo viên khi giảng dạy dễ áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm như phương pháp nêu vấn đề, thảo luận nhóm, người học chủ động trong việc thực hiện các bài tập thực hành theo nội dung trình tự được thể hiện rõ trong các bài của giáo trình.

Các giáo trình giảng dạy đã được Hội đồng thẩm định Nhà trường nhận xét, đánh giá đã cụ thể hoá các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng cần đạt trong từng môn học, mô đun của chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính (*1.1.01- Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp; 4.1.04 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp; 4.9.01- Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của CTĐT; 4.9.02 - Hồ sơ xây dựng, thẩm định giáo trình; 4.9.04- Bản in giáo trình của các mô đun, môn học lần đầu và điều chỉnh; 4.9.03- Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình đào tạo của nghề KTSC&LR*).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 11, tiêu chí 4: 02điểm

Tiêu chuẩn 12: *Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Việc đào tạo gắn với nhu cầu tuyển dụng của Doanh nghiệp luôn được lãnh đạo nhà trường và lãnh đạo khoa Công nghệ thông tin quan tâm. Vì thế, trước khi ban hành Chương trình đào tạo và giáo trình của nghề, Khoa đã sắp xếp tổ chức các buổi hội thảo đóng góp ý kiến về giáo trình đào tạo; đặc biệt chú trọng các ý kiến của các doanh nghiệp và đơn vị sử dụng lao động, bởi đây là những người trực tiếp sử dụng “sản phẩm” đào tạo của Khoa.

Giáo trình được xây dựng dựa trên chương trình đào tạo và sự khảo sát trong thực tế về công nghệ, khoa học và sản xuất kinh doanh dịch vụ. Bộ giáo trình gồm nhiều môn học, mô đun có nội dung chuyên môn được chuyên sâu đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất VD như: Mạng máy tính; Internet;

Một số mô đun trong chương trình đào tạo có nội dung bám sát nhu cầu thị trường nhằm đáp ứng được các loại hình dịch vụ vừa và nhỏ như các mô đun: Thiết kế xây dựng mạng LAN; Sửa chữa, bảo trì hệ thống mạng; Sửa chữa máy tính; Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi...

Nội dung của các môn học/ mô đun trong bộ giáo trình giúp cho học sinh từng bước hoàn thiện từ kiến thức lý thuyết đến kỹ năng thực hành, từ kỹ năng thiết kế, sửa chữa, lắp đặt, bảo dưỡng nhằm đáp ứng được mọi khía cạnh phù hợp với công nghệ sản xuất, kinh doanh dịch vụ mà xã hội đang cần.

Định kỳ hằng năm nhà trường đều có cập nhật, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với thực tiễn cũng như đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động.

Các ý kiến của các doanh nghiệp và đơn vị sử dụng lao động sẽ rất sát với thực tế, đồng thời giúp cho Khoa định hướng đúng về công tác xây dựng giáo trình có nội dung phù hợp với thực tế và công nghệ trong sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

(4.9.01 - Hồ sơ xây dựng, thẩm định giáo trình; 4.9.02 - Các quyết định phê duyệt ban hành kèm theo danh sách giáo trình nghề Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy vi tính).

Định kỳ hàng năm nhà trường đều có cập nhật, điều chỉnh CTĐT, giáo trình cho phù hợp với thực tiễn cũng như đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng lao động. Hàng năm, nhà trường cũng thực hiện thu thập ý kiến đánh giá, góp ý của các đơn vị sử dụng lao động, cựu HSSV đã đi làm về chất lượng đào tạo, trong đó có nội dung đánh giá sự phù hợp của chương trình, giáo trình với thực tế sản xuất. Đa số ý kiến đánh giá nhận xét mức độ phù hợp của các giáo trình nhà trường nói chung và giáo trình nghề Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính nói riêng đáp ứng được yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ở thời điểm hiện nay

(1.1.01- Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp; 4.9.02 - Hồ sơ xây dựng, thẩm định giáo trình; 4.9.03- Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình đào tạo của nghề KTSC&LR; 4.9.01- Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của CTĐT; 4.2.01 – Phiếu khảo sát doanh nghiệp).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích trên trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 12, tiêu chí 4: 02 điểm

2.2.5. TIÊU CHÍ 5: CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO VÀ THƯ VIỆN

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5:

Mở đầu:

** Những điểm mạnh:*

Trường có đủ phòng học chuyên môn theo quy định tại thông tư 15/2020/TT-BLĐTĐBXH, đáp ứng các tiêu chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Đủ chủng loại, số lượng đáp ứng quy định tại thông tư 15/2020/TT-BLĐTĐBXH. Trên 50% số MH/MĐ chuyên môn nghề sử dụng phần mềm mô phỏng, thiết bị ảo.

** Những tồn tại:* Không

** Kế hoạch:* Trong những năm tới, trường cần rà soát đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng sự thay đổi cập nhật của chương trình đào tạo.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	16
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02

Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa Công nghệ thông tin được bố trí học tập tại khu B của trường. Ngoài ra, Trường còn có một số lớp đào tạo tại cơ sở (Trường thuê địa điểm đào tạo) là Trung tâm giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp huyện Hiệp Hòa Bắc Giang (tại thời điểm tự đánh giá có 02 lớp: KTSC&LRMT 14, 15);

Đối với các lớp đào tạo tại Trường:

Các môn học lý thuyết các môn học chung, môn học kỹ thuật cơ sở được học chung tại các phòng học lý thuyết, nhà 4 tầng. Các phòng học lý thuyết có diện tích từ 50 m² đến 100m². Các phòng học được thiết kế 1 hoặc 2 cửa ra vào theo qui chuẩn, bàn ghế giáo viên, bàn ghế học sinh, bục giảng giáo viên được bố trí ngăn nắp, khoa học và đảm bảo khoảng cách qui định, hệ thống thông gió, ánh sáng, phòng cháy chữa cháy của phòng học theo qui chuẩn hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và phù hợp với số lượng học sinh, sinh viên đang đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm. Bên cạnh đó mỗi phòng học đều được trang bị lắp đặt hệ thống máy chiếu đa năng phục vụ công tác giảng dạy.

Năm 2020, căn cứ Thông tư 15/2020/TT- BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội về quy định danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu nghề Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính trình độ trung cấp tại phụ lục 1a, Trường đã tiến hành bổ sung thiết bị, sắp xếp lại các phòng học chuyên môn. Trường tổng hợp các phòng học chuyên môn nghề Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính tại bảng tổng hợp sau:

**BẢNG THỐNG KÊ CÁC PHÒNG CHỨC NĂNG NGHỀ KỸ THUẬT SỬA CHỮA VÀ
LẮP RÁP MÁY TÍNH**

STT	PHÒNG CHỨC NĂNG	SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	MÔN HỌC/ MÔ ĐUN ĐÀO TẠO	GHI CHÚ
1	Phòng kỹ thuật cơ sở	01	51m ²	Các MH/MĐ cơ sở nghề.	
2	Phòng thực hành máy tính	01	51m ²	Tin học cơ sở;	Học chung các nghề
3	Phòng học ngoại ngữ	01	60m ²	Tiếng Anh.	Học chung các nghề
4	Phòng thực hành lắp ráp, cài đặt máy tính	01	51m ²	Kiến trúc MT; Lắp ráp và cài đặt MT;	
5	Phòng thực hành bảo trì, sửa chữa máy tính và thiết bị ngoại vi	01	51m ²	Sửa chữa MT; Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi;	
6	Phòng thực hành thiết kế và lắp đặt hệ thống mạng	01	51m ²	Thiết kế xây dựng mạng LAN; Sửa chữa bảo trì hệ thống mạng	Sử dụng chung phòng với nghề QTM MT.

(5.1.01 - Hồ sơ xây dựng các khối công trình; 5.1.02 - Danh sách các phòng học lý thuyết, phòng học chuyên môn hóa phục vụ đào tạo nghề KTSC&LRMT; 5.1.03 - Quyết định giao tài sản của trường cho đơn vị quản lý, sử dụng)

Đối với các cơ sở đào tạo ngoài trường:

Tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên Huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang, trường sử dụng 01 phòng học lý thuyết để giảng dạy các môn học chung, môn học cơ sở. Phòng có trang bị máy chiếu đa năng, diện tích 48m² đáp ứng yêu cầu đào tạo 35 học sinh/lớp; 01 phòng thực hành diện tích 65m², bao gồm: 25 bộ máy tính; 01 máy in; các thiết bị ngoại vi; thiết bị mạng (các thiết bị do trường chuyển đến) đáp ứng được yêu cầu đào tạo tất

cả các MH/MĐ cơ sở và chuyên môn nghề Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính trình độ trung cấp.

(5.1.04 – Danh mục thiết bị tại các cơ sở đào tạo ngoài trường; 5.1.05- Hợp đồng thuê địa điểm đào tạo; Biên bản bàn giao quản lý tài sản tại các cơ sở).

Đối chiếu với quy định tại Thông tư 38/2018/TT-BLĐTBXH nhận thấy hệ thống phòng học lý thuyết và thực hành tại đơn vị đáp ứng tiêu chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Hệ thống PCCC:

Hệ thống PCCC của tòa nhà 4 tầng tại khu B của Trường được thiết kế, xây dựng đảm bảo yêu cầu về PCCC, hệ thống máy bơm đặt ngay cạnh bể nước trung tâm tầng 1 của nhà trường có thể tích hơn 100m³, hệ thống ống dẫn nước, các họng nước cứu hỏa, các bình chữa cháy được bố trí hợp lý theo đúng thiết kế.

Cơ quan chức năng có thẩm quyền thường xuyên kiểm tra phòng cháy chữa cháy trong trường. Kết quả kiểm tra năm 2019, 2020, 2021 về hệ thống phòng cháy chữa cháy đều đảm bảo an toàn theo đúng quy định. Bên cạnh đó Nhà trường thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng hệ thống trang thiết bị PCCC *(5.1.06 - Các biên bản kiểm tra phòng cháy chữa cháy năm 2019 - 2021).*

Hệ thống điện:

Để phục vụ việc truyền tải và phân phối điện năng phục vụ cho nhu cầu đào tạo, sản xuất, dịch vụ, sinh hoạt từ lưới điện quốc gia, nhà trường đã xây dựng và lắp đặt 2 trạm biến áp riêng (một trạm cho tại khu B, một trạm tại khu A), các trạm được thiết kế, xây dựng đảm bảo công suất (trạm biến áp khu B có công suất 800KVA), hệ thống an toàn, theo tiêu chuẩn qui định và được các cơ quan chức năng phê duyệt, thẩm định, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Hệ thống truyền tải, cung cấp điện từ trạm biến áp đến các khu vực phục vụ trong khoa được thiết kế, xây dựng bằng hệ thống dây cáp điện đi chìm đảm bảo an toàn. Hệ thống điện trong các xưởng thực hành nghề Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính gồm hệ thống điện chiếu sáng sử dụng các đèn Huỳnh quang; hệ thống điện động lực cấp ra các ổ cắm 1 pha, 3 pha sử dụng cho các máy tính. Hệ thống điện được thiết kế lắp đặt an toàn, đảm bảo đủ ánh sáng và thuận tiện trong quá trình sử dụng, mỗi phòng được lắp đặt 01 ổ áp Lioa công suất 15KVA đáp ứng yêu cầu sử dụng cho phòng thực hành chuyên môn.

(5.1.07 – Các hợp đồng cung cấp điện).

Hệ thống cấp nước:

Hệ thống cấp nước cho học tập, thực hành và sinh hoạt tại các xưởng thực hành của nghề nghề Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính được thiết kế đảm bảo theo các quy định trong TCVN 4513 (*Lưu lượng cho nhu cầu học tập và thực hành; lưu lượng cho nhu cầu sinh hoạt ở các nhà học, xưởng thực hành và khu nội trú được đảm bảo theo qui định thiết kế*). Hệ thống cấp nước sạch của thành phố Hà Nội được đấu nối trực tiếp với bể chứa trung tâm có thể tích hơn 100m³ và trạm bơm để bơm nước sinh hoạt lên các bể chứa trên tòa nhà 4 tầng cho các phòng học của 2 khoa Công nghệ thông tin và May thời trang. Đồng thời cấp nước cho hệ thống phòng cháy chữa cháy của Nhà trường. Nước dùng chung cho sinh hoạt, học tập, thí nghiệm và thực hành được thiết kế lắp đặt với đường ống nước sạch của nhà trường, đảm bảo an toàn. Hệ thống nước thải của nhà trường được thiết kế và xây dựng đúng theo các tiêu chuẩn của nhà nước, nhà trường không có nước thải độc hại xả ra môi trường. *(5.1.08 - Các hợp đồng cung cấp nước).*

Trường thực hiện khảo sát đội ngũ nhà giáo, học sinh về nội dung: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo. Kết quả cho thấy: có trên 92% ý kiến của HSSV, nhà giáo cán bộ quản lý cho rằng: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo *(5.1.09- Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2020, 2021, gồm: Kế hoạch khảo sát, Bộ phiếu khảo sát; Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia khảo sát; Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát; 5.1.10 - Hồ sơ khảo sát HSSV năm 2020, 2021, gồm: Kế hoạch khảo sát, Bộ phiếu khảo sát; Danh sách HSSV tham gia khảo sát; Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nghề Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính của Nhà trường là nghề trọng điểm Quốc gia, trường được lựa chọn ngành nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 định hướng đến năm

2025. Các thiết bị, dụng cụ, vật tư được đầu tư giao cho khoa Công nghệ Thông tin khai thác và sử dụng làm sao cho hiệu quả nhất, do đó đa phần các thiết bị được sử dụng cho nghề KTSC&LR máy tính. *(5.1.03 - Quyết định giao tài sản của trường cho đơn vị quản lý, sử dụng).*

Khoa Công nghệ Thông tin thực hiện giảng dạy nghề KTSC&LR Máy tính, hiện nay khoa có 3 phòng thực hành chuyên môn được bố trí theo đúng quy định tại phụ lục 1a Thông tư 15/2020/TT-BLĐTBXH:

Bảng đối chiếu chủng loại thiết bị dạy nghề hiện có của nghề KTSC&LR Máy tính với danh mục thiết bị tối thiểu theo thông tư 15/2020/TT-BLĐTBXH.

STT	TÊN CÁC PHÒNG THEO THÔNG TƯ 15/2020/TT-BLĐTBXH	CHUNG LOẠI THIẾT BỊ THEO THÔNG TƯ 15/2020/TT-BLĐTBXH	TÊN CÁC PHÒNG, TRƯỜNG HIỆN CÓ	CHUNG LOẠI THIẾT BỊ TRƯỜNG HIỆN CÓ	GHI CHÚ
1	Phòng kỹ thuật cơ sở	26	Phòng kỹ thuật cơ sở	28	
2	Phòng thực hành máy tính	21	Phòng thực hành máy tính	23	
3	Phòng thực hành lắp ráp, cài đặt máy tính	27	Phòng thực hành lắp ráp, cài đặt máy tính	30	
4	Phòng thực hành bảo trì, sửa chữa máy tính và thiết bị ngoại vi	31	Phòng thực hành bảo trì, sửa chữa máy tính và thiết bị ngoại vi	35	
5	Phòng thực hành thiết kế và lắp đặt hệ	40	Phòng thực hành thiết kế và lắp đặt hệ thống mạng	45	

	thống mạng			
TỔNG		150		161

Đối chiếu hai số liệu thiết bị hiện có của trường và thiết bị nghề tối thiểu theo thông tư 15/2020/TT-BLĐTBXH, nghề Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đáp ứng yêu cầu đào tạo.

(5.2.01 - Danh mục thiết bị nghề KTSC&LR Máy tính theo từng xưởng; 5.2.02 - Thẻ tài sản tại các xưởng thực hành năm 2020, 2021; 5.2.03 - Bảng đối chiếu danh mục thiết bị dạy nghề hiện có của nghề KTSC&LR Máy tính với danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu tại Phụ lục 1a, Thông tư 15/2020/TT-BLĐTBXH, ngày 28/12/2020 của nghề KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp). Hằng năm, Nhà trường thực hiện kiểm kê, kết quả kiểm kê khoa Công nghệ Thông tin đảm bảo có đủ danh mục thiết bị theo thẻ tài sản đã được Nhà trường giao quản lý (5.2.04 - Biên bản kiểm kê tài sản khoa Công nghệ Thông tin năm 2020, 2021; 5.2.05 - Báo cáo theo dõi tài sản cố định của phòng Thực tập sản xuất và dịch vụ năm 2020, 2021).

Mỗi năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất của trường. Kết quả cho thấy: có trên 92% ý kiến của HSSV, nhà giáo cán bộ quản lý cho rằng: Nhà trường có đủ số lượng, chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính *(5.1.06 - Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2020, 2021, gồm: Kế hoạch khảo sát, Bộ phiếu khảo sát; Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia khảo sát; Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát; 5.1.07 - Hồ sơ khảo sát HSSV năm 2020, 2021, gồm: Kế hoạch khảo sát, Bộ phiếu khảo sát; Danh sách HSSV tham gia khảo sát; Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát).*

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 5:02 điểm

Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Như đã mô tả tại tiêu chuẩn 5.2, nghề Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính của trường đáp ứng chủng loại thiết bị đào tạo có trong Chương trình đào tạo các môn học cơ sở, mô đun

chuyên môn nghề. Căn cứ vào chủng loại và số lượng thiết bị, Khoa Công nghệ thông tin bố trí trang thiết bị phục vụ đào tạo, đặc biệt các thiết bị đào tạo chính phục vụ học sinh rèn luyện kỹ năng nghề theo các phòng học chức năng phù hợp với nội dung chuyên môn của các MH/MĐ. Trường thống kê số lượng thiết bị theo các phòng chức năng như sau: (số liệu thống kê tất cả số lượng thiết bị đang sử dụng tại trường và 01 địa điểm đào tạo ngoài trường).

Bảng đối chiếu số lượng, chủng loại thiết bị dạy nghề hiện có của nghề KTSC&LR Máy tính với danh mục thiết bị tối thiểu theo thông tư 15/2020/TT-BLĐTBXH.

TT	Tên các phòng theo Thông tư 15/2020/TT- BLĐTBXH	Số lượng thiết bị theo Thông tư 15/2020/TT- BLĐTBXH		Tên các phòng, Trường hiện có	Chủng loại thiết bị Trường hiện có	
		Chủng loại	Số lượng		Chủng loại	Số lượng
1	Phòng kỹ thuật cơ sở	26	147	Phòng kỹ thuật cơ sở	28	175
2	Phòng thực hành máy tính	21	259	Phòng thực hành máy vi tính	23	286
3	Phòng thực hành lắp ráp, cài đặt máy tính	27	314	Phòng thực hành lắp ráp, cài đặt máy tính	30	349
4	Phòng thực hành bảo trì, sửa chữa máy tính và thiết bị ngoại vi	31	454	Phòng thực hành bảo trì, sửa chữa máy tính và thiết bị ngoại vi	35	486
5	Phòng thực hành thiết kế và lắp đặt hệ thống mạng	45	472	Phòng thực hành thiết kế và lắp đặt hệ thống mạng	45	533
TỔNG		150	1646		161	1829

Tính đến tháng 6 năm 2022, số lượng các thiết bị nghề Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính thuộc 150 chủng loại hiện có thực tế Trường đang quản lý sử dụng là 1694 thiết bị.

Đối chiếu với danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu thông tư 15/2020/TT-BLĐTBXH Khoa Công nghệ thông tin đủ về số lượng thiết bị theo quy mô, yêu cầu đào tạo.

(5.2.01 - Danh mục thiết bị nghề KTSC&LR Máy tính theo từng xưởng; 5.2.02 - Thẻ tài sản tại các xưởng thực hành năm 2020, 2021; 5.2.03 - Bảng đối chiếu danh mục thiết bị dạy nghề hiện có của nghề KTSC&LR Máy tính với danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu tại Phụ lục 1a, Thông tư 15/2020/TT-BLĐTBXH, ngày 28/12/2020 của nghề KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp; 5.2.04 - Biên bản kiểm kê tài sản khoa Công nghệ Thông tin năm 2020, 2021; 5.2.05 - Báo cáo theo dõi tài sản cố định của phòng Thực tập sản xuất và dịch vụ năm 2020, 2021).

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 5:02 điểm

Tiêu chuẩn 4: *Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường

Tại các xưởng có trang thiết bị đào tạo hiện đại, tất cả thiết bị đào tạo được phân theo các phòng học chuyên môn của nghề, các thiết bị tại các phòng học được bố trí theo sơ đồ đảm bảo hợp lý, an toàn, gọn gàng, thuận tiện, lắp đặt chắc chắn, có lối đi đủ rộng thuận tiện cho việc đi lại, thao tác, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành cho cả lớp, nhóm và cá nhân HSSV đáp ứng các tiêu chuẩn quy định về mỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ nghề nghiệp và sư phạm; an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Các thiết bị đào tạo của nghề KTSC&LR Máy tính của trường không có thiết bị đào tạo nào có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động *(5.4.01- Sơ đồ xưởng thực hành; 5.4.02- Bộ ảnh chụp các phòng thực hành; 5.4.03 - Sổ giao nhận vật tư, trang thiết bị)*. Phòng thực hành đều có nội quy, có quy trình và tổ chức hướng dẫn học sinh theo từng bài thực hành, từng môđun theo đúng quy định *(5.4.04 - Bảng nội quy phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa)*.

Thực tế bố trí thiết bị tại các phòng thực hành như sau:

Phòng thực hành lắp ráp, cài đặt máy tính: được bố trí 2 dãy bàn dọc theo phòng, có lối đi ở giữa, 2 bên dãy bàn bố trí lắp đặt 25 bộ máy tính, thuận tiện cho HSSV có thể thực hành các MH/MĐ chuyên môn nghề, có lắp đặt hệ thống mạng LAN và kết nối Internet cho các em HSSV dễ dàng truy cập mạng tra cứu thông tin học tập, hệ thống điện an toàn, có lắp đặt thêm bộ ổn áp Lioa công suất 15KVA, ngoài ra còn có các tủ đựng đồ và giá để các dụng cụ, vật tư thực hành lắp ráp, cài đặt máy tính.

Phòng thực hành bảo trì, sửa chữa máy tính và thiết bị ngoại vi: được lắp đặt 25 bộ máy tính, 2 dãy bàn có lối đi ở giữa, hệ thống mạng LAN và Internet, có bố trí thêm 2 bàn thực hành, bảo trì sửa chữa máy tính và thiết bị ngoại vi, tủ đựng đồ và giá để dụng cụ, vật tư thực hành bảo trì, sửa chữa máy tính, các thiết bị ngoại vi để trong tủ sắt khi nào thực hành có thể lấy ra thuận tiện.

Phòng thực hành thiết kế và lắp đặt hệ thống mạng: được lắp đặt 25 bộ máy tính cùng với hệ thống mạng LAN có kết nối Internet, trong phòng có bố trí các tủ mạng và thiết bị mạng để cho các em HSSV có thể thực hành thiết kế, lắp đặt các mô hình mạng, ngoài ra phòng còn bố trí các tủ sắt đựng các thiết bị, vật tư mạng giúp các em HSSV thuận tiện trong thực hành các MH/MĐ chuyên môn nghề.

Hệ thống PCCC của các tòa nhà trong Nhà trường được thiết kế, xây dựng đảm bảo yêu cầu về PCCC, hệ thống máy bơm đặt ngay cạnh bể nước trung tâm của Nhà trường có thể tích hơn 100m³, hệ thống ống dẫn nước, các họng nước cứu hỏa, các bình chữa cháy được bố trí hợp lý và khoa học. Hàng năm, công an huyện Đông Anh có kiểm tra công tác phòng chống cháy nổ của Nhà trường, đều kết luận việc thực hiện phòng chống cháy nổ của trường thực hiện tốt (*5.1.06 - Các biên bản kiểm tra phòng cháy chữa cháy năm 2020, 2021*). Cùng với hệ thống phòng cháy chữa cháy theo thiết kế, Nhà trường đã trang bị các bình chữa cháy và gắn các tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy tại từng khu vực chức năng trong Nhà trường. Nhà trường đã phối hợp với công an huyện huyện Đông Anh thực hiện diễn tập phương án chữa cháy cơ sở.

Để đảm bảo công tác vệ sinh trong toàn Trường, tại các công trình và khuôn viên của Trường đều được bố trí các thùng đựng rác. Hàng ngày, 4 nhân viên vệ sinh thu gom phân loại và vận chuyển rác thải đến bãi tập kết (*5.4.05 - Hình ảnh khuôn viên nhà trường; 5.4.06 - Biên bản kiểm tra vệ sinh môi trường; 5.4.07 - Phân công nhiệm vụ vệ sinh môi trường*). Nhà trường

hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường đô thị Đông Anh để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn 2 tuần 1 lần (5.4.08 - Hợp đồng dịch vụ vệ sinh môi trường). Nhà trường thường xuyên thực hiện kiểm tra phòng học chuyên môn, kiểm tra vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ để phát hiện và yêu cầu các bộ phận xử lý kịp thời những tồn tại nhằm đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường (5.4.09 - Các biên bản kiểm tra phòng học, xưởng thực hành năm 2020, 2021).

Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Hồ sơ quản lý thiết bị của khoa gồm: (các loại sổ theo quy định, nội dung ghi chép)

Trang thiết bị tại các phòng học chuyên môn được giao cho giáo viên phụ trách phòng học chuyên môn quản lý. Căn cứ theo kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo, Khoa Công nghệ Thông tin có xây dựng kế hoạch và thực hiện sử dụng phòng học chuyên môn theo đúng kế hoạch, tiến độ đào tạo để đánh giá về công năng, tần suất sử dụng trang thiết bị của phòng (2.2.01 - Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo các năm 2020, 2021, 2022; 5.4.10 - Sổ giao ca tại các xưởng thực hành).

Nhà trường đã ban hành Quyết định số 307/QĐ-CĐNKTCN ngày 13/12/2018 về việc ban hành Quy định về quản lý thiết bị thực hành, trong đó quy định về quản lý, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo (5.4.11 - Quyết định số 307/QĐ-CĐNKTCN ngày 13/12/2018 về việc ban hành Quy định về quản lý thiết bị thực hành). Định kỳ hằng năm, trang thiết bị nghề KTSC&LR Máy tính được bảo trì, bảo dưỡng theo quy trình và có báo cáo công tác bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị đào tạo của nghề. Giáo viên và học sinh của khoa tự bảo dưỡng, sửa chữa máy tính. (5.4.12 - Đề xuất bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đào tạo nghề của khoa Công nghệ Thông tin năm 2020, 2021; 5.4.13 - Biên bản kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị; 5.4.14 - Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đào tạo năm 2020, 2021; 5.4.15 - Báo cáo công tác quản lý bảo dưỡng thiết bị 2020, 2021; 5.4.16 - Hồ sơ quản lý, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo; 5.4.17 - Các biên bản kiểm tra phòng học, xưởng thực hành năm 2020, 2021).

Hằng năm, Nhà trường thực hiện kiểm kê, đánh giá về các thiết bị hiện có tại khoa. Kết quả hoạt động công tác kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đào tạo hàng năm được tổng kết trong Báo cáo tổng kết của đơn vị Phòng Thực tập - Sản xuất và Dịch vụ và báo cáo Tổng kết năm học của khoa Công nghệ Thông tin (5.4.18 - Các Quyết định thành lập Hội đồng kiểm kê

tài sản; 1.2.03 - Báo cáo tổng kết công tác các năm 2020, 2021 của khoa; 5.4.19 Báo cáo tổng kết công tác năm của Phòng Thực tập - Sản xuất và Dịch vụ năm 2020, 2021).

Hằng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của HSSV, nhà giáo, cán bộ quản lý về cơ sở vật chất của trường. Kết quả có trên 92% ý kiến của HSSV, nhà giáo cán bộ quản lý cho rằng: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định (5.4.20 - Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2020, 2021, gồm: Kế hoạch khảo sát, Bộ phiếu khảo sát; Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia khảo sát; Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát; 5.4.21 - Hồ sơ khảo sát HSSV năm 2020, 2021, gồm: Kế hoạch khảo sát, Bộ phiếu khảo sát; Danh sách HSSV tham gia khảo sát; Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát).

Như vậy thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện

Khoa Công nghệ Thông tin có 01 phòng kho được bố trí trong khu nhà thực hành 04 tầng của Khoa, tổng diện tích 52 m², đầy đủ tiêu chuẩn về thông gió, chống ẩm mốc, trang bị kệ, tủ để vật tư gọn gàng, ngăn nắp (5.5.01 - Sơ đồ mặt bằng phòng học khu thực hành 04 tầng (khu B); 5.1.01 - Hồ sơ xây dựng các khối công trình). Vật tư phiêu liệu được sắp xếp gọn gàng, phân theo từng loại trên các kệ, tủ, rất thuận tiện cho việc cấp phát (5.5.02 - Hình ảnh kho).

Quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo

Nhà trường có Quy định cung ứng, quản lý, sử dụng vật tư, dụng cụ và tiêu thụ sản phẩm và Quy trình quản lý, sử dụng vật tư thực hành nguyên nhiên vật liệu, tổ chức thực hiện

cấp phát, hiệu quả, tiết kiệm tránh thất thoát, lãng phí và đảm bảo tính kịp thời trong việc đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo *(5.5.03- Quy định về việc cung ứng, sử dụng, quản lý vật tư, dụng cụ và thu hồi sản phẩm)*.

Năm 2020, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư số 16/2020/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho các nghề trong đó có nghề KTSC&LR Máy tính tại phụ lục 8a. Nhà trường đã ban hành định mức tiêu hao vật tư thực hành của nghề KTSC&LR Máy tính để làm căn cứ cấp phát vật tư và xác định chi phí cho người học.*(5.5.04 - Quyết định số .../QĐ-CĐNKTCN, ngày //2020 về việc Ban hành định mức tiêu hao vật tư thực hành nghề KTSC&LR Máy tính)*.

Căn cứ kế hoạch đào tạo năm học hằng năm, giáo viên khoa Công nghệ Thông tin thực hiện dự trù vật tư cho các môn học/ mô đun, dự trù vật tư trong đó đề xuất rõ số lượng, chủng loại vật tư, Trưởng khoa tổng hợp gửi về phòng Thực tập sản xuất - Dịch vụ, phòng tổng hợp trình lãnh đạo trường Duyệt. Sau đó phòng Thực tập sản xuất - Dịch vụ thực hiện mua, lưu kho và cấp phát theo nhu cầu của khoa theo từng MH/MĐ hoặc theo học kỳ *(2.2.01 - Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo các năm 2020, 2021, 2022; 2.2.02 - Kế hoạch giáo viên, thời khóa biểu, lịch giảng dạy các năm 2020, 2021, 2022; 5.5.05 - Các đề xuất, dự trù vật tư đào tạo các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 5.5.06 - Quy trình quản lý, sử dụng vật tư thực hành; 5.5.07 - Hợp đồng + Biên bản thanh lý hợp đồng mua bán vật tư theo học kỳ, năm học 2019-2020, 2020-2021; 2021-2022)*.

Sau khi vật tư được mua về thủ kho của Nhà trường thực hiện bàn giao cho khoa căn cứ định mức vật tư đã xây dựng, giáo viên được phân công quản lý thiết bị, vật tư của khoa cấp vật tư, thiết bị cho giáo viên giảng dạy theo từng MH/MĐ từ kho của khoa. Sau đó khi kết thúc giảng dạy, thủ kho của Nhà trường thực hiện thu hồi vật tư theo từng MH/MĐ *(5.5.08 - Quyết định phân công thủ kho; 5.5.09 - Quyết định phân công giáo viên quản lý thiết bị, vật tư; 5.5.10 - Phiếu giao nhận vật tư của phòng Thực tập sản xuất - Dịch vụ cho khoa; 5.5.11 - Sổ giao thiết bị vật tư cho giáo viên; 5.5.12 - Biên bản thu hồi vật tư tiêu hao theo từng MH/MĐ)*.

Vật tư được lưu giữ, bảo quản tại kho chung của trường và các kho nhỏ lẻ được quản lý trực tiếp tại các đơn vị phòng, khoa. Vật tư được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện cho việc bảo quản và sử dụng *(5.5.13 - Hình ảnh kho chung của trường, kho của các đơn vị)*.

Báo cáo của phòng Thực tập sản xuất - Dịch vụ và khoa Công nghệ Thông tin hằng năm, cho thấy: vật tư nghề KTSC&LR Máy tính được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện tại kho; vật tư được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo. Vật tư được nhập về kho của khoa vào thời điểm đầu kỳ của mỗi năm học, được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện tại kho, trước mỗi môn học cấp cho giáo viên giảng dạy nên không có hiện tượng chậm trễ trong việc cấp vật tư cho HSSV học thực hành.

Căn cứ nội dung mô tả, phân tích, Trường tự đánh giá tiêu chuẩn đạt.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 5:02 điểm

Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và HSSV. Cụ thể: tại thư viện có 02 bộ chương trình đào tạo cao đẳng, 02 bộ chương trình đào tạo trung cấp. Tổng số đầu giáo trình có ở thư viện là 21 trên tổng số 21 đầu giáo trình được phê duyệt ban hành, trong đó có 105 cuốn (mỗi loại có 5 bản in) của nghề KTSC&LR Máy tính (5.6.01 - Bảng kê danh mục chương trình, giáo trình do nhà trường biên soạn hiện có tại thư viện; 5.6.02 - Các quyết định ban hành giáo trình tự biên soạn của trường).

Ngoài giáo trình Trường biên soạn (giáo trình nội bộ), thư viện trường còn có 580 bản in giáo trình tham khảo và 1800 giáo trình, sách, tài liệu tham khảo được số hóa tích hợp trên thư viện điện tử địa chỉ <http://210.245.74.86:1211>, phục vụ cho nghề KTSC&LR Máy tính. So với quy mô đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính lớn nhất trong 02 năm qua là 49 HSSV (năm học 2019 - 2020), thì tỷ lệ đầu sách tham khảo/ người học là (105+1800)/49 tương đương 38,8 đầu sách/người học (5.6.03 - Danh mục đầu sách giáo trình môn học, mô đun và tài liệu tham khảo; 5.6.04- Bảng thống kê số lớp, số HSSV năm học 2019 - 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 5.6.05 - Biên bản kiểm kê thư viện năm 2020, 2021).

Nhà trường hợp đồng với Công ty cổ phần xây dựng và công nghệ Bình Định xây dựng phần mềm thư viện số có cơ sở dữ liệu điện tử, tra cứu tài liệu, quản lý mượn trả, thống kê số lượng sách, đặt mượn sách, thông báo tài liệu mới, tài liệu điện tử ... (5.6.06 - *Hợp đồng xây dựng phần mềm thư viện số, số 20HĐ/CĐNKTCN-BÌNH ĐỊNH; 5.6.07 - Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Trường CĐN Kỹ thuật Công nghệ với Công ty cổ phần xây dựng và công nghệ Bình Định; 5.6.08 - Biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành xây dựng thư viện số*). Trên thư viện điện tử tại địa chỉ <http://210.245.74.86:1211> có 100% chương trình đào tạo và giáo trình được số hóa phục vụ tốt cho nhà giáo và HSSV nghề KTSC&LR Máy tính học tập và nghiên cứu (5.6.09 - *Danh mục giáo trình, sách, tạp chí, tài liệu tham khảo của Nhà trường được số hóa*).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, HSSV viên về thư viện. Kết quả: có trên 91% ý kiến cho rằng Nhà trường có đủ giáo trình, sách, tạp chí, tài liệu tham khảo phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo; có trên 92% ý kiến cho rằng các giáo trình, tài liệu tham khảo của trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ cho công tác đào tạo (5.6.10 - *Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2020, 2021, gồm: Kế hoạch khảo sát, Bộ phiếu khảo sát; Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia khảo sát; Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát; 5.6.11 - Hồ sơ khảo sát HSSV năm 2020, 2021, gồm: Kế hoạch khảo sát, Bộ phiếu khảo sát; Danh sách HSSV tham gia khảo sát; Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát*).

Nhà trường có thư viện điện tử, có phòng máy tính đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và HSSV; các giáo trình, tài liệu tham khảo của Trường được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 5: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7: *Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu, Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có 2 loại thư viện là thông thường và thư viện điện tử có lưu trữ các chương trình đào tạo cho các khóa, giáo trình do nhà trường ban hành, sách, giáo trình và các tài liệu tham khảo. Thư viện có 01 máy photocopy, 01 máy in, 29 bộ máy tính để bàn phục vụ công tác đọc và tra cứu tài liệu điện tử, có mạng Internet và wifi để phục vụ cho giáo viên và HSSV có nhu cầu tra cứu, khai thác thông tin; có khu lưu trữ tài liệu đáp ứng tiêu chuẩn. Hệ thống mạng nội

bộ LAN, cổng Internet kết nối với thư viện điện tử của Trường hoạt động tốt và hiệu quả đáp ứng được nhu cầu cập nhật thông tin, tìm kiếm, sưu tầm tài liệu của cán bộ, giáo viên và HSSV (5.7.01 - *Hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet; 5.6.05 - Biên bản kiểm kê thư viện năm 2020, 2021; 5.7.02 - Thẻ tài sản Thư viện điện tử; 5.7.03 - Ảnh chụp thư viện; 5.7.04 - Sơ đồ mặt bằng thư viện của Trường*).

Nhân viên thư viện của Nhà trường có trình độ chuyên môn đúng chuyên ngành Thông tin thư viện (5.7.05 - *Hồ sơ nhân viên thư viện; 5.7.06 - Quyết định giao nhiệm vụ quản lý thư viện*). Khi có sách mới Thư viện có thông báo giới thiệu sách tới CBGV, HSSV (5.7.07 - *Kế hoạch hoạt động thư viện các năm học 2019-2020, 2020-2021; 5.7.08 - Thông báo giới thiệu sách mới năm học 2019-2020, 2020-2021*). Khi bạn đọc gửi phiếu mượn tài liệu thì nhân viên thư viện tìm và vào sổ theo dõi đọc, mượn tài liệu (5.7.09 - *Sổ theo dõi đọc và mượn tài liệu*). Bên cạnh đó, tài liệu, giáo trình được số hóa tích hợp trên thư viện điện tử của Trường, người đọc có thể tra cứu trên website của Trường theo địa chỉ: <http://210.245.74.86:1211> . Nhân viên thư viện thường trực để tiếp nhận những thông tin yêu cầu của bạn đọc và hướng dẫn sử dụng thư viện số của trường (5.7.10 - *Hướng dẫn tra cứu danh mục sách và hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử; 5.7.11 - Hình ảnh cơ sở dữ liệu điện tử - Lưu trên thư viện*)

Công tác báo cáo, đánh giá hoạt động của thư viện được thực hiện định kỳ hàng năm do bộ phận quản lý thư viện và Phòng Tổ chức - Hành chính (đơn vị có chức năng quản lý công tác thư viện) thực hiện, thể hiện rõ mạng LAN và mạng Internet tại thư viện hoạt động bình thường theo chức năng và các quy định tổ chức, hoạt động của thư viện, thư viện nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu của nhà giáo và người học, phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo của Trường (5.7.12 - *Báo cáo tổng kết hoạt động của thư viện các năm học 2019-2020, 2020-2021*).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, HSSV viên về hoạt động của thư viện. Kết quả cho thấy: có trên 91% ý kiến cho rằng Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu (5.7.13 - *Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2020, 2021, gồm: Kế hoạch khảo sát, Bộ phiếu khảo sát; Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia khảo sát; Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát; 5.7.14 - Hồ sơ khảo sát HSSV năm 2020, 2021, gồm: Kế hoạch khảo sát, Bộ phiếu khảo sát; Danh sách HSSV tham gia khảo sát; Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát*).

Như vậy nhà trường có thư viện điện tử, được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu, phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 5:02 điểm

Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy..

Mô tả, phân tích, nhận định:

Các phòng học chuyên môn của Khoa Công nghệ Thông tin đều được trang bị máy chiếu, màn chiếu, máy tính phục vụ giảng dạy. Các nhà giáo giảng dạy các môn chuyên môn ngành KTSC&LR Máy tính có sử dụng các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy, như:

Danh sách các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy:
(Nghề Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính)

STT	TÊN PHẦN MỀM	MÔN HỌC/ MÔ ĐUN ÁP DỤNG	GHI CHÚ
1	Phần mềm văn phòng (Microsoft Office)	+ Tin học + Tin học văn phòng	Dùng để tạo báo cáo, kế hoạch, trình chiếu, soạn thảo
2	Emu8086	Kiến trúc máy tính	Mô phỏng lập trình phần cứng máy tính
3	Turbo C ++		
4	IT Essentials Virtual Desktop PC	Lắp ráp và cài đặt máy tính	Mô phỏng lắp ráp bộ case máy tính
5	Phần mềm mô phỏng hệ thống mạng máy vi tính (Virtual Internet Routing Lab Personal Edition)	+ Mạng máy tính + Sửa chữa, bảo trì hệ thống mạng	Mô phỏng các mô hình mạng
6	Visio	+ Thiết kế xây dựng mạng LAN	Thiết kế các mô hình mạng
7	SQL Server	+ Cơ sở dữ liệu	Mô phỏng quản

8	MS Access	+ Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	trị Cơ sở dữ liệu
9	Photoshop	Đồ họa ứng dụng	Thiết kế, chỉnh sửa ảnh, vẽ logo, quảng cáo
10	CorelDraw		
11	Phần mềm quản lý lớp học (Netop school)	Tất cả các MH/MĐ	Dùng để hỗ trợ giảng dạy, quản lý phòng máy, tương tác với người học khi thực hành
12	Hệ điều hành máy vi tính (Microsoft Windows)	+ Hệ điều hành + Lắp ráp và cài đặt máy tính	Dùng để làm môi trường cài đặt các phần mềm ứng dụng hỗ trợ môn học cài đặt trên máy tính trạm
13	Phần mềm sao lưu và phục hồi dữ liệu (Backup và Restore)	+ Lắp ráp và cài đặt máy tính + Sửa chữa máy tính + Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi	
14	Phần mềm quản lý phân chia ổ đĩa cứng		Dùng để giảng dạy và thực hành, công cụ hỗ trợ cài đặt máy tính
15	Phần mềm tiện ích khởi động máy tính (Boot)		Dùng để giảng dạy và thực hành, công cụ hỗ trợ cài đặt máy tính
16	Mô hình dàn trải máy tính		Dùng để giới thiệu các thành phần bên trong máy vi tính, trực quan trong quá trình giảng dạy

17	Phần mềm điều khiển (trợ giúp từ xa - Ultraview)	Tất cả các MH/MĐ	Dùng để dạy thực hành, hướng dẫn trợ giúp từ xa cho khác hàng
18	Phần mềm hỗ trợ kiểm tra máy vi tính (CPU-Z)	+ Lắp ráp và cài đặt máy tính + Kiến trúc máy tính	Dùng để hỗ trợ kiểm tra các lỗi phần mềm
19	Phần mềm diệt Virus	+ Xử lý sự cố phần mềm	Dùng để bảo vệ virus cho máy vi tính
20	Phần mềm khôi phục và chuẩn đoán lỗi	+ Sửa chữa, bảo trì hệ thống mạng	Dùng để giảng dạy và thực hành phương pháp khôi phục dữ liệu

Hồ sơ giảng dạy của các giáo viên Khoa Công nghệ Thông tin tham gia đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp có sử dụng powerpoint để giảng dạy, có sử dụng các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị để giảng dạy các mô đun chuyên môn

(2.3.04 - Danh sách tổng hợp danh mục các thiết bị và phần mềm mô phỏng phục giảng dạy; 5.8.01 - Giáo án của các giáo viên các năm học 2020-2021, 2021 - 2022; 5.8.02 - Bài giảng điện tử của giáo viên năm học 2020 – 2021, 2021-2022; 5.8.03 - Hình ảnh các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 5: 02 điểm

2.2.6. TIÊU CHÍ 6: DỊCH VỤ CHO NGƯỜI HỌC

Đánh giá tổng quát tiêu chí 6:

Mở đầu:

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác học sinh sinh viên của trường, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi nhất để HSSV nhà trường học tập và rèn luyện trong quá trình học tập tại trường. Trường có ký túc xá hiện đại khép kín đủ chỗ cho hơn 1000 học sinh – sinh viên, với công trình khép kín các phòng có hệ thống điện nước thuận tiện, nhà trường miễn tiền ở ký túc cho toàn bộ học sinh sinh viên, HSSV chỉ trả tiền điện, tiền nước theo giá nhà nước quy định.

Nhà trường có căng tin và các hệ thống cửa hàng đáp ứng nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của sinh viên, có hệ thống thi đấu thể thao đáp ứng nhu cầu tập thể dục của HSSV ở nội trú.

+ *Những điểm mạnh:*

Trường có Phòng Công tác HSSV tham mưu giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, giáo dục HSSV. Hệ thống các văn bản đầy đủ, tạo cơ sở thuận lợi cho việc thực hiện các nội dung công tác HSSV theo quy chế.

HSSV là đối tượng trung tâm trong Nhà trường. Trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để HSSV học tập, rèn luyện, tham gia các hoạt động phong trào.

Nhà trường luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, đảm bảo quyền lợi cho người học theo quy định. Các giấy tờ xác nhận để được vay vốn, tạm hoãn nghĩa vụ quân sự, mua vé xe bus ưu tiên, hưởng chế độ ưu đãi tại địa phương... được Phòng CTHSSV giải quyết nhanh chóng, tạo điều kiện tốt nhất cho HSSV.

HSSV được cung cấp đầy đủ các dịch vụ hỗ trợ trong quá trình học tập, sinh hoạt tại Trường. Nhà trường có căng tin rộng rãi, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ. KTX được thiết kế hiện đại, có khu vui chơi thể thao và phòng sinh hoạt văn hóa, HSSV được miễn tiền ở và chỉ phải trả tiền điện nước theo thực tế sử dụng. Ngoài ra, Nhà trường luôn quan tâm đến thư viện để đáp ứng nhu cầu cung cấp tài liệu cho người học. Các hoạt động tư vấn, định hướng nghề nghiệp luôn được coi trọng nhằm giúp các em xác định động cơ học tập đúng đắn để phấn đấu.

Trường luôn chú trọng đến các hoạt động liên kết đào tạo giữa Nhà trường- Doanh nghiệp, gắn công tác đào tạo của Trường với nhu cầu thực tiễn của xã hội. Trường thường xuyên hợp tác với các doanh nghiệp trên địa bàn để liên hệ thực tập, tổ chức “Hội nghị hướng nghiệp- việc làm”.... cho HSSV

Hiệu quả của hoạt động cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm trên. Nhiều HSSV tìm được việc làm ngay tại các địa chỉ nơi thực tập, thông qua các “Hội nghị hướng nghiệp- việc làm”, thông qua tuyển dụng của doanh nghiệp ngay tại “ Lễ bế giảng khóa học”.

Nhà trường cung cấp cho người học đủ các thông tin về chương trình đào tạo, nội qui, qui chế của nhà trường; Nhà trường thực hiện tốt các chính sách, hỗ trợ; khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời cho người học; Người học có nhiều thông tin về nghề nghiệp và thị trường lao động; doanh nghiệp tham gia tích cực cho các hoạt động của trường và khoa.

+ *Những tồn tại:*

Không.

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	8
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 1: *Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đề học sinh sinh viên nắm rõ và thực hiện tốt các quy định của Trường về dịch vụ cho người học, vào đầu mỗi năm học Trường đã tổ chức chương trình giáo dục đầu Khóa cho tất cả học sinh sinh viên toàn trường *(6.1.01- Chương trình giáo dục đầu khóa)*.

Trong tuần học giáo dục đầu khóa, học sinh sinh viên được nhà trường phổ biến luật giáo dục nghề nghiệp, quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của trường và các chế độ, chính sách đối với HSSV *(6.1.02 - Quy chế đào tạo; 6.1.03 - Quy chế HSSV; 6.1.04 - Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; 6.1.05 - Nội quy của trường)*.

Học sinh sinh viên được gặp gỡ, trao đổi với các phòng ban mà sinh viên thường xuyên liên hệ. Kết thúc chương trình giáo dục đầu khóa, HSSV viết bài thu hoạch với những thông tin tiếp thu được *(6.1.06- Bài thu hoạch của HSSV khoa CNTT năm 2020, 2021, 2022)*.

Giáo viên chủ nhiệm của từng lớp lập nhóm Zalo của lớp để thông tin đến HSSV về thời khóa biểu và giải đáp các thắc mắc khi HSSV cần, việc cập nhật điểm cho HSSV cũng được giáo viên chủ nhiệm thực hiện thường xuyên.

Thông tin đưa lên mạng được cập nhật đầy đủ các văn bản mới nhất: thông báo, lịch học, lịch thi, thời khóa biểu cá nhân, xem kết quả học tập của học kỳ hiện tại và tất cả các học kỳ

trước đó tại webside của phòng đào tạo hoặc các quy định, quy chế sinh viên, các thông tin về chế độ chính sách, học bổng . sinh viên cũng được giải đáp về mọi chi tiết liên quan đến học tập, thi cử qua thư điện tử hoặc các thắc mắc liên quan đến việc học qua số điện thoại phòng đào tạo.

Các văn bản đều được niêm yết tại các bảng thông báo, bản tin của các khoa, phòng ban, Đoàn thanh niên

Từ năm 2020, phòng công tác học sinh sinh viên đã triển khai các chương trình hành động về tìm hiểu các quy định của nhà trường nhằm giúp sinh viên hiểu rõ tầm quan trọng của việc nắm bắt thông tin thường xuyên, đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm khuyến khích HSSV thực hiện tốt các quy định, quy chế của nhà trường.

Trong quá trình HSSV học tập tại trường, các thông tin của trường còn được cung cấp cho HSSV qua các giờ sinh hoạt chào cờ, sinh hoạt chủ nhiệm với nội dung tập trung chủ yếu phổ biến nhắc nhở toàn bộ chế độ, nội qui, qui chế nhà trường trong quá trình HSSV học tập tại trường, làm công tác chính trị tư tưởng hướng nghiệp cho HSSV chọn đúng ngành/ngành ngay từ đầu khoá học để các em yên tâm trong học tập; thông tin các hoạt động phong trào.

Tại phòng Công tác Học sinh, sinh viên, các quy trình quản lý liên quan đến các thủ tục, trình tự giải quyết đối với HSSV được niêm yết ở bảng thông báo để HSSV tiện liên hệ các bộ phận có liên quan đến lĩnh vực cần giải quyết liên hệ.

Do đó người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của nhà trường và các chế độ, chính sách đối với người học.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Ngoài việc thực hiện các chế độ, chính sách theo Nghị định số 86/2015/NĐ - CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập;

Thông tư liên tịch số 09/2016/ TTLT - BGDĐT - BTC - BLĐTBXH của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định 86/2015/ NĐ - CP; Quyết định số 53/2015/ QĐ - TTg ngày 20/10/2015 về chính sách nội trú; Thông tư liên tịch số 14/2016/TTLT - BGDĐT - BLĐTBXH - BTC ngày 05/05/2016 sửa đổi bổ sung mục III của Thông tư liên tịch số 23/2008/TTLT - BGDĐT - BLĐTBXH - BTC ngày 28/4/2008 của liên bộ hướng dẫn thực hiện Quyết định số 152/2007/QĐ - TTG của Thủ tướng chính phủ ngày 14/9/2007 về chính sách học bổng đối với HSSV tại cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc diện chính sách, Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ đã có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, khuyến khích kịp thời đối với HSSV đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện. HSSV được hỗ trợ kịp thời trong quá trình học tập tại trường để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Hằng năm, ngay từ “Chương trình sinh hoạt đầu khóa - HSSV” vào đầu mỗi năm học, Nhà trường đều tổ chức triển khai cho HSSV về các chế độ chính sách miễn, giảm học phí theo Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 và Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; chế độ vay vốn hỗ trợ chi phí học tập dành cho HSSV; tạm hoãn nghĩa vụ quân sự; học bổng khuyến khích học tập (*6.2.01- Hướng dẫn về chính sách khen thưởng*).

- Về miễn giảm học phí: Thực hiện theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐTBTC-BLĐTBXH ngày 30/3/2016.

- Cấp học bổng khuyến khích học nghề cho HSSV, được thực hiện theo năm học.

Trường luôn cập nhật những văn bản mới nhất về miễn giảm học phí cho HSSV của Bộ LĐ-TB&XH đồng thời triển khai và hướng dẫn HSSV hoàn tất các thủ tục để được chi trả đúng theo quy định.

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách được cân đối trong dự toán chi NSNN cho sự nghiệp giáo dục đào tạo hàng năm theo phân cấp hiện hành của Luật Ngân sách và do các địa phương trực tiếp quản lý.

Thực hiện công bằng, công khai và dân chủ trong việc giải quyết chế độ, chính sách đối với HSSV, hàng năm, Trường đã xét duyệt hồ sơ của HSSV thuộc các đối tượng, con gia đình chính sách; người dân tộc thiểu số thuộc diện nghèo, cận nghèo.

Danh sách HSSV thuộc các đối tượng trên được Phòng CTHSSV lập theo từng học kỳ của từng năm học và được quản lý, chặt chẽ, khoa học và được lưu trữ trên máy tính và bằng văn bản.

Năm học 2020 -2021: Khoa Công nghệ Thông tin có 2 lớp TC KTSC&LRMT K14 với tổng số 60 em HSSV

+ Lớp TC KTSC&LRMT K14 đào tạo tại trường có 20 HSSV được miễn giảm 100% học phí học nghề theo quy định của nhà nước. Trong đó có em Nguyễn Sỹ Ngọc được miễn giảm học phí văn hóa và nghề theo diện con thương, bệnh binh (Bố tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học). Năm học này có 1 em Ngô Thị Hải Chi được nhà trường trao học bổng khuyến khích học nghề kì 2 với số tiền 4.350.000.

+ Lớp TC KTSC&LRMT K14 được đào tạo tại cơ sở liên kết Trung tâm GGNN-GDTX huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang có 40 HSSV được miễn giảm 100% học phí học nghề theo quy định của nhà nước.

Năm học 2021 -2022: Khoa Công nghệ Thông tin có 1 lớp TC KTSC&LRMT K15 được đào tạo tại cơ sở liên kết Trung tâm GGNN-GDTX huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang có 35 HSSV được miễn giảm 100% học phí học nghề theo quy định của nhà nước.

+ Tại trường lớp TC KTSC&LRMT K14 có em Ngô Thị Hải Chi tiếp tục được nhà trường trao học bổng khuyến khích học nghề kì 1 với số tiền 4.350.000.

Việc triển khai chính sách và các chế độ khen thưởng trong Khoa Công nghệ Thông tin rất chính xác và đã tăng thêm động lực để khuyến khích HSSV nỗ lực để đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện của học sinh sinh viên.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2011 trường đã thành lập Phòng quan hệ doanh nghiệp là phòng chuyên môn chịu trách nhiệm hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp phối hợp đào tạo, cung cấp cho HSSV các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc

làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp (*6.3.01 - Quyết định thành lập phòng quan hệ doanh nghiệp; 6.3.02 - Quy chế tổ chức hoạt động của Phòng quan hệ doanh nghiệp*).

Phòng Quan hệ Doanh nghiệp phân công cán bộ tìm kiếm hợp tác với các doanh nghiệp, tìm kiếm thông tin thị trường lao động cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên (*6.3.03- Danh sách cán bộ làm nhiệm vụ cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn, giới thiệu việc làm*).

Trong quá trình học tập tại khoa Công nghệ Thông tin, từ năm 2020-2022 đã có 18 HSSV nghề KTSC&LRMT được cung cấp thông tin về thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm miễn phí. Các doanh nghiệp trên địa bàn thường xuyên liên lạc cộng tác với Nhà trường tuyển dụng lao động. Trường phổ biến thông báo tuyển dụng của doanh nghiệp đến Khoa, các lớp học sinh sinh viên, dán bảng tin (hàng tháng)... đồng thời cán bộ Phòng QHDN, Phòng CTHSSV luôn sẵn sàng tư vấn, giới thiệu cho HSSV tìm hiểu thông tin tuyển dụng (*6.3.04 -Kế hoạch công tác phòng Quan hệ doanh nghiệp năm 2020, 2021; 6.3.05 - Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp; 6.3.06- Báo cáo tổng kết năm học Phòng QHDN, Phòng CTHS năm 2020,2021*).

Bên cạnh đó, Khoa còn thường xuyên cập nhật thông tin về thị trường lao động, giới thiệu việc làm cho HSSV trên website của Trường theo địa chỉ www.httl.edu.vn.

Nhằm tạo điều kiện cho HSSV an tâm khi tham gia học tập tại Trường, hàng năm Phòng QHDN tiến hành khảo sát nhu cầu lao động của các doanh nghiệp và đã gửi 18 em HSSV nghề KTSC&LRMT đến thực tập tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Công nghệ Thông tin trong năm 2021, 2022, đồng thời phối hợp với doanh nghiệp tổ chức các “Hội nghị hướng nghiệp, việc làm” tại Trường, tổ chức cho doanh nghiệp trực tiếp tuyển dụng HSSV mới tốt nghiệp tại các “Lễ bế giảng khóa học” (*6.3.07- Kế hoạch tổ chức “Hội nghị hướng nghiệp, việc làm năm 2020,2021”*; *6.3.08 - Kế hoạch tổ chức Lễ bế giảng khóa học năm 2020, 2021*).

Hàng năm, Phòng QHDN đều có kế hoạch rà soát, đánh giá hiệu quả của hoạt động cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm cho HSSV

Kết thúc năm học, phòng Quan hệ Doanh nghiệp và phòng Công tác HSSV đều đánh giá tổng kết công tác của phòng trong năm học trong đó có đánh giá hiệu quả của hoạt động cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn và giới thiệu việc làm cho học sinh, sinh viên trong

năm. Từ đó phòng Quan hệ Doanh nghiệp và phòng Công tác HSSV đề ra phương hướng thực hiện nhiệm vụ cho năm học tiếp theo

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4:*Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có các khu vực cho người học tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, giúp nâng cao thể chất và rèn luyện sức khỏe sau giờ học của học sinh sinh viên, đó là hệ thống cây xanh, ghế đá, sân bóng chuyên, sân bóng đá mini, khu tập thể dục dụng cụ, sân cầu lông, nhà thi đấu bóng bàn phục vụ cho sinh viên sau giờ học.

Phòng công tác học sinh, sinh viên phối hợp với Đoàn thanh niên của nhà trường đã tổ chức nhiều các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho HSSV của nhà trường nói chung và của HSSV nghề Điện công nghiệp nói riêng, tiêu biểu như:

- Tham gia Hội thi tay nghề các cấp;
- Tham gia Hội diễn văn nghệ chào mừng ngày thành lập Đoàn TNCS HCM 26/3, ngày nhà giáo Việt Nam 20/11,
- Đặc biệt là năm 2020 - dịp kỉ niệm 20 năm thành lập trường, nhiều hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học đã diễn ra thu hút nhiều cán bộ, nhà giáo, viên chức, người lao động và đông đảo học sinh sinh viên tham gia.

Qua các hoạt động này, Nhà trường cũng tập hợp được nhiều HSSV có năng khiếu góp phần phát huy hiệu quả năng lực của đội văn nghệ trường, từ đó phục vụ và hỗ trợ tốt các chương trình chào mừng, kỷ niệm những ngày lễ lớn trong và ngoài trường.

Trong đó, Khoa Công nghệ Thông tin luôn chứng tỏ là một trong các khoa tích cực tham gia vào các hoạt động VHVN, TDTT trong nhà trường, với sự nhiệt tình hưởng ứng các sinh viên của khoa luôn đóng góp các tiết mục ca múa nhạc vào các dịp kỉ niệm trong nhà trường và các hội thi tiếng hát sinh viên do đoàn thanh niên tổ chức

Với tinh thần đó, khoa Công nghệ Thông tin đã đăng ký tham gia 1 số tiết mục văn nghệ của các em lớp TC QTM 14A, TC QTM 14B, CĐ CNTT 15, TC QTM 15A, tuy chưa đạt được giải thưởng nhưng cũng góp phần giúp các em thể hiện được năng khiếu văn nghệ, TDTT, thúc

đẩy tinh thần văn hóa, văn nghệ trong nhà trường được lan tỏa rộng rãi hơn. *(6.4.01-Quyết định trao thưởng)*.

Hàng năm, Đoàn trường, Hội Sinh viên, Phòng CTHSSV thường xuyên phối hợp tổ chức các giải thi đấu thể thao và các trò chơi dân gian tạo nên sân chơi lành mạnh cho HSSV sau những giờ học tập căng thẳng. Trong năm 2020, 2021 khoa Công nghệ Thông tin đã cử 50 HSSV tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, luyện tập thể dục thể thao và tham gia các hoạt động xã hội, trong đó tiêu biểu có em Ngô Thị Hải Chi lớp TC KTSC&LRMT 14 đã tham gia đội bóng của đoàn thanh niên trường thi đấu giao lưu với các đội bóng công đoàn, cơ quan bộ lao động thương binh xã hội đạt được giải ba toàn đoàn. *(6.4.02 – Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ thể dục thể thao, các hoạt động xã hội năm 2020, 2021; 6.4.03 - Danh sách HSSV khoa Công nghệ Thông tin tham gia các hoạt động VHVN, TDTT)*.

Theo báo cáo của Phòng Công tác HSSV và Nhà trường thì hàng năm các hoạt động nêu trên đã thu hút nhiều HSSV tham gia, tạo nên khí thế học tập, sinh hoạt sôi nổi trong HSSV Nhà trường, HSSV khoa Công nghệ Thông tin trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ đã tích cực tham gia các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học *(6.4.04 - Báo cáo của Phòng Công tác HSSV năm 2020, 2021)*.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 6: 2 điểm

2.2.7. TIÊU CHÍ 7: GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7:

Mở đầu: Giám sát, đánh giá chất lượng là nhiệm vụ rất quan trọng trong công tác giám sát đào tạo. Một công cụ thực sự hữu dụng cho BGH nhà trường có thể đánh giá chất lượng đào tạo, kiểm soát và điều chỉnh hoạt động đào tạo trong trường.

Nhà trường có phòng Đảm bảo chất lượng thực hiện công tác giám sát, đánh giá chất lượng đã thể hiện rõ sự quan tâm đến việc đảm bảo chất lượng của nhà trường.

+ Những điểm mạnh: Trường có một phòng chức năng chuyên biệt để thực hiện nhiệm vụ giám sát, đánh giá chất lượng nên đã thực sự nắm bắt và đưa ra các biện pháp, phương pháp nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, Nhà trường đã thực hiện tốt công tác khảo sát, thu thập thông tin về thị trường lao động làm cơ sở cho việc đánh giá, dự báo nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến nghề Điện công nghiệp, phục vụ tốt cho công tác giới thiệu việc

làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp ra trường, Nhà trường đã thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng CTĐT trên cơ sở kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

+ Những tồn tại: Mặc dù có phòng chức năng giám sát nhưng nguồn nhân lực còn hạn chế nên công tác giám sát, đảm bảo chất lượng vẫn chưa thực sự phát huy tốt.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	16
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02
Tiêu chuẩn 8	02

Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác thu thập ý kiến doanh nghiệp được phòng Quan hệ doanh nghiệp của Nhà trường tổ chức thực hiện. Hàng năm, căn cứ vào danh sách sinh viên tốt nghiệp đi làm tại các doanh nghiệp do giáo viên chủ nhiệm cấp, phòng Quan hệ doanh nghiệp xây dựng kế hoạch khảo sát, tổ chức lấy ý kiến đánh giá từ các doanh nghiệp đang sử dụng người lao động là cựu sinh viên của trường về mức độ đáp ứng công việc của người tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch

vụ thông qua nhiều phương pháp khác nhau như: gửi thư qua gmail, gửi phiếu khảo sát trực tiếp cho doanh nghiệp khi thực hiện khảo sát hoặc lấy ý kiến trực tiếp khi doanh nghiệp đến trường tuyển dụng. Sau khi thu các phiếu khảo sát, phòng Quan hệ doanh nghiệp thực hiện tổng hợp và báo cáo kết quả khảo sát, qua đó giúp Trường có cơ sở để điều chỉnh chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy cho phù hợp với thực tế sản xuất, kinh doanh tại các doanh nghiệp. Phiếu khảo sát thể hiện các thông tin doanh nghiệp nhận xét về: mức độ hài lòng hài lòng của doanh nghiệp đối với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động, mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với người lao động là cựu sinh viên của trường, sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Danh sách các doanh nghiệp thể hiện các thông tin như: tên doanh nghiệp, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh, số lượng, tên, địa chỉ các cựu sinh viên làm việc tại từng doanh nghiệp:

(4.2.01 - Hồ sơ khảo sát Doanh nghiệp năm 2020, 2021, gồm có: Bảng thống kê các Doanh nghiệp sử dụng lao động kèm theo danh sách cựu sinh viên đang làm việc tại Doanh nghiệp năm 2020, 2021; Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp năm 2020, 2021; Bộ phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2020, 2021; Tổng hợp phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2020, 2021; Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2020, 2021).

Năm 2020 có 15/15 doanh nghiệp được khảo sát phản hồi ý kiến, có tổng số 20 sinh viên nghề KTSC&LR Máy tính đang làm việc tại 15 doanh nghiệp; năm 2021 là 15/15 doanh nghiệp, có tổng số 18 sinh viên nghề KTSC&LR Máy tính đang làm việc tại 15 doanh nghiệp;. Kết quả khảo sát cho thấy:

Năm 2020 có 86,7% doanh nghiệp được lấy ý kiến đánh giá hài lòng với mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp, 86,7% doanh nghiệp được lấy ý kiến đánh giá chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Năm 2021 có 15/15 doanh nghiệp được khảo sát phản hồi ý kiến, có tổng số 18 sinh viên nghề KTSC&LR Máy tính đang làm việc tại 15 doanh nghiệp;

Kết quả khảo sát cho thấy:

Năm 2021 có 85,7% doanh nghiệp được lấy ý kiến đánh giá hài lòng với mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại doanh nghiệp, 85,7% doanh nghiệp được lấy ý kiến

đánh giá chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính phù hợp với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Các doanh nghiệp hài lòng với kiến thức, kỹ năng, tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp của cựu sinh viên nghề KTSC&LR Máy tính đang làm việc tại doanh nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 2: *Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường ban hành Kế hoạch lần vết cựu sinh viên để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp. Giáo viên chủ nhiệm các lớp có sinh viên tốt nghiệp thực hiện khảo sát 100% sinh viên đã tốt nghiệp thông qua điện thoại, gmail, facebook, zalo để lấy khảo sát thông tin sinh viên có tìm được việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo không, sinh viên đánh giá về chất lượng đào tạo của trường, đánh giá về chương trình đào tạo phù hợp với vị trí việc làm sau tốt nghiệp. Do tình hình khách quan những năm 2020, 2021 nghề TC KTSC&LR máy tính không có học sinh tốt nghiệp nên nhà trường không có khảo sát thu thập thông tin về việc làm và đánh giá chất lượng đào tạo của những năm này.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 3: *Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch, lập danh sách và tổ chức thu thập ý kiến đánh giá của cán bộ quản lý là trường, phó các đơn vị và các giáo viên trực tiếp giảng dạy chương trình Điện công nghiệp. Phiếu khảo sát có nhiều nội dung, trong đó có nội dung khảo sát lấy ý kiến về công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, CBQL. Thông qua phiếu khảo sát, sau đó tổng hợp báo cáo để làm cơ sở điều chỉnh

các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm CBQL, nhà giáo, viên chức và người lao động cho phù hợp với thực tế.

Năm học 2020 - 2021: Trường có tổng số 25 cán bộ quản lý là trưởng phó của các đơn vị phòng, khoa. Có 25 nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình nghề Điện công nghiệp. Nhà trường thực hiện khảo sát tổng số 42 CBQL & GV, trong đó: 23 CBQL đạt 92%, 19 giáo viên đạt 76%. Kết quả cho thấy: có 90,5% ý kiến đánh giá công tác dạy và học được thực hiện tốt trở lên; 85,7% ý kiến đánh giá công tác tuyển dụng, bổ nhiệm được thực hiện tốt trở lên; 88,1% ý kiến đánh giá công tác bồi dưỡng được thực hiện tốt trở lên; 92,9% ý kiến đánh giá công tác phân loại và đánh giá nhà giáo, CBQL được thực hiện tốt trở lên.

Năm học 2021 - 2022: Trường có tổng số 25 cán bộ quản lý là trưởng phó của các đơn vị phòng, khoa. Có 23 nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình nghề Điện công nghiệp. Nhà trường thực hiện khảo sát tổng số 42 CBQL & GV, trong đó: 23 CBQL đạt 92%, 19 giáo viên đạt 76%. Kết quả cho thấy: có 92,9% ý kiến đánh giá công tác dạy và học được thực hiện tốt trở lên; 90,5 ý kiến đánh giá công tác tuyển dụng, bổ nhiệm được thực hiện tốt trở lên; 88,1% ý kiến đánh giá công tác bồi dưỡng được thực hiện tốt trở lên; 90,5% ý kiến đánh giá công tác phân loại và đánh giá nhà giáo, CBQL được thực hiện tốt trở lên.

(7.3.01 - Danh sách nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp năm học 2020-2021, 2021-2022; 7.3.02 - Kế hoạch giáo viên năm học 2020-2021, 2021-2022,; 7.3.03 - Lịch giảng dạy năm học 2020-2021, 2021-2022; 7.3.04- Hồ sơ khảo sát CBQL - nhà giáo các năm 2020, 2021, gồm: Kế hoạch khảo sát năm 2020, 2021; Bộ phiếu khảo sát nhà giáo, CBQL năm 2020, 2021; Danh sách nhà giáo, CBQL tham gia khảo sát năm 2020, 2021; Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2020, 2021; Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát nhà giáo, CBQL năm 2020, 2021).

100% CBQL và nhà giáo thấy hài lòng về công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, CBQL của Trường trong những năm qua và hiện nay.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2020, Nhà trường có tổng số 58 sinh viên nghề KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp đang học tại trường. Năm 2021, Nhà trường có tổng số 88 sinh viên nghề KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp đang học tại trường đang học tại trường *(2.1.03 - Quyết định phân lớp kèm danh sách học sinh sinh viên các lớp nghề KTSC&LR Máy tính); 7.4.01 - Sổ lên lớp của các lớp trung cấp nghề KTSC&LR Máy tính các năm học 2020-2021, 2021-2022).*

Hằng năm, Nhà trường có xây dựng kế hoạch lấy ý kiến người học đánh giá về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học. Phòng Đảm bảo chất lượng phối hợp với giáo viên chủ nhiệm phát phiếu khảo sát lấy ý kiến người học tại các buổi sinh hoạt lớp, sau đó tổng hợp ý kiến khảo sát và báo cáo với lãnh đạo trường kết quả khảo sát.

Năm 2020: khảo sát 25 sinh viên trên tổng số 58 sinh viên nghề KTSC&LR Máy tính đang học, đạt 72,3 %. Kết quả: có 95% hài lòng với hình thức, phương thức đào tạo của trường; 86,7% hài lòng với chất lượng giảng dạy; 90% hài lòng với việc thực hiện chế độ, chính sách của trường; 86,7% hài lòng với chất lượng dịch vụ phục vụ người học.

Năm 2021: khảo sát 28 sinh viên trên tổng số 88 sinh viên nghề KTSC&LR Máy tính đang học, đạt 72%. Kết quả: có 90% hài lòng với hình thức, phương thức đào tạo của trường; 85% hài lòng với chất lượng giảng dạy; 90% hài lòng với việc thực hiện chế độ, chính sách của trường; 87,5% hài lòng với chất lượng dịch vụ phục vụ người học.

(2.2.06 - Hồ sơ khảo sát HSSV đang học tại trường các năm 2020, 2021 gồm: Kế hoạch khảo sát năm 2020, 2021; Bộ phiếu khảo sát HSSV đang học tại trường năm 2020, 2021; Danh sách học sinh trung cấp KTSC&LR Máy tính tham gia khảo sát năm 2020, 2021; Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2020, 2021; Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát HSSV đang học tại trường năm 2020, 2021).

Do đó HSSV hài lòng với việc thực hiện chế độ chính sách, tư vấn việc làm, dịch vụ người học và hình thức, phương thức đào tạo của Nhà trường.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định tại thông tư số 28/2017/TT - BLĐT BXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ - TB&XH về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường trung cấp, trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT - BLĐT BXH ngày 08/06/2017 của Bộ LĐ - TB&XH.

Hàng năm, vào đầu quý IV, Phòng ĐBCL xây dựng kế hoạch tự đánh giá trình hiệu trưởng phê duyệt và triển khai thực hiện *(7.5.01 - Kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp của trường năm 2021, 2022)*.

Thành lập các Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp. Thành phần của hội đồng thực hiện theo đúng qui định trong điều 16 của Thông tư số 28/2017/TT-BLĐT BXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội. Hội đồng có 7 thành viên, gồm: chủ tịch (Hiệu trưởng), phó chủ tịch (Trưởng khoa Công nghệ Thông tin), thư ký HĐ (thư ký khoa), 02 thành viên là giáo viên và có 02 thành viên đến từ doanh nghiệp *(7.5.02 - Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp của trường năm 2021, 2022)*.

Hội đồng triển khai kế hoạch, phân công nhiệm vụ cho các thành viên tổng hợp minh chứng từ các đơn vị, viết báo cáo tự đánh giá gửi thư ký hội đồng tổng hợp, Hội đồng TĐGCL tiến hành nghiên cứu, họp thông qua báo cáo TĐGCL. Nội dung báo cáo TĐGCL đã được trên 2/3 thành viên Hội đồng TĐGCL nhất trí thông qua. Sau đó, thư ký biên soạn, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá chất lượng, trình hiệu trưởng phê duyệt *(7.5.03 - Biên bản họp Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo KTSC&LR Máy tính năm 2021, 2022; 7.5.04 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng GDNN trường năm 2021, 2022)*.

Kết quả tự đánh giá chất lượng của Trường hàng năm:

Báo cáo TĐGCL	Trình độ	Điểm tự đánh giá các năm	
		2021	2022
KTSC&LR Máy tính	Trung cấp	96	96

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi báo cáo TĐGCL được phê duyệt, Hiệu trưởng Nhà trường triệu tập cuộc họp công bố báo cáo TĐGCL trong trường. Thành phần dự họp bao gồm: các thành viên Hội đồng TĐGCL, người đứng đầu các đơn vị, đại diện người học và đại diện các tổ chức Đảng, đoàn thể của trường *(7.5.05 - Kế hoạch, biên bản cuộc họp công bố*

Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp năm 2021, 2022). Sau đó, báo cáo được công khai trên website của trường, đường link:

<http://httc.edu.vn/bao-cao-tu-danh-gia-nam-2021.html>,

Trường gửi báo cáo kết quả thực hiện TĐGCL cho Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội, Tổng cục GDNN (Cục Kiểm định chất lượng GDNN), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội theo mẫu quy định tại Thông tư 28/2017 *(7.5.05 - Công văn gửi Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp năm 2021, 2022 lên các cơ quan quản lý)*.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 6: *Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).*

Mô tả, phân tích, nhận định:

Năm 2021, 2022 Nhà trường thực hiện tự đánh giá chất Cơ sở GDNN và chất lượng chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp *(7.6.01 - Kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN, chất lượng CTĐT KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp năm 2021, 2022; 7.6.02 - Các Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Cơ sở GDNN, Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT của trường năm 2021, 2022; 7.6.03 - Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN, chất lượng CTĐT năm 2021, 2022)*.

Sau khi có báo cáo kết quả TĐGCL CTĐT KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp, báo cáo kết quả tự đánh giá chất Cơ sở GDNN của Hội đồng tự đánh giá. Dựa trên sự phân tích các tồn tại cũng như kế hoạch cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo được trình bày trong báo cáo và xét đến điều kiện thực tế của Nhà trường. Phòng Đảm bảo chất lượng với chức năng tham mưu đã xây dựng và trình Ban Giám hiệu phê duyệt kế hoạch khắc phục các tồn tại sau tự kiểm định chất lượng chung của Trường. Trong kế hoạch nêu rõ mục tiêu, nội dung cần khắc phục và phân rõ đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết, triển khai và thực hiện việc khắc phục theo chức năng nhiệm vụ được giao *(7.6.03 - Kế hoạch khắc phục các tồn tại sau tự đánh giá chất lượng các năm 2021, 2022)*.

Căn cứ kế hoạch chung của trường, các đơn vị và cá nhân có liên quan xây dựng kế hoạch tự khắc phục các tồn tại của đơn vị mình theo chức năng nhiệm vụ được giao; thực hiện

việc khắc phục và báo cáo kết quả thực hiện về phòng Đảm bảo chất lượng tổng hợp *(7.6.04 - Kế hoạch khắc phục của các đơn vị)*.

Cụ thể:

- Kế hoạch khắc phục các tồn tại năm 2021: Đầu tư bổ sung thiết bị đào tạo, xây dựng hệ thống Đảm bảo chất lượng trong toàn Trường, đa dạng hóa phương thức đào tạo, đẩy mạnh hoạt động đào tạo liên thông, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đào tạo và quản lý đào tạo, tăng cường sử dụng phần mềm mô phỏng trong dạy học, dạy học online; rà soát chương trình đào tạo, xây dựng giáo trình nội bộ; số hóa Giáo trình, tài liệu tham khảo.

Kết quả thực hiện cải thiện năm 2021: Đầu tư được một số thiết bị cho các nghề trọng điểm; Nhà trường đã xây dựng thêm 12 quy trình, công cụ BĐCL; quy chế quản lý thông tin BĐCL, qui định về kiểm tra giám sát các hoạt động của trường; tổ chức đào tạo liên thông trình độ cao đẳng cho 05 nghề nghề Điện công nghiệp, Công nghệ ô tô, Cắt gọt kim loại, Hàn, Điện tử công nghiệp; Triển khai được trên 20 lượt bài giảng online; Có trên 80% các nghề đang đào tạo của trường trình độ trung cấp, cao đẳng có ít nhất 50% mô đun/môn học chuyên môn ngành, nghề có sử dụng phần mềm mô phỏng, số hóa Giáo trình, tài liệu tham khảo; rà soát, bổ sung các chương trình đang đào tạo, xây dựng giáo trình nội bộ tương ứng với chương trình chỉnh sửa.

- Kế hoạch khắc phục các tồn tại năm 2022: Đề nghị Bộ phê duyệt Hội đồng trường, cải tiến hệ thống kiểm tra, giám sát, lắp camera ở lớp học, xưởng thực hành; Đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo các nghề còn thiếu; tăng cường công tác NCKH; Lập kế hoạch và thực hiện xây dựng hệ thống Đảm bảo chất lượng, đa dạng hóa phương thức đào tạo, tăng cường sử dụng phần mềm mô phỏng trong dạy học, dạy học online; xây dựng giáo trình nội bộ; số hóa Giáo trình, tài liệu tham khảo.

Kết quả thực hiện cải thiện năm 2022: Nhà trường đã xây dựng thêm các quy trình, công cụ BĐCL, giáo viên đã tăng cường sử dụng các phần mềm để dạy các mô đun chuyên ngành, dùng giáo án điện tử dạy online, hoàn thiện tổng số 45 bộ quy trình Đảm bảo chất lượng.

(7.6.05 - Báo cáo kết quả khắc phục của đơn vị năm 2021,2022; 1.2.03 - Báo cáo tổng kết các năm học từ 2021, 2022 của khoa; 1.2.04 - Báo cáo tổng kết các năm từ 2021,2022 của

trường; 7.6.06 - Báo cáo Kết quả TĐGCL Cơ sở GDNN, TĐGCL CTĐT nghề KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp năm 2021, 2022).

Như vậy, sau mỗi năm thực hiện TĐGCL Cơ sở GDNN, TĐGCL CTĐT nghề KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp, Nhà trường thực có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá. Đây là một trong những giải pháp quan trọng góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo trong Nhà trường.

Như vậy, hằng năm trên cơ sở kết quả tự đánh giá, Nhà trường đều có kế hoạch cụ thể và các biện pháp thực hiện việc cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hằng năm, trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, Nhà trường ban hành Kế hoạch khảo sát sinh viên có việc làm phù hợp với chuyên ngành hoặc nghề đào tạo. Giáo viên chủ nhiệm các lớp có sinh viên tốt nghiệp thực hiện khảo sát 100% sinh viên đã tốt nghiệp thông qua điện thoại trực tiếp cho sinh viên lấy thông tin về vị trí việc làm, mức lương, tên công ty và địa chỉ làm việc, lập danh sách gửi về phòng Công tác HSSV tổng hợp

Do tình hình khách quan những năm 2020, 2021 nghề TC KTSC&LR máy tính không có học sinh tốt nghiệp nên nhà trường không có khảo sát thu thập thông tin về việc làm và đánh giá chất lượng đào tạo của những năm này.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7, tiêu chí 7: 02 điểm

Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác thu thập ý kiến doanh nghiệp được phòng Quan hệ doanh nghiệp của Nhà trường tổ chức thực hiện. Hằng năm, căn cứ vào danh sách sinh viên tốt nghiệp đi

làm tại các doanh nghiệp do giáo viên chủ nhiệm cấp, phòng Quan hệ doanh nghiệp xây dựng kế hoạch khảo sát, tổ chức lấy ý kiến đánh giá từ các doanh nghiệp đang sử dụng người lao động là cựu sinh viên của trường về mức độ hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động, thông qua nhiều phương pháp khác nhau như: gửi thư qua gmail, gửi phiếu khảo sát trực tiếp cho doanh nghiệp khi thực hiện khảo sát hoặc lấy ý kiến trực tiếp khi doanh nghiệp đến trường tuyển dụng. Sau khi thu các phiếu khảo sát, phòng Quan hệ doanh nghiệp thực hiện tổng hợp và báo cáo kết quả khảo sát, qua đó giúp Trường có cơ sở để điều chỉnh chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy cho phù hợp với thực tế sản xuất, kinh doanh tại các doanh nghiệp. Phiếu khảo sát thể hiện nhiều thông tin, trong đó có các thông tin về: mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. Danh sách các doanh nghiệp thể hiện các thông tin như: tên doanh nghiệp, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh, số lượng, tên, địa chỉ các cựu sinh viên làm việc tại từng doanh nghiệp *(4.2.01 - Hồ sơ khảo sát Doanh nghiệp năm 2020, 2021, gồm có: Bảng thống kê các Doanh nghiệp sử dụng lao động kèm theo danh sách cựu sinh viên đang làm việc tại Doanh nghiệp năm 2020, 2021; Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp năm 2020, 2021; Bộ phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2020, 2021; Tổng hợp phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2020, 2021; Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2020, 2021).*

Năm 2020, có 15/15 doanh nghiệp được khảo sát phản hồi ý kiến. Kết quả: có 80% hài lòng về kiến thức, 86,7% hài lòng về kỹ năng và 80% hài lòng về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp.

Năm 2021, có 10/10 doanh nghiệp được khảo sát phản hồi ý kiến. Kết quả: có 80% hài lòng về kiến thức, 90% hài lòng về kỹ năng và 80% hài lòng về năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp.

Như vậy doanh nghiệp hài lòng với kiến thức, kỹ năng, tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp của cựu sinh viên ngành KTSC&LR Máy tính đang làm việc tại doanh nghiệp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 8, tiêu chí 7: 02 điểm

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Hàng năm, trường cần rà soát chương trình giáo dục nghề nghiệp điều chỉnh mục tiêu chương trình cho phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ.
- Bổ sung văn bản thể hiện kết quả nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học hàng năm
- Trong những năm tới áp dụng phần mềm chuyên dụng vào quản lý quá trình học tập của HSSV trong toà trường.
- Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và nâng cao hơn nữa trình độ của giáo viên, cán bộ quản lý nhằm phù hợp với xu thế quốc tế hóa và hội nhập quốc tế, đặc biệt chú trọng đến bồi dưỡng, đánh giá kỹ năng nghề cho giáo viên.
- Hàng năm, trường cần tiếp tục rà soát chương trình dạy nghề và có kế hoạch biên soạn giáo trình trong năm tới.
- Trong những năm tới, trường cần rà soát đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng sự thay đổi cập nhật của chương trình đào tạo.

PHẦN IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- 1, Lập kế hoạch thường xuyên và đột xuất kiểm tra việc thực hiện chương trình đào tạo để kịp thời khắc phục cho phù hợp;
- 2, Coi trọng chương trình đào tạo là số một, do vậy chương trình tốt thì chất lượng mới đào tạo mới tốt.
- 3, Thường xuyên rà soát điều chỉnh chương trình cho phù hợp thực tế. Có sự tham gia của doanh nghiệp;
- 4, Thi tốt nghiệp mời doanh nghiệp đánh giá đồng thời tuyển dụng;
- 5, Dành nguồn kinh phí chỉnh sửa và hoàn thành giáo trình lưu hành nội bộ;
- 6, Cam kết đầu ra đối với người học, luôn gắn kết với doanh nghiệp;
- 7, Hoàn thiện đầy đủ những xác nhận khối lượng giờ giảng của giảng viên để tránh tình trạng không tuyển được giảng viên;
- 8, Coi trọng yếu tố đảm bảo chất lượng bằng cách theo dõi đánh giá người học, người dạy theo từng tháng có xếp loại tránh hình thức.

9, Quản lý thời gian giảng viên theo chất lượng giảng dạy, quản lý cán bộ và nhân viên theo hiệu quả công việc.

10, Hệ thống văn bản rà soát, chỉnh sửa và thống nhất mẫu chung

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2022

Chủ tịch HĐ TĐGCL CTĐT

HIỆU TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC

1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng/Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (hoặc Quyết định kiện toàn Hội đồng tự đánh giá chất lượng/Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo)

BỘ LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

**TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ
KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 111/QĐ-CĐNKTCN

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
Nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính trình độ Trung cấp, năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Căn cứ quyết định số 1983/QĐ-BLĐTBXH ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ;

Căn cứ Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 về việc quy định hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư 27/2018/TT-BLĐTBXH ngày 25/12/2018 về việc quy định quy chế đánh giá cấp thẻ kiểm định viên chất lượng giáo dục nghề nghiệp, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng;

Căn cứ Công văn số 1323/TCGDNN-KĐCL ngày 23/6/2021 về việc thực hiện quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Công văn số 4034/SLĐTBOXH-DN ngày 12/7/2021 về việc thực hiện quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Xét đề nghị của Phòng Đảm bảo chất lượng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính trình độ Trung cấp, năm 2022 gồm các ông, bà có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chất lượng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính trình độ Trung cấp, năm 2022 theo quy định của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, gồm:

- Đơn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật SC, LR máy tính trình độ Trung cấp năm 2022;

- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính trình độ Trung cấp năm 2022 và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng;

- Phối hợp đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính trình độ Trung cấp năm 2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các phòng, khoa, đơn vị có liên quan và các Ông/bà có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: Văn thư, ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

Đặng An Bình

DANH SÁCH

HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

KỸ THUẬT SỬA CHỮA, LẮP RÁP MÁY TÍNH TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 111/QĐ-CDNKTCN ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ trong Hội đồng
1.	Ông Đặng An Bình	- Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Ông Phùng Sỹ Tiến	Trưởng khoa CNTT	Phó Chủ tịch
3.	Bà Trần Thị Vinh	Giảng viên nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính máy tính	Ủy viên thư ký
4.	Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
5.	Ông Nguyễn Công Hùng	Phụ trách phòng ĐBCL	Ủy viên
6.	Bà Phạm Thị Mai Hương	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
7.	Ông Phạm Kim Thu	Trưởng phòng TTSX&DV	Ủy viên
8.	Bà Cù Ngọc Quỳnh	Giảng viên nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính máy tính	Ủy viên
9.	Bà Nguyễn Thị Thủy	Giảng viên nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính máy tính	Ủy viên
10.	Ông Đỗ Tiến Hưng	Giảng viên nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính máy tính	Ủy viên

11.	Ông Phùng Quốc Cảnh	Giảng viên nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính máy tính	Ủy viên
12.	Ông Trí Đức Tâm	Giảng viên nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính máy tính	Ủy viên
13.	Ông Phạm Đức Mạnh	Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại dịch vụ Kỹ thuật Máy tính MTV	Ủy viên
14.	Bà Tạ Thu Hồng	Công ty Cổ phần Viễn Thông FPT Telecom	Ủy viên
15.	Ông Đào Thanh Hải	Giám đốc Công Ty Cổ Phần Giáo Dục Quốc Tế Việt Phát	Ủy viên

(Danh sách này có 15 thành viên)

2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT
LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO
TẠO NGHỀ KỸ THUẬT SỬA CHỮA, LẮP
RÁP MÁY TÍNH**

Số: 77/KH-HĐTĐGCTĐT

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính trình độ Trung cấp-Năm 2022

1. Mục tiêu tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, sinh viên về tầm quan trọng của quy trình xây dựng, vận hành, đánh giá, cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng và tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Thu thập, xử lý thông tin và minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt của nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính, qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển đào tạo nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu Nhà trường.

2. Công cụ tự đánh giá

Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/06/2017 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội.

3. Quy trình tự đánh giá

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng được quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động-Thương Binh và Xã hội, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính.

- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của đơn vị.

- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính và gửi báo cáo tự đánh giá chất lượng về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội Hà Nội và gửi về Tổ chức kiểm định chất lượng GDNN.

4. Nhiệm vụ chung

4.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính trình độ Trung cấp

- Phân công Khoa Công nghệ thông tin chủ trì thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính trình độ Trung cấp, năm 2022;

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tự đánh giá chất lượng;

- Thông qua báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và các biện pháp cải tiến, nâng cao chất lượng;

- Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá ngoài thực hiện kiểm định chất lượng tại Trường.

4.2. Đối với Khoa Công nghệ Thông tin

- Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng trình Chủ tịch hội đồng phê duyệt;

- Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn tự đánh giá chất lượng; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân, kế hoạch nâng cao chất lượng trong từng tiêu chí, đồng thời mô tả, phân tích, nhận định các tiêu chuẩn, xác định thực trạng cho điểm tự đánh giá tiêu chuẩn;

- Tổng hợp và viết báo cáo tự đánh giá chất lượng của đơn vị theo mẫu quy định tại phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư 28/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Gửi dự thảo báo cáo tới các đơn vị có liên quan để lấy ý kiến sau đó tổng hợp, hoàn thiện báo cáo gửi Hội đồng tự đánh giá chất lượng họp thông qua.

4.3. Đối với các Phòng, Khoa trong Nhà trường

- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị cung cấp cho Khoa Công nghệ Thông tin tổng hợp.

5. Phân công các đơn vị thực hiện thu thập minh chứng, cung cấp nội dung, số liệu theo tiêu chí, tiêu chuẩn liên quan

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị chủ trì thực hiện	Đơn vị phối hợp cung cấp số liệu và minh chứng
I	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính		
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Công nghệ Thông tin	
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Công nghệ Thông tin	
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Công nghệ Thông tin	
II	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo		
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng đào tạo - Phòng QHDN
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng đào tạo
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng đào tạo
6	Tiêu chuẩn 6	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng đào tạo - Phòng ĐBCL
7	Tiêu chuẩn 7	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng đào tạo
III	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên		
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng TC-HC-QT
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng TC-HC-QT
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng đào tạo
5	Tiêu chuẩn 5	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng TC-HC-QT

6	Tiêu chuẩn 6	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng TC-HC-QT
7	Tiêu chuẩn 7	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng TC-HC-QT
8	Tiêu chuẩn 8	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng TC-HC-QT
IV	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình		
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng đào tạo
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng đào tạo - Phòng QHDN
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng đào tạo
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Công nghệ Thông tin	
5	Tiêu chuẩn 5	Khoa Công nghệ Thông tin	
6	Tiêu chuẩn 6	Khoa Công nghệ Thông tin	
7	Tiêu chuẩn 7	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng đào tạo - Phòng QHDN
8	Tiêu chuẩn 8	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng đào tạo
9	Tiêu chuẩn 9	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng đào tạo
10	Tiêu chuẩn 10	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng đào tạo
11	Tiêu chuẩn 11	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng đào tạo
12	Tiêu chuẩn 12	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng đào tạo
V	Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện		
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng TTSX&DV - Phòng TC-HC-QT
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng TTSX&DV
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng TTSX&DV

4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng TTSX&DV
5	Tiêu chuẩn 5	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng TTSX&DV
6	Tiêu chuẩn 6	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng TC-HC-QT
7	Tiêu chuẩn 7	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng TTSX&DV - Phòng TC-HC-QT
8	Tiêu chuẩn 8	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng đào tạo
VI	Tiêu chí 6: Dịch vụ cho người học		
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng CTHS-SV
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng CTHS-SV
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng CTHS-SV
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng CTHS-SV
VII	Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng		
1	Tiêu chuẩn 1	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng QHDN
2	Tiêu chuẩn 2	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng CTHS-SV
3	Tiêu chuẩn 3	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng ĐBCL
4	Tiêu chuẩn 4	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng ĐBCL
5	Tiêu chuẩn 5	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng ĐBCL
6	Tiêu chuẩn 6	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng đào tạo - Phòng ĐBCL
7	Tiêu chuẩn 7	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng CTHS-SV
8	Tiêu chuẩn 8	Khoa Công nghệ Thông tin	- Phòng CTHS-SV

6. Nội dung công việc, thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện	Nội dung công việc thực hiện
----------------------------	-------------------------------------

Từ ngày 06/5/2022 đến ngày 19/5/2022	Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính trình độ Trung cấp năm 2022 và triển khai đến các đơn vị trong toàn trường.
Từ ngày 20/5/2022 đến ngày 30/6/2022	Thu thập thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn và viết dự thảo báo cáo tự đánh giá.
Từ ngày 01/07/2022 đến ngày 10/07/2022	Đánh giá mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn; chỉ rõ điểm mạnh, tồn tại, nguyên nhân, kế hoạch nâng cao chất lượng.
Từ ngày 11/07/2022 đến ngày 20/07/2022	Tổng hợp Dự thảo báo cáo và gửi các thành viên Hội đồng và các đơn vị xin ý kiến góp ý.
Từ ngày 21/07/2022 đến ngày 30/07/2022	Tổng hợp các ý kiến góp ý và hoàn thiện Dự thảo báo cáo
Từ ngày 01/08/2022 đến ngày 04/08/2022	Họp hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo để thông qua và trình Hiệu trưởng phê duyệt Báo cáo tự đánh giá chất lượng.
Từ ngày 05/08/2022 đến ngày 17/08/2022	Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng.
Từ ngày 18/08/2022 đến ngày 25/08/2022	Gửi báo cáo tự đánh giá về Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và gửi về Tổ chức kiểm định chất lượng GDNN.
Từ ngày 26/08/2022 đến ngày 30/08/2022	Chuẩn bị các điều kiện để thực hiện đánh giá ngoài.
Từ ngày 06/9/2022 đến ngày 10/9/2022	Thực hiện đánh giá ngoài.

7. Kinh phí thực hiện

Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính trình Trung cấp, năm 2022 từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của Nhà trường.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính trình Trung cấp năm 2022. Đề nghị các đơn vị, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc kế hoạch này./

Nơi nhận:

- Sở LĐTB&XH (để báo cáo);
- Tổng cục GDNN (để báo cáo);
- Hội đồng TĐGCLCTĐT (để t/h);
- Các phòng, khoa chuyên môn (để t/h);
- Lưu: VT; P.ĐBCL.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

Đặng An Bình

BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo năm 2022

Nghề Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính Trình độ Trung cấp

(Kèm theo KH thực hiện tự đánh giá chất lượng CTĐT Số 77/KH-HĐTĐGCTĐT năm 2022)

(Theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn mới của thông tư 15/2017 và hướng dẫn theo CV 1690)

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Phân công thực hiện	
		Chính	Phối hợp/Được phân công
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính	Trí Đức Tâm	
	2.1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.		
	-Văn bản thể hiện mục tiêu của CTĐT.		Khoa CNTT
	-Văn bản thể hiện mục tiêu của cơ sở đào tạo (Đề án thành lập hoặc Quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở đào tạo) đã được phê duyệt.		Trưởng đơn vị P.TCHCQT
	-Văn bản của địa phương/ngành trong đó có nhu cầu sử dụng nhân lực hoặc có thông tin về nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp đối với ngành, nghề.		Trưởng đơn vị P.QHDN
	-Hình thức công bố mục tiêu của CTĐT		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Các văn bản quy định mục tiêu của CTĐT ban hành lần đầu.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Kết quả rà soát mục tiêu của CTĐT hàng năm.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Mục tiêu của CTĐT được rà soát, điều chỉnh.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.QHDN
	1.2. Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực		

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn <i>hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.</i>	Phân công thực hiện	
	-Văn bản của cơ sở đào tạo về việc giao nhiệm vụ cho khoa/đơn vị phụ trách và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện CTĐT;		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm của khoa/đơn vị phụ trách CTĐT;		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Báo cáo tổng kết hàng năm của cơ sở đào tạo;		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Quyết định khen thưởng, bằng khen, giấy khen đối với khoa/đơn vị phụ trách CTĐT (nếu có)		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	1.3. Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.		
	-Văn bản/tài liệu thể hiện kết quả nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học hàng năm		Trưởng đơn vị P.KTTV Trưởng đơn vị P.TTSX Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Báo cáo/tài liệu liên quan đến nguồn thu thực hiện CTĐT		Trưởng đơn vị P.KTTV
	-Báo cáo, biên bản thanh kiểm tra về công tác đào tạo		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	Trần Thị Vinh	
	2.1. Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.		
	-Quy chế tuyển sinh.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Văn bản xác định chỉ tiêu tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Phân công thực hiện	
	-Thông báo tuyển sinh.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Hồ sơ đăng ký học.		Trưởng đơn vị P.QHDN
	-Hồ sơ liên quan đến coi thi, chấm thi, xét tuyển.		Trưởng đơn vị P.QHDN
	-Quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển.		Trưởng đơn vị P.CTHSSV
	-Văn bản/báo cáo công tác tuyển sinh.		Trưởng đơn vị P.QHDN
	-Danh sách học sinh nhập học và quyết định phân lớp.		Trưởng đơn vị P.CTHSSV
	-Biên bản thanh, kiểm tra công tác tuyển sinh		Trưởng đơn vị P.QHDN
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.QHDN
	2.2. Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.		
	-Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Kế hoạch nhà giáo.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà giáo		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Báo cáo, biên bản thanh kiểm tra về công tác đào tạo.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	2.3. Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công		

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Phân công thực hiện	
	<i>nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.</i>		
	-Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Kế hoạch nhà giáo.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà giáo		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Báo cáo, biên bản thanh kiểm tra về công tác đào tạo.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Phần mềm quản lý CTĐT, môn học, học sinh, điểm.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Phần mềm mô phỏng thực hành hoặc bài giảng, tài liệu giảng dạy có sử dụng phần mềm.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	<i>2.4. Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.</i>		
	-Hợp đồng/biên bản thỏa thuận với đơn vị sử dụng lao động về việc cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động, trong đó thể hiện việc phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập.		Trưởng đơn vị P.QHDN
	-Kế hoạch cho người học đi thực hành, thực tập.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Quyết định của hiệu trưởng cơ sở đào tạo về việc cử người học đi thực hành, thực tập... tại đơn vị sử dụng lao động.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Danh sách giáo viên giảng dạy/hướng dẫn thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Phân công thực hiện	
	-Đề cương thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Danh sách người học đã được thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Danh sách người học tốt nghiệp.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Báo cáo kết quả thực hành, thực tập của giáo viên giảng dạy/hướng dẫn có sự xác nhận của đơn vị sử dụng lao động.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	2.5. Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.		
	-Các văn bản của cơ sở đào tạo quy định về kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Văn bản/báo cáo về việc thực hiện theo quy định kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ cơ sở đào tạo đã ban hành.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Biên bản của cơ sở đào tạo hoặc của cơ quan cấp trên (nếu có) kết luận thanh kiểm tra công tác kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng, chứng chỉ hàng năm.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	2.6. Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.		
	-Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Văn bản/tài liệu thể hiện kết quả điều chỉnh các hoạt động dạy và học theo đề xuất.		Trưởng đơn vị P.ĐT

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Phân công thực hiện	
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	2.7. Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.		
	-Văn bản của cơ sở đào tạo quy định về đào tạo liên thông.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Báo cáo kết quả tổ chức đào tạo liên thông của cơ sở đào tạo.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng đối với những ngành, nghề cơ sở đào tạo đào tạo liên thông ở trình độ tương ứng.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-CTĐT liên thông.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Báo cáo về các khóa học sinh, sinh viên trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng hình thức đào tạo chính quy đã tốt nghiệp.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Kết quả thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo liên thông.		Trưởng đơn vị P.ĐT
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	Nguyễn Thị Thủy	
	3.1. Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.		
	-Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học.		Trưởng đơn vị P.HCTCQT
	-Hồ sơ quản lý nhà giáo.		Trưởng đơn vị P.HCTCQT
	-Báo cáo/văn bản tổng kết, biên bản thanh kiểm tra có nội dung về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhà giáo.		Trưởng đơn vị P.HCTCQT
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	3.2. Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.		

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Phân công thực hiện
	-Danh sách nhà giáo: họ và tên, trình độ đào tạo, vị trí công tác.	Trưởng đơn vị P.HCTCQT
	-Hồ sơ quản lý nhà giáo.	Khoa CNTT
	-Nhận xét, đánh giá và phân loại nhà giáo theo hướng dẫn Luật Công chức, Luật Viên chức, pháp luật lao động.	Trưởng đơn vị P.HCTCQT
	-Báo cáo tổng kết hàng năm của cơ sở đào tạo.	Trưởng đơn vị P.HCTCQT
	3.3. Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	
	-Danh sách trích ngang nhà giáo: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học.	Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Văn bản hướng dẫn khác về chế độ làm việc của nhà giáo của các Bộ chủ quản (nếu có)	Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Quy định của cơ sở đào tạo về chế độ làm việc của nhà giáo.	Trưởng đơn vị P.HCTCQT
	-Kế hoạch đào tạo.	Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Kế hoạch phân công giảng dạy cho toàn khóa của chương trình.	Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Danh sách người học từng lớp, danh sách thể hiện số người học học lý thuyết, học thực hành.	Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Bảng thống kê giờ giảng của nhà giáo hàng năm.	Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Bảng thanh toán lương, thanh toán tiền vượt giờ.	Trưởng đơn vị P.KTTV
	-Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khác của nhà giáo theo học kỳ, năm học	Trưởng đơn vị

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Phân công thực hiện	
			Khoa CNTT
	-Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Biên bản thanh, kiểm tra đối với đội ngũ nhà giáo (bao gồm cả đối với giáo viên dạy chuyên ngành, nghề riêng)		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	3.4. Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.		
	-Danh sách nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Danh sách nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi dạy nghề giỏi, hội thi thiết bị tự làm		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Văn bản/tài liệu/hình ảnh thể hiện nhà giáo tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi dạy nghề giỏi, hội thi thiết bị tự làm		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	3.5. Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.		
	-Kế hoạch cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy hàng năm.		Trưởng đơn vị P.TCHCQT
	-Văn bản về việc cử nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy hàng năm.		Trưởng đơn vị P.TCHCQT
	-Văn bản/tài liệu/hình ảnh về việc nhà giáo cơ hữu đã tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng hàng năm.		Trưởng đơn vị P.TCHCQT
	-Báo cáo kết quả của các khóa học, bồi dưỡng.		Trưởng đơn vị P.TCHCQT
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	3.6. Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập		

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Phân công thực hiện	
	<i>tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.</i>		
	-Danh sách trích ngang nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề: họ và tên; mô-đun, môn học đang giảng dạy; trình độ đào tạo; nghiệp vụ sư phạm; kỹ năng thực hành; ngoại ngữ; tin học		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Danh sách nhà giáo cơ hữu được bồi dưỡng, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Văn bản/tài liệu/hình ảnh về việc nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại đơn vị sử dụng lao động hàng năm		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Báo cáo/văn bản có nội dung về việc thực tập của nhà giáo		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.QHDN
	<i>3.7. Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.</i>		
	-Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo được kiểm định.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Hồ sơ cán bộ của cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo được kiểm định.		Trưởng đơn vị P.TCHCQT
	<i>3.8. Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.</i>		
	-Danh sách cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo được kiểm định: họ và tên, trình độ đào tạo, vị trí công tác.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Nhận xét, đánh giá, phân loại cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo được kiểm định		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Báo cáo tổng kết hàng năm của cơ sở đào tạo.		Trưởng đơn vị P.TCHCQT
4	Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình	Cù Ngọc Quỳnh	
	<i>4.1. Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây</i>		

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Phân công thực hiện	
	<i>dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.</i>		
	-Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn/lựa chọn CTĐT.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Các biên bản trong quá trình biên soạn/lựa chọn, thẩm định CTĐT.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	<i>4.2. Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.</i>		
	-Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm/Tổ biên soạn/lựa chọn CTĐT		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Các biên bản trong quá trình xây dựng và thẩm định CTĐT		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Văn bản/tài liệu thể hiện đơn vị sử dụng lao động tham gia quá trình xây dựng và thẩm định CTĐT		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	<i>4.3. Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.</i>		
	-Quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT, trong đó bao gồm chương trình chi tiết các mô-đun, môn học		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.QHDN

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Phân công thực hiện	
	4.4. Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.		
	-Quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT, trong đó bao gồm chương trình chi tiết các mô-đun, môn học		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.QHDN
	4.5. Tiêu chuẩn 5: Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Giáo trình được rà soát, điều chỉnh, bổ sung		
	-Quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT, trong đó bao gồm chương trình chi tiết các mô-đun, môn học		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.TTSX
	4.6. Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.		
	-Quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT, trong đó bao gồm chương trình chi tiết các mô-đun, môn học		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.QHDN
	4.7. Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.		
	-Quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT, trong đó bao gồm chương trình chi tiết các mô-đun, môn học		Trưởng đơn vị Khoa CNTT

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Phân công thực hiện	
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.QHDN
	4.8. Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.		
	-Quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT, bao gồm chương trình chi tiết các mô-đun, môn học.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Nội dung liên thông của chương trình.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Thỏa thuận/văn bản chấp thuận của cơ sở giáo dục đại học với trường.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-CTĐT liên thông trình độ đại học của cơ sở giáo dục đại học.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Quy định về công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức, kỹ năng đã tích lũy của người học được miễn trừ khi học CTĐT liên thông đã được cơ sở giáo dục đại học ban hành.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Thông báo của trường về khả năng liên thông với trình độ đại học.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	4.9. Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.		
	-Quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT, bao gồm chương trình chi tiết các mô-đun, môn học.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT (trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành).		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	10. Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.		
	-Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT (trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành).		Trưởng đơn vị P.ĐT

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Phân công thực hiện	
	-Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Quyết định ban hành chương trình (lần đầu) và CTĐT chi tiết kèm theo.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Quyết định ban hành chương trình sau khi có sự thay đổi và CTĐT chi tiết kèm theo.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Giáo trình đào tạo trước và sau khi CTĐT có sự thay đổi.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	4.11. Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.		
	-Quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT, bao gồm chương trình chi tiết các mô-đun, môn học.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT (trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành).		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	12. Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.		
	-Quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT, bao gồm chương trình chi tiết các mô-đun, môn học.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT (trong đó nêu rõ tên giáo trình; năm biên soạn; đơn vị ban hành).		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT.		Trưởng đơn vị P.ĐT

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Phân công thực hiện	
	-Biên bản thẩm định giáo trình của Hội đồng thẩm định.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.ĐT
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	Phòng Quốc Cảnh	
	5.1. Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.		
	-Hồ sơ hoàn công các khối công trình xây dựng (nếu có).		Trưởng đơn vị P.TCHCQT
	-Thống kê số lượng, diện tích, vị trí của phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa phục vụ đào tạo.		Trưởng đơn vị P.TCHCQT
	-Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo đối với phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa.		Trưởng đơn vị P.TTSX
	-Báo cáo/văn bản của cơ sở đào tạo đánh giá về mức độ đáp ứng về số lượng phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa cho các CTĐT hàng năm.		Trưởng đơn vị P.TTSX
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	5.2. Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.		
	-Danh mục thiết bị đào tạo (kèm hồ sơ thiết bị) hiện có của cơ sở đào tạo: tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của cơ sở đào tạo với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong CTĐT		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Báo cáo theo dõi tài sản cố định của cơ sở đào tạo hàng năm.		Trưởng đơn vị P.TTSX
	-Biên bản thanh, kiểm tra về thiết bị đào tạo của các cơ quan quản lý (nếu có)		Trưởng đơn vị

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Phân công thực hiện	
			Khoa CNTT
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.TTSX
	5.3. Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.		
	-Danh mục thiết bị đào tạo (kèm hồ sơ thiết bị) hiện có của cơ sở đào tạo: tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của cơ sở đào tạo với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu được xác định trong CTĐT		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Báo cáo theo dõi tài sản cố định của cơ sở đào tạo hàng năm.		Trưởng đơn vị P.TTSX
	-Thống kê số lượng người học tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành của các mô-đun, môn học của CTĐT.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Kế hoạch lên lớp hoặc thời khóa biểu trong đó thể hiện việc bố trí xưởng, phòng học theo thời khóa biểu của cơ sở đào tạo.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Biên bản thanh, kiểm tra về thiết bị đào tạo của các cơ quan quản lý (nếu có)		Trưởng đơn vị P.TTSX
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.TTSX
	5.4. Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.		
	-Sơ đồ/hình ảnh bố trí các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Hồ sơ thiết kế, lắp đặt; hồ sơ quản lý các thiết bị, dụng cụ.		Trưởng đơn vị P.TTSX

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Phân công thực hiện	
	-Văn bản của cơ sở đào tạo hoặc cơ quan chức năng đánh giá về sự an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường trong việc sử dụng các thiết bị, dụng cụ (nếu cơ quan chức năng có văn bản).		Trưởng đơn vị P.TTSX Trưởng đơn vị P.TCHCQT
	-Danh mục thiết bị đào tạo (kèm theo hồ sơ thiết bị) hiện có của cơ sở đào tạo: tên thiết bị, số lượng, năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Văn bản/tài liệu đánh giá về việc sử dụng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hàng năm.		Trưởng đơn vị P.TTSX
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	5.5. Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.		
	-Văn bản quy định của Cơ sở đào tạo về định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo.		Trưởng đơn vị P.TTSX
	-Văn bản quy định của Cơ sở đào tạo về quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo.		Trưởng đơn vị P.TTSX
	-Hệ thống sổ sách theo dõi việc quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo.		Trưởng đơn vị P.TTSX
	-Các đề xuất nhu cầu về vật tư phục vụ đào tạo theo từng học kỳ, năm học của các đơn vị liên quan đến thực hiện CTĐT.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Văn bản/tài liệu thể hiện công tác quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, phục vụ đào tạo hàng năm.		Trưởng đơn vị P.TTSX
	-Văn bản/tài liệu thể hiện thực hiện đúng định mức tiêu hao vật tư/ định mức kinh tế kỹ thuật trong đào tạo.		Trưởng đơn vị P.TTSX
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.TTSX
	5.6. Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có		

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Phân công thực hiện	
	<i>đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.</i>		
	-Bảng kê danh mục chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt: tên chương trình/giáo trình, năm xuất bản, đơn vị xuất bản, số lượng bản in, bản điện tử		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Bản in chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Bảng kê danh mục sách, tạp chí, tài liệu tham khảo hàng năm: tên, năm xuất bản, đơn vị xuất bản, số lượng bản in, bản điện tử		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Bản in sách, tạp chí, tài liệu tham khảo		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Thống kê số lượng người học lớn nhất của chương trình hàng năm		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Danh sách giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt và số lượng giáo trình tại thư viện.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Danh mục giáo trình của cơ sở đào tạo được số hóa.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Danh mục tài liệu tham khảo của cơ sở đào tạo được số hóa.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	<i>5.7. Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.</i>		
	-Danh mục thiết bị, máy tính hiện có tại thư viện.		Trưởng đơn vị P.TCHCQT
	-Phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu.		Trưởng đơn vị P.TCHCQT
	-Văn bản thể hiện việc phục vụ cho hoạt động đào tạo của thư viện.		Trưởng đơn vị P.TCHCQT

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Phân công thực hiện	
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.ĐT
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	Phòng Quốc Cảnh	
	6.1. Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.		
	-Các tài liệu cung cấp cho người học khi nhập học và trong quá trình học.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp của Cơ sở đào tạo;		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo;		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Văn bản của cơ sở đào tạo thể hiện chế độ, chính sách hiện hành đối với người học		Trưởng đơn vị P.CTHSSV
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	6.2. Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.		
	-Thống kê các chế độ, chính sách hỗ trợ đối với người học thuộc đối tượng ưu tiên và các chính sách xã hội khác mà cơ sở đào tạo đã và đang áp dụng		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Danh sách những người học thuộc đối tượng ưu tiên: họ và tên, lớp, khóa, đối tượng, nội dung được hỗ trợ (kèm theo hồ sơ người học được hưởng các chế độ, chính sách).		Trưởng đơn vị Khoa CNTT

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Phân công thực hiện	
	-Văn bản của trường quy định chính sách khen thưởng, khuyến khích đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Danh sách người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện và các hình thức khen thưởng hàng năm.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Văn bản/tài liệu thể hiện người học được tư vấn, hỗ trợ trong quá trình học tập tại trường hàng năm.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Báo cáo tổng kết hàng năm của trường.		Trưởng đơn vị P.CTHSSV
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	6.3. Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.		
	-Kế hoạch tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp hàng năm.		Trưởng đơn vị P.QHDN
	-Văn bản/tài liệu, thông tin về việc tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.		Trưởng đơn vị P.QHDN
	-Báo cáo/tài liệu thể hiện kết quả công tác tư vấn việc làm hàng năm hoặc giai đoạn.		Trưởng đơn vị P.QHDN
	-Kế hoạch tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng hàng năm.		Trưởng đơn vị P.QHDN
	-Danh sách các nhà tuyển dụng tham gia tổ chức hội chợ việc làm hàng năm.		Trưởng đơn vị P.QHDN
	-Báo cáo kết quả tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hội chợ việc làm để người học tiếp xúc với các nhà tuyển dụng hàng năm.		Trưởng đơn vị P.QHDN
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.QHDN
	6.4. Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục		

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Phân công thực hiện	
	thể thao cho người học.		
	-Thông tin về khu thể dục thể thao, khu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ phục vụ cho hoạt động của cơ sở đào tạo.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Báo cáo/tài liệu về việc người học được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội hàng năm.		Trưởng đơn vị P.CTHSSV Bí thư ĐTN
	-Ý kiến của các đối tượng có liên quan.		Trưởng đơn vị P.ĐT
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	Đỗ Tiến Hưng	
	7.1. Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.		
	-Kế hoạch/phương án thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.		Trưởng đơn vị P.QHDN
	-Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm, trong đó nêu rõ: tên; địa chỉ; số lượng, tên người học đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.		Trưởng đơn vị P.QHDN
	-Phương pháp thu thập ý kiến đã thực hiện và văn bản/tài liệu/thông tin kèm theo -Báo cáo/tài liệu thể hiện kết quả thu thập ý kiến		Trưởng đơn vị P.QHDN
	7.2. Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.		
	-Kế hoạch/phương án điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của CTĐT với vị trí việc làm của người tốt nghiệp		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp		Trưởng đơn vị

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Phân công thực hiện	
			Khoa CNTT
	-Các văn bản/tài liệu/thông tin thể hiện từng hình thức điều tra lần vết		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Báo cáo kết quả điều tra lần vết		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	7.3. Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.		
	-Kế hoạch/phương án thu thập ý kiến nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động hàng năm và danh sách được thu thập ý kiến hàng năm (phân đều cho các đơn vị phòng, khoa, trung tâm,... trực thuộc).		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Phương pháp thu thập ý kiến đã thực hiện và văn bản/tài liệu/thông tin kèm theo.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	-Báo cáo/tài liệu thể hiện kết quả thu thập ý kiến.		Trưởng đơn vị P.ĐT
	7.4. Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.		
	-Kế hoạch/phương án thu thập ý kiến người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.		Trưởng đơn vị P.ĐBCL
	-Danh sách người học hàng năm.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Danh sách người học được thu thập ý kiến hàng năm.		Trưởng đơn vị

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Phân công thực hiện	
			viP.ĐBCL
	-Phương pháp thu thập ý kiến đã thực hiện và văn bản/tài liệu/thông tin kèm theo.		Trưởng đơn vịP.ĐBCL
	-Báo cáo/tài liệu thể hiện kết quả thu thập ý kiến hàng năm.		Trưởng đơn vịP.ĐBCL
	7.5. Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.		
	-Kế hoạch thực hiện tự đánh giá		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Văn bản về thành lập/kiện toàn Hội đồng tự đánh giá		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Báo cáo tự đánh giá		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Văn bản/tài liệu/hình ảnh thể hiện cơ sở đào tạo công khai báo cáo tự đánh giá		Khoa CNTT
	7.6. Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).		
	-Kế hoạch hàng năm cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá và kết quả đánh giá ngoài (nếu có đánh giá ngoài)		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	-Văn bản/tài liệu/báo cáo thể hiện việc cơ sở đào tạo thực hiện theo kế hoạch.		Trưởng đơn vị Khoa CNTT
	7.7. Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.		
	-Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách người học đã tốt nghiệp hàng năm.		Trưởng đơn vịP.ĐBCL
	-Kế hoạch/phương án điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm hàng năm.		Trưởng đơn vịP.ĐBCL

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Phân công thực hiện	
	-Văn bản/tài liệu/thông tin thể hiện từng hình thức điều tra lần vết (ví dụ như Phiếu hỏi nếu khảo sát bằng phiếu hỏi; bản tổng hợp ý kiến và danh sách điện thoại liên hệ nếu khảo sát qua điện thoại ...).		Trưởng đơn vị P.ĐBCL
	-Báo cáo kết quả điều tra lần vết.		Trưởng đơn vị P.ĐBCL
	7.8. Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.		
	-Kế hoạch/phương án thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.		Trưởng đơn vị P.QHDN
	-Danh sách đơn vị sử dụng lao động được thu thập ý kiến hàng năm, trong đó nêu rõ: tên; địa chỉ; số lượng, tên người học đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.		Trưởng đơn vị P.QHDN
	-Phương pháp thu thập ý kiến đã thực hiện và văn bản/tài liệu/thông tin kèm theo		Trưởng đơn vị P.QHDN
	-Báo cáo/tài liệu thể hiện kết quả thu thập ý kiến		Trưởng đơn vị P.QHDN

TRƯỞNG ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

PHÙNG SỸ TIẾN

ĐẶNG AN BÌNH

3. Bảng mã minh chứng

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
1	1	1	1.1.01		<i>Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp.</i>
			1.1.02		<i>Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Nghề Kỹ thuật Công nghệ kèm theo Quyết định 27B/QĐ - CĐNKTCN ngày 30 tháng 1 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ.</i>
			1.1.03		<i>Quyết định số 1488/QĐ-BLĐTBXH ngày 15/10/2015 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển Trường CĐN Kỹ thuật Công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030</i> <i>Quyết định số 879/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 và Quyết định số 880/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển các ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030.</i>
			1.1.04		<i>Nghị quyết Đại hội Đảng bộ cơ sở Trường Cao đẳng Nghề Kỹ</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>thuật Công nghệ nhiệm kỳ 2020 -2025</i>
			1.1.06		http://www.httc.edu.vn
			1.1.07		<i>Các tài liệu tuyên truyền tuyển sinh năm 2020, 2021</i>
				4.2.01	<i>Hồ sơ khảo sát doanh nghiệp; 4.7.02- Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2020, 2021</i>
				1.1.06	http://www.httc.edu.vn
			1.1.08		<i>Nghị quyết Hội nghị công nhân viên chức năm 2020 – 2021.</i>
				4.1.03	<i>Quyết định số 52/QĐ-CĐNKTCN ngày 23/12/2019 ban hành sử dụng 06 môn học chung năm 2019)</i>
			1.1.09		<i>Bộ chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính điều chỉnh năm 2020 kèm theo hồ sơ rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo 2018 - 2020; 1.1.01- Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp).</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
		2	1.2.01		<i>Quyết định số 27B/QĐ-CDN KTCN ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ;</i>
			1.2.02		<i>Quyết định số 33^A/QĐ-CDNKTCN ngày 01/02/2018 về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ của các Phòng, Khoa, Trung tâm thuộc Trường CDN KTCN).</i>
			1.2.03		<i>Báo cáo tổng kết công tác các năm 2020, 2021 của khoa;</i>
			1.2.04		<i>Báo cáo tổng kết công tác các năm 2020, 2021 của nhà trường;</i>
			1.2.05		<i>Quyết định xếp loại thi đua của đơn vị năm 2020, 2021;</i>
			1.2.06		<i>Quyết định khen thưởng tập thể và cá nhân năm 2020, 2021;</i>
			1.2.07		<i>Hồ sơ khen thưởng năm học 2019 - 2020 , năm học 2020 - 2021.</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
	2	1	2.1.01		<i>Quyết định phê duyệt kèm Quy chế tuyển sinh các năm 2020, 2021</i>
			2.1.02		<i>Quyết định thành lập Hội đồng Tuyển sinh các năm 2020, 2021</i>
			2.1.03		<i>Quyết định phân lớp kèm danh sách học sinh sinh viên các lớp nghề KTSC&LR Máy tính</i>
	2	2	2.2.01		<i>Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo các năm 2020, 2021, 2022;</i>
			2.2.02		<i>Kế hoạch giáo viên, thời khóa biểu, lịch giảng dạy các năm 2020, 2021, 2022</i>
			2.2.03		<i>Quyết định về việc bổ nhiệm giáo viên chủ nhiệm các lớp</i>
			2.2.04		<i>Hồ sơ giảng dạy của Nhà giáo khoa Công nghệ Thông tin</i>
			2.2.05		<i>Các biên bản, báo cáo công tác thanh kiểm tra hoạt động đào tạo</i>
			2.2.06		<i>Các biên bản họp khoa Công nghệ Thông tin;</i>
	2	3		1.1.01	<i>Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp</i>
				2.2.04	<i>Hồ sơ giảng dạy của Nhà giáo khoa Công nghệ Thông tin</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			2.3.01		<i>Báo cáo thực tập của HSSV</i>
			2.3.02		<i>Các biên bản dự giờ nhà giáo -khoa Công nghệ Thông tin</i>
			2.3.03		<i>Biểu mẫu Bài thi kết thúc MH/MĐ, Danh sách - kết quả thi kết thúc MĐ/MH</i>
			2.3.04		<i>Danh sách tổng hợp danh mục các thiết bị và phần mềm mô phỏng phục giảng dạy</i>
	2	4	2.4.01		<i>Quyết định tổ chức mô đun thực tập tốt nghiệp tại trường và phân công giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện bài tập lớn;</i>
				2.3.01	<i>Báo cáo thực tập của HSSV;</i>
	2	5	2.5.01		<i>Quy chế đào tạo kèm theo Quyết định ban hành</i>
			2.5.02		<i>Kế hoạch thi kết thúc MĐ/MH;</i>
			2.5.03		<i>Kế hoạch tổ chức thi tốt nghiệp các năm 2020, 2021</i>
			2.5.04		<i>Biểu mẫu Bài thi kết thúc MH/MĐ, Danh sách - kết quả thi kết thúc MH/MĐ</i>
			2.5.05		<i>Kết quả rèn luyện của học sinh sinh viên 2020, 2021, 2022</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			2.5.06		Sổ cấp phát bằng tốt nghiệp cho HSSV các năm 2020, 2021
		6	2.6.01		Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm.
			2.6.02		Biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm;
			2.6.03		Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học hàng năm (trong đó có nghề KTSC&LR Máy tính)
			2.6.04		Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2020, 2021;
		7	2.7.01		Quyết định ban hành kèm Quy chế đào tạo liên thông
			2.7.02		Chương trình đào tạo liên thông nghề KTSC&LR Máy tính trình độ: cao đẳng
	3	1	3.1.01		Hồ sơ lý lịch kèm theo danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy nghề Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính Trình độ trung cấp
	3	2	3.2.01		Quy chế nhà giáo GDNN trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ
				2.2.02	Kế hoạch giáo viên, thời khóa biểu, lịch giảng dạy các năm 2020, 2021, 2022; 3.2.02 - Bảng tổng hợp giờ giảng các năm học 2019-2020; 2020 - 2021

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				2.2.03	<i>Quyết định về việc bổ nhiệm giáo viên chủ nhiệm các lớp;</i>
			3.2.02		<i>Bảng tổng hợp giờ giảng các năm học 2019-2020; 2020 - 2021</i>
	3	3			
			3.3.01		<i>Danh sách nhà giáo giảng dạy môn học, mô đun năm học; 2020 – 2021; 2021-2022;</i>
			3.3.02		<i>Quyết định biên chế các lớp các năm học năm học 2019-2020; 2020-2021; 2021-2022).</i>
			3.3.03		<i>Danh sách giáo viên tham gia giảng dạy nghề Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính năm 2020 – 2021, 2021-2022;</i>
			3.3.04		<i>-Bảng tính quy đổi nhà giáo/HSSV</i>
				3.2.08	<i>Kế hoạch hội giảng các năm học; Báo cáo kết quả hội giảng cấp khoa, cấp trường;</i>
				3.2.09	<i>Quyết định công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp Thành phố;</i>
	3	4		3.2.10	<i>Hồ sơ nghiên cứu khoa học, thiết bị tự làm của nhà giáo; 3.4.01 – Quyết định khen thưởng thi thiết bị tự làm thành phố, toàn quốc</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			3.4.01		<i>Quyết định khen thưởng thi thiết bị tự làm thành phố, toàn quốc</i>
	3	5	3.5.01		<i>Danh sách trích ngang đội ngũ VC, NLD của khoa</i>
			3.5.02		<i>Kế hoạch học tập bồi dưỡng năm 2020, 2021 của khoa ;</i>
			3.5.03		<i>Các Quyết định cử nhà giáo đi học tập bồi dưỡng năm 2020, 2021;</i>
			3.5.04		<i>Tài liệu/ văn bằng chứng chỉ, báo cáo kết quả đào tạo bồi dưỡng</i>
	3	6			
			3.6.01		<i>Kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp hàng năm;</i>
			3.6.02		<i>Quyết định cử nhà giáo tham gia học tập tại Doanh nghiệp;</i>
			3.6.03		<i>Báo cáo kết quả thực tập tại Doanh nghiệp</i>
	3	7	3.7.01		<i>Kế hoạch công tác hàng năm của khoa</i>
					<i>Kế hoạch công tác hàng năm của khoa</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				3.5.01	Danh sách trích ngang đội ngũ VC, NLD của khoa;
				1.2.03	Báo cáo tổng kết công tác các năm 2020, 2021 của khoa;
			3.8.01		Quyết định số 351/QĐ-CĐNKTCN ngày 04/12/2015 Quy định đánh giá, phân loại đối với CC, VC, NLD của Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật công nghệ)
			3.8.02		Kế hoạch phân loại CC, VC, người lao động và tổng kết công tác thi đua khen thưởng năm 2020, 2021;
			3.8.03		Biên bản phân loại CC, VC, và người lao động của khoa năm 2020, 2021;
			3.8.04		Biên bản bình xét thi đua của khoa năm 2020, 2021;
			3.8.05		Quyết định phân loại CC, CV, NLD của trường năm học 2020, 2021
	4	1	4.1.01		Quyết định số 65A/QĐ-CĐNKTCN ngày 24/04/2017. Quy định về xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo của trường CĐNKTCN
			4.1.02		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT).
			4.1.03		Các biên bản trong quá trình biên soạn/lựa chọn, thẩm định CTĐT

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			4.1.04		<i>Quyết định ban hành/lựa chọn CTĐT</i>
	4	2	4.1.03		<i>Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm, tiểu ban biên soạn chương trình, giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp</i>
			4.1.04		<i>Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp</i>
			4.1.05		<i>Hồ sơ xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp nghề KTSC&LR Máy tính năm 2017</i>
			4.1.06		<i>Bộ chương trình nghề KTSC&LR Máy tính năm 2017 đã xây dựng kèm theo quyết định phê duyệt</i>
	4		4.1.07		<i>Các biên bản trong quá trình biên soạn/điều chỉnh, thẩm định CTĐT nghề KTSC&LR Máy tính;)</i>
	4		4.1.08		<i>Hồ sơ điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp nghề KTSC&LR Máy tính năm 2020</i>
	4			1.1.09	
	4		4.1.09		<i>Quyết định số 52/QĐ-CĐNKTCTN ngày 23/12/2019 ban hành sử dụng 06 môn học chung năm 2019</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
	4			2.6.04	Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2020, 2021
	4			2.2.06	Hồ sơ khảo sát HSSV
	4		4.1.10		Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát
	4			4.2.01	Hồ sơ khảo sát Doanh nghiệp
	4			4.7.02	Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp 2019 - 2021
	4	2		4.1.03	Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm, tiểu ban biên soạn chương trình, giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp
				4.1.04	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp
	4	3		1.1.01	Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp
				2.6.04	Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2020, 2021
				4.1.10	Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát
				4.2.01	Hồ sơ khảo sát Doanh nghiệp

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				4.7.02	Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp 2019 - 2021
		4	4.4.01		Kế hoạch đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp các năm 2019-2021
				1.1.01	Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp
				2.6.04	Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2020, 2021
				2.2.06	Hồ sơ khảo sát HSSV
				4.1.10	Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát
		5		1.1.01	Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp
			4.5.01		Hồ sơ giáo án của giáo viên khoa Công nghệ Thông tin từ năm học 2019 - 2020; 2020 – 2021; 2021-2022
		6		1.1.01	Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp
	4			2.5.01	Quy định về tổ chức, quản lý kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc MH/MĐ Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật Công nghệ. Ban hành kèm theo Quyết định số 262/QĐ - CĐNKTCN ngày 04/12/2017;

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				2.6.04	Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2020, 2021
				2.2.06	Hồ sơ khảo sát HSSV
				4.1.10	Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát
		7		3.6.01	Kế hoạch thực tập tại doanh nghiệp hàng năm
				3.6.02	Quyết định cử nhà giáo tham gia học tập tại Doanh nghiệp
				3.6.03	Báo cáo kết quả thực tập tại Doanh nghiệp
				3.5.03	Các Quyết định cử nhà giáo đi học tập bồi dưỡng năm 2020, 2021
				3.5.04	Tài liệu/ văn bằng chứng chỉ, báo cáo kết quả đào tạo bồi dưỡng
				2.6.04	Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2020, 2021
				2.2.06	Hồ sơ khảo sát HSSV
				4.1.10	Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát
				4.2.01	Hồ sơ khảo sát Doanh nghiệp
				7.7.01	Kế hoạch khảo sát lần vết sinh viên tốt nghiệp năm 2020, 2021

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				7.2.02	<i>Biểu phân công GVCN thực hiện khảo sát, kết quả khảo sát từng lớp năm 2020, 2021</i>
				7.7.03	<i>Bảng tổng hợp kết quả khảo sát việc làm của sinh viên năm 2020, 2021</i>
				7.2.04	<i>Báo cáo khảo sát sinh viên có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo năm 2020</i>
				7.2.05	<i>Danh sách và thông tin sinh viên tốt nghiệp có việc làm năm 2020, 2021</i>
				4.1.05	<i>Hồ sơ xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp nghề KTSC&LR Máy tính năm 2017</i>
				4.1.07	<i>Các biên bản trong quá trình biên soạn/điều chỉnh, thẩm định CTĐT nghề KTSC&LR Máy tính</i>
				4.1.08	<i>Hồ sơ điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp nghề KTSC&LR Máy tính năm 2020</i>
				1.1.09	<i>Bộ chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính điều chỉnh năm 2020 kèm theo hồ sơ rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo 2018 – 2020</i>
			4.7.04		<i>Biên bản Hội thảo lấy ý kiến góp ý về chương trình đào tạo nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp</i>
		8		2.7.01	<i>Quyết định ban hành kèm Quy chế đào tạo liên thông</i>
				2.7.02	<i>Chương trình đào tạo cao đẳng liên thông nghề KTSC&LR Máy tính</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
	4	9		1.1.01	<i>Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp</i>
			4.9.01.		<i>Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT</i>
			4.9.02.		<i>Hồ sơ xây dựng, thẩm định giáo trình; 4.9.03- Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình đào tạo của nghề KTSC&LR Máy tính</i>
			4.9.03		<i>Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình đào tạo của nghề KTSC&LR Máy tính</i>
			4.9.04		<i>Bản in giáo trình của các mô-đun, môn học lần đầu và điều chỉnh</i>
	4	10		1.1.01	<i>Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp</i>
				4.1.04	<i>Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp</i>
				4.9.01	<i>Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô-đun, môn học của CTĐT</i>
				4.9.04	<i>Bản in giáo trình của các mô-đun, môn học lần đầu và điều chỉnh</i>
				4.9.03	<i>Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình đào tạo của nghề KTSC&LR Máy tính Các bản ý kiến đóng góp về chương trình, giáo trình</i>
				4.11.02	<i>Các bản ý kiến đóng góp về chương trình, giáo trình</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
	4	11		1.1.01	<i>Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp</i>
				4.1.04	<i>Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình, giáo trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp</i>
				4.9.01	<i>Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của CTĐT; 4.9.02 - Hồ sơ xây dựng, thẩm định giáo trình</i>
				4.9.04	<i>Bản in giáo trình của các mô đun, môn học lần đầu và điều chỉnh</i>
				4.9.03	<i>Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình đào tạo của nghề KTSC&LR</i>
	4	12		4.9.01	<i>Hồ sơ xây dựng, thẩm định giáo trình</i>
				4.9.02	<i>Các quyết định phê duyệt ban hành kèm theo danh sách giáo trình nghề Kỹ thuật lắp ráp sửa chữa máy vi tính</i>
				1.1.01	<i>Quyết định ban hành kèm chương trình chi tiết nghề KTSC&LR Máy tính trình độ Trung cấp</i>
				4.9.02	<i>Hồ sơ xây dựng, thẩm định giáo trình; 4.9.03- Quyết định ban hành kèm theo danh sách giáo trình đào tạo của nghề KTSC&LR</i>
				4.9.01	<i>Danh sách thống kê giáo trình cho từng mô đun, môn học của CTĐT</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				4.2.01	<i>Phiếu khảo sát doanh nghiệp</i>
	5	1	5.1.01		<i>Hồ sơ hoàn công các khối công trình</i>
	5		5.1.02		<i>Danh sách các phòng học lý thuyết, phòng học chuyên môn hóa phục vụ đào tạo nghề SCLRMT;</i>
			5.1.03		<i>Quyết định giao tài sản của trường cho đơn vị quản lý, sử dụng</i>
			5.1.04		<i>Danh mục thiết bị tại các cơ sở đào tạo ngoài trường;</i>
			5.1.05		<i>Hợp đồng thuê địa điểm đào tạo; Quyết định giao quản lý tài sản tại các cơ sở</i>
			5.1.06		<i>Các hợp đồng cung cấp điện</i>
			5.1.07		<i>Các biên bản kiểm tra phòng cháy chữa cháy năm 2019 - 2021</i>
			5.1.08		<i>Các hợp đồng cung cấp nước</i>
			5.1.09		<i>Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2020, 2021, gồm: Kế hoạch khảo sát, Bộ phiếu khảo sát; Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia khảo sát; Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát;</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			5.1.10		Hồ sơ khảo sát HSSV năm 2020, 2021, gồm: Kế hoạch khảo sát, Bộ phiếu khảo sát; Danh sách HSSV tham gia khảo sát; Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát
	5	2		5.1.03	Quyết định giao tài sản của trường cho đơn vị quản lý, sử dụng
			5.2.01		Danh mục thiết bị nghề KTSC&LR Máy tính theo từng xưởng;
			5.2.02		Thẻ tài sản tại các xưởng thực hành năm 2020, 2021;
			5.2.03		Bảng đối chiếu danh mục thiết bị dạy nghề hiện có của nghề KTSC&LR Máy tính với danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu tại Phụ lục 1a, Thông tư 15/2020/TT-BLĐTBXH, ngày 28/12/2020 của nghề KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp
			5.2.04		Biên bản kiểm kê tài sản khoa Công nghệ Thông tin năm 2020, 2021;
			5.2.05		Báo cáo theo dõi tài sản cố định của phòng Thực tập sản xuất và dịch vụ năm 2020, 2021
			5.2.06		Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2020, 2021, gồm: Kế hoạch khảo sát, Bộ phiếu khảo sát; Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia khảo sát; Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát;
			5.2.07		Hồ sơ khảo sát HSSV năm 2020, 2021, gồm: Kế hoạch khảo sát, Bộ

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>phiếu khảo sát; Danh sách HSSV tham gia khảo sát; Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát</i>
	5	3		5.2.01	<i>Danh mục thiết bị nghề KTSC&LR Máy tính theo từng xưởng;</i>
				5.2.02	<i>Thẻ tài sản tại các xưởng thực hành năm 2020, 2021;</i>
				5.2.03	<i>Bảng đối chiếu danh mục thiết bị dạy nghề hiện có của nghề KTSC&LR Máy tính với danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu tại Phụ lục 1a, Thông tư 15/2020/TT-BLĐTBXH, ngày 28/12/2020 của nghề KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp;</i>
				5.2.04	<i>Biên bản kiểm kê tài sản khoa Công nghệ Thông tin năm 2020, 2021;</i>
				5.2.05	<i>Báo cáo theo dõi tài sản cố định của phòng Thực tập sản xuất và dịch vụ năm 2020, 2021</i>
	5	4	5.4.01		<i>Sơ đồ xưởng thực hành</i>
			5.4.02		<i>Bộ ảnh chụp các phòng thực hành</i>
			5.4.03		<i>Sổ giao nhận vật tư, trang thiết bị</i>
			5.4.04		<i>Bảng nội quy phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			5.4.05		Sổ giao ca tại các xưởng thực hành
				5.1.06	Các biên bản kiểm tra phòng cháy chữa cháy năm 2020, 2021
			5.4.06		Hình ảnh khuôn viên nhà trường
			5.4.07		Biên bản kiểm tra vệ sinh môi trường
			5.4.08		Phân công nhiệm vụ vệ sinh môi trường
			5.4.09		Hợp đồng dịch vụ vệ sinh môi trường
			5.4.10		Các biên bản kiểm tra phòng học, xưởng thực hành năm 2020, 2021
				2.2.01	Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo các năm 2020, 2021, 2022;
			5.4.11		Sổ giao ca tại các xưởng thực hành
			5.4.12		Quyết định số 307/QĐ-CĐNKTCN ngày 13/12/2018 về việc ban hành Quy định về quản lý thiết bị thực hành
			5.4.13		Đề xuất bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đào tạo nghề của khoa Công nghệ Thông tin năm 2020, 2021;
			5.4.14		Biên bản kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			5.4.15		<i>Kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đào tạo năm 2020, 2021</i>
			5.4.16		<i>Báo cáo công tác quản lý bảo dưỡng thiết bị 2020, 2021</i>
			5.4.17		<i>Hồ sơ quản lý, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị đào tạo</i>
			5.4.18		<i>Các Quyết định thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản;</i>
				1.2.03	<i>Báo cáo tổng kết công tác các năm 2020, 2021 của khoa;</i>
			5.4.19		<i>Báo cáo tổng kết công tác năm của Phòng Thực tập - Sản xuất và Dịch vụ năm 2020, 2021</i>
			5.4.20		<i>Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2020, 2021, gồm: Kế hoạch khảo sát, Bộ phiếu khảo sát; Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia khảo sát; Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát;</i>
			5.4.21		<i>Hồ sơ khảo sát HSSV năm 2020, 2021, gồm: Kế hoạch khảo sát, Bộ phiếu khảo sát; Danh sách HSSV tham gia khảo sát; Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát</i>
	5	5	5.5.01		<i>Sơ đồ mặt bằng phòng học khu thực hành</i>
				5.1.01	<i>Hồ sơ xây dựng các khối công trình</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			5.5.02		Hình ảnh kho
			5.5.03		Quy định về việc cung ứng, sử dụng, quản lý vật tư, dụng cụ và thu hồi sản phẩm
			5.5.04		Quyết định số .../QĐ-CĐNKTCN, ngày //2020 về việc Ban hành định mức tiêu hao vật tư thực hành nghề KTSC&LR Máy tính
				2.2.01	Kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo các năm 2020, 2021, 2022;
				2.2.02	Kế hoạch giáo viên, thời khóa biểu, lịch giảng dạy các năm 2020, 2021, 2022;
			5.5.05		Các đề xuất, dự trữ vật tư đào tạo các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022;
			5.5.06		Quy trình quản lý, sử dụng vật tư thực hành;
			5.5.07		Hợp đồng + Biên bản thanh lý hợp đồng mua bán vật tư theo học kỳ, năm học 2019-2020, 2020-2021; 2021-2022
			5.5.08		Quyết định phân công thủ kho;
			5.5.09		Quyết định phân công giáo viên quản lý thiết bị, vật tư;

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			5.5.10		<i>Phiếu giao nhận vật tư của phòng Thực tập sản xuất - Dịch vụ cho khoa;</i>
			5.5.11		<i>Sổ giao thiết bị vật tư cho giáo viên;</i>
			5.5.12		<i>Biên bản thu hồi vật tư tiêu hao theo từng MH/MĐ</i>
			5.5.13		<i>Hình ảnh kho chung của trường, kho của các đơn vị</i>
	5	6	5.6.01		<i>Bảng kê danh mục chương trình, giáo trình do nhà trường biên soạn hiện có tại thư viện;</i>
			5.6.02		<i>Các quyết định ban hành giáo trình tự biên soạn của trường).</i>
			5.6.03		<i>Danh mục đầu sách giáo trình môn học, mô đun và tài liệu tham khảo;</i>
			5.6.04		<i>Bảng thống kê số lớp, số HSSV năm học 2019 - 2020, 2020 – 2021, 2021-2022;</i>
			5.6.05		<i>Biên bản kiểm kê thư viện năm 2020, 2021</i>
			5.6.06		<i>Hợp đồng xây dựng phần mềm thư viện số, số 20HĐ/CĐNKTCN-BÌNH ĐỊNH;</i>
			5.6.07		<i>Biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Trường CĐN Kỹ thuật Công nghệ với Công ty cổ phần xây dựng và công nghệ Bình Định;</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			5.6.08		<i>Biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành xây dựng thư viện số</i>
			5.6.09		<i>Danh mục giáo trình, sách, tạp chí, tài liệu tham khảo của Nhà trường được số hóa</i>
				5.1.11	<i>Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2020, 2021, gồm: Kế hoạch khảo sát, Bộ phiếu khảo sát; Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia khảo sát; Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát;</i>
				5.1.12	<i>Hồ sơ khảo sát HSSV năm 2020, 2021, gồm: Kế hoạch khảo sát, Bộ phiếu khảo sát; Danh sách HSSV tham gia khảo sát; Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát</i>
	5	7	5.7.01		<i>Hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet;</i>
				5.6.05	<i>Biên bản kiểm kê thư viện năm 2020, 2021;</i>
			5.7.02		<i>Thẻ tài sản Thư viện điện tử;</i>
			5.7.03		<i>Ảnh chụp thư viện;</i>
			5.7.04		<i>Sơ đồ mặt bằng thư viện của Trường</i>
			5.7.05		<i>Hồ sơ nhân viên thư viện;</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			5.7.06		<i>Quyết định giao nhiệm vụ quản lý thư viện</i>
			5.7.07		<i>Kế hoạch hoạt động thư viện các năm học 2019-2020, 2020-2021;</i>
			5.7.08		<i>Thông báo giới thiệu sách mới năm học 2019-2020, 2020-2021</i>
			5.7.09		<i>Sổ theo dõi đọc và mượn tài liệu</i>
			5.7.10		<i>Hướng dẫn tra cứu danh mục sách và hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử;</i>
			5.7.11		<i>Hình ảnh cơ sở dữ liệu điện tử - Lưu trên thư viện</i>
			5.7.12		<i>Báo cáo tổng kết hoạt động của thư viện các năm học 2019-2020, 2020-2021</i>
				5.1.11	<i>Hồ sơ khảo sát CBVC - nhà giáo, Cán bộ quản lý các năm 2020, 2021, gồm: Kế hoạch khảo sát, Bộ phiếu khảo sát; Danh sách nhà giáo, cán bộ quản lý tham gia khảo sát; Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát;</i>
				5.1.12	<i>Hồ sơ khảo sát HSSV năm 2020, 2021, gồm: Kế hoạch khảo sát, Bộ phiếu khảo sát; Danh sách HSSV tham gia khảo sát; Bảng tổng hợp ý kiến khảo sát; Báo cáo kết quả khảo sát</i>
	5	8		2.3.04	<i>Danh sách tổng hợp danh mục các thiết bị và phần mềm mô phỏng phục</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
					<i>giảng dạy;</i>
			5.8.01		<i>Giáo án của các giáo viên các năm học 2020-2021, 2021 - 2022;</i>
			5.8.02		<i>Bài giảng điện tử của giáo viên năm học 2020 – 2021, 2021-2022;</i>
			5.8.03		<i>Hình ảnh các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học</i>
	6	1	6.1.01		<i>Chương trình giáo dục đầu khóa</i>
			6.1.02		<i>Quy chế đào tạo;</i>
			6.1.03		<i>Quy chế HSSV;</i>
			6.1.04		<i>Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;</i>
			6.1.05		<i>Nội quy của trường</i>
			6.1.06		<i>Bài thu hoạch của HSSV khoa CNTT năm 2020, 2021, 2022</i>
	6	2		6.1.02	<i>Quy chế đào tạo</i>
			6.2.01		<i>Quyết định về việc miễn, giảm học phí đối với học sinh, sinh viên</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
				6.1.05	<i>Nội quy của trường</i>
			6.2.02		<i>Quyết định về cấp học bổng và phần thưởng khuyến khích học nghề, khen thưởng đối với học sinh, sinh viên</i>
				6.1.03	<i>Quy chế công tác học sinh sinh viên, quy chế quản lý học sinh nội ngoại trú, nội quy lớp học/nhà xưởng, nội quy KTX</i>
			6.2.03		<i>Sổ theo dõi xác nhận giấy tờ của học sinh, sinh viên</i>
	6	3	6.3.01		<i>Quyết định thành lập phòng quan hệ doanh nghiệp;</i>
			6.3.02		<i>Quy chế tổ chức hoạt động của Phòng quan hệ doanh nghiệp</i>
			6.3.03		<i>Danh sách cán bộ làm nhiệm vụ cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn, giới thiệu việc làm</i>
			6.3.04		<i>Kế hoạch công tác phòng Quan hệ doanh nghiệp năm 2020, 2021;</i>
			6.3.05		<i>Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp;</i>
			6.3.06		<i>Báo cáo tổng kết năm học Phòng QHDN, Phòng CTHS năm 2020,2021</i>
			6.3.07		<i>Kế hoạch tổ chức “Hội nghị hướng nghiệp, việc làm năm 2020,2021”;</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			6.3.08		<i>Kế hoạch tổ chức Lễ bế giảng khóa học năm 2020, 2021</i>
	6	4	6.4.01		<i>Quyết định trao thưởng</i>
			6.4.02		<i>Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hoá văn nghệ thể dục thể thao, các hoạt động xã hội năm 2020, 2021;</i>
			6.4.03		<i>Danh sách HSSV khoa Công nghệ Thông tin tham gia các hoạt động VHVN, TDTT</i>
			6.4.04		<i>Báo cáo của Phòng Công tác HSSV năm 2020, 2021</i>
	7	1		4.2.01	<i>Hồ sơ khảo sát Doanh nghiệp năm 2020, 2021, gồm có: Bảng thống kê các Doanh nghiệp sử dụng lao động kèm theo danh sách cựu sinh viên đang làm việc tại Doanh nghiệp năm 2020, 2021; Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp năm 2020, 2021; Bộ phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2020, 2021; Tổng hợp phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2020, 2021; Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2020, 2021</i>
	7	3	7.3.01		<i>Danh sách nhà giáo tham gia giảng dạy chương trình KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp năm học 2020-2021, 2021-2022</i>
			7.3.02		<i>Kế hoạch giáo viên năm học 2020-2021, 2021-2022</i>
			7.3.03		<i>Lịch giảng dạy năm học 2020-2021, 2021-2022</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			7.3.04		Hồ sơ khảo sát CBQL - nhà giáo các năm 2020, 2021, gồm: Kế hoạch khảo sát năm 2020, 2021; Bộ phiếu khảo sát nhà giáo, CBQL năm 2020, 2021; Danh sách nhà giáo, CBQL tham gia khảo sát năm 2020, 2021; Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2020, 2021; Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát nhà giáo, CBQL năm 2020, 2021
	7	4		2.1.03	Quyết định phân lớp kèm danh sách học sinh sinh viên các lớp nghề KTSC&LR Máy tính
			7.4.01		Sổ lên lớp của các lớp trung cấp nghề KTSC&LR Máy tính các năm học 2020-2021, 2021-2022
				2.2.06	Hồ sơ khảo sát HSSV đang học tại trường các năm 2020, 2021 gồm: Kế hoạch khảo sát năm 2020, 2021; Bộ phiếu khảo sát HSSV đang học tại trường năm 2020, 2021; Danh sách học sinh trung cấp KTSC&LR Máy tính tham gia khảo sát năm 2020, 2021; Tổng hợp phiếu khảo sát năm 2020, 2021; Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát HSSV đang học tại trường năm 2020, 2021
	7	5	7.5.01		Kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp của trường năm 2021, 2022
			7.5.02		Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp của trường năm 2021, 2022

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			7.5.03		<i>Biên bản họp Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo KTSC&LR Máy tính năm 2021, 2022</i>
			7.5.04		<i>Báo cáo tự đánh giá chất lượng GDNN trường năm 2021, 2022</i>
			7.5.05		<i>Kế hoạch, biên bản cuộc họp công bố Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp năm 2021, 2022</i>
			7.5.06		<i>Công văn gửi Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp năm 2021, 2022 lên các cơ quan quản lý</i>
	7	6	7.6.01		<i>kế hoạch kiểm định CTĐT</i>
			7.6.02		<i>Các Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Cơ sở GDNN, Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT của trường năm 2021, 2022</i>
			7.6.03		<i>Báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở GDNN, chất lượng CTĐT năm 2021, 2022</i>
			7.6.04		<i>Kế hoạch khắc phục của các đơn vị</i>
			7.6.05		<i>Báo cáo kết quả khắc phục của đơn vị năm 2021,2022; 1.2.03 - Báo cáo tổng kết các năm học từ 2021, 2022 của khoa</i>
				1.2.04	<i>Báo cáo tổng kết các năm từ 2021,2022 của trường</i>

STT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các tiêu chí, tiêu chuẩn	Tên minh chứng
			7.6.06		Báo cáo Kết quả TĐGCL Cơ sở GDNN, TĐGCL CTĐT nghề KTSC&LR Máy tính trình độ trung cấp năm 2021, 2022
	7	7	7.7.01		Bảng điều tra tại các công ty
			7.7.02		Báo cáo điều tra lần vết
		8	4.2.01		Hồ sơ khảo sát Doanh nghiệp năm 2020, 2021, gồm có: Bảng thống kê các Doanh nghiệp sử dụng lao động kèm theo danh sách cựu sinh viên đang làm việc tại Doanh nghiệp năm 2020, 2021; Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp năm 2020, 2021; Bộ phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2020, 2021; Tổng hợp phiếu khảo sát doanh nghiệp năm 2020, 2021; Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2020, 2021

Nơi nhận:

- BGH (đề b/c);
- PĐBCL (đề b/c);
- Lưu: Văn thư, PĐBCL

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2022

Chủ tịch HĐ TĐGCL CTĐT



(Ký và rõ họ tên)

Dặng An Bình



177